

HOÀNG XUÂN HÂN

Một vài kí vãng

về Hội nghị

ĐÀ LẠT

15



VĂN HÓA

HOÀNG XUÂN HÃN

320.4.



00004231

MỘT VÀI KÍ VẪNG VỀ HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT

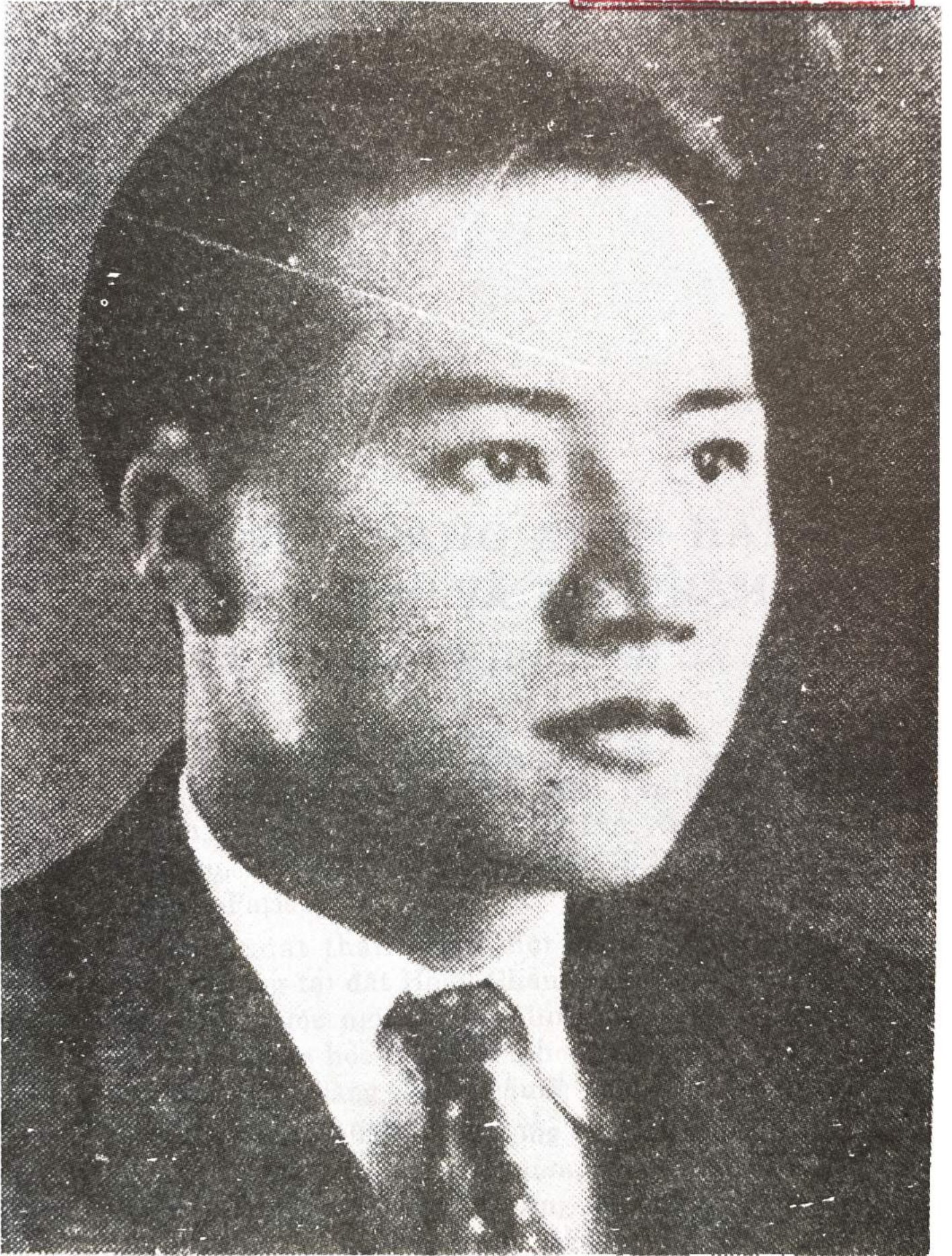
TRUNG TÂM HỌC VẤN ĐÀ MINH



215OP0042715

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

V. 320¹/92 - TĐ P.2-900²



Chân dung GS Hoàng Xuân Hãn (hình chụp trước năm 1945)

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÂN - NHÀ GIÁO DỤC VÀ TÁC PHẨM *MỘT VÀI KÍ VÃNG VỀ HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT*

Giáo sư Hoàng Xuân Hân sinh ngày 14 tháng 1 năm 1908 tại làng Nhân Thọ, tổng Yên Hồ, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), mất ngày 10 tháng 3 năm 1996 tại Paris.

Ông xuất thân trong một gia đình Nho học truyền thống tại đất Hoan Châu. Thuở nhỏ học chữ Hán, chữ Quốc ngữ tại gia đình, đến năm 9 tuổi (1917) mới vào học trường Sơ học, Tiểu học, Trung học Vinh ; đậu bằng *Thành chung* năm 1926 tại Huế.

Niên khóa 1926 - 1927 ông ra Hà Nội học tại Trường Trung học Bảo hộ (Trường Bưởi - sau đổi là Chu Văn An), cuối niên học ông đậu bằng "Tú tài Tây" nên bỏ học chương trình "Bản xứ" mà sang học

"Tú tài Tây". Năm 1928 thi đậu Tú tài toàn phần chương trình Pháp (Baccalauréat métropolitain) và du học Pháp. Tại Paris ông thi đỗ cùng một lúc vào các Trường Đại học : *Trường Cao học Ulm, Trường Cầu Cống, Trường Polytechnique* (Bách khoa), *Đại học Sorbonne...* Sau những năm miệt mài theo học tại các trường trên, ông tốt nghiệp xuất sắc và đạt được các bằng cấp : cử nhân khoa học, Kỹ sư cầu cống, Thạc sĩ toán học, (sau năm 1956 ông còn tốt nghiệp kỹ sư nguyên tử Pháp tại Trường Saclay).

Năm 1936, sau khi về nước ông làm giáo sư Toán tại Trường Bưởi, rồi Trường Đại học khoa học Hà Nội. Cùng thời điểm này, ông cùng bạn bè, đồng nghiệp sáng lập *Tạp chí Khoa học* chuyên về các vấn đề khoa học bằng tiếng Việt lần đầu tiên ở nước ta. Song song với việc giảng dạy, viết báo, ông trước tác một công trình khoa học khác ; đó là bộ *Danh từ khoa học*. Chính tác phẩm đã mở đường cho công cuộc cải cách giáo dục sau này và giúp hình thành và hoàn chỉnh chương trình Trung học Việt Nam lần đầu tiên trong *lịch sử giáo dục Việt Nam* từ khởi thủy đến hiện đại.

Việc ra đời chương trình Trung học hoàn toàn Việt Nam năm 1945 gắn liền với chức vụ Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Mĩ thuật trong nội các Trần Trọng Kim hồi ấy mà ông đã đảm đương. Đây không phải là một việc ngẫu nhiên, mà đã được ông ôm ấp thực hiện từ những năm ông còn ngồi ở ghế nhà trường Trung học.

Trước đây vài năm, nhân chúng tôi thỉnh ý Giáo sư để tìm hiểu về lịch sử Giáo dục Việt Nam, giáo sư đã ân cần chỉ giáo chúng tôi nhiều ý kiến và sử liệu quý về Giáo dục từ thời khoa cử đến cái học hiện đại.

Với lá thư dài, giáo sư đã mở ra cho chúng tôi nhiều hướng mới. Sau đây là một vài đoạn lá thư trên :

"Paris 20/3/1993

Thân gửi Chú NGUYỄN Q. THẮNG

*Tôi đã tiếp thư Chú đề ngày 21/1, và trước đó đã được tin Chú qua Tạ Trọng Hiệp và qua bà Phan Minh Lê. Tôi lại nhận được cuốn **Phan Chu Trinh** mà Chú đã soạn và tặng. Tôi rất cảm ơn. (...)*

*Chú lại cho tôi biết đang dự bị viết cuốn **"Khoa cử và Giáo dục Việt Nam"**. Những vấn đề ấy nên viết cho đầy đủ và chính xác, vì nó sẽ làm nền cho những trước tác về sau. Về phần khoa cử, tôi vốn để tâm nhiều, và cũng có lúc muốn khảo cứu dài về vấn đề ấy. Tôi đã giúp ít nhiều Trần Văn Giáp về bài **"Lược khảo về khoa cử Việt Nam..."** (Khai Trí Tiến Đức tập san số 2-3 năm 1941) và mới đây tôi giúp một cô Việt tại Paris định viết luận án về vấn đề ấy. Tôi nghĩ rằng ở xứ nhà, có nhiều phương tiện khảo cứu vấn đề tốt hơn mọi nơi ; **và mình phải làm gương mẫu cho xứ ngoài**. Tư liệu thì ngoài những bia Tiến sĩ ở Hà Nội và ở Huế, còn có những*

điều lệ rất tường tận trong **Đại Nam Thực Lục** và phần **Thủ** của sách **Quốc Triều Hương Khoa Lục** của Bộ Học dưới triều Thành Thái, theo quyền của Cao Xuân Dục. Ngoài ra, còn có một ít **bài ra, bài làm** trong một vài khoa thi đời Lê và đời Nguyễn (thư viện Bác cổ xưa). Tôi đã có dịp dùng trong cuốn **La Sơn Phu Tử** và trong một bài báo **Văn Lang** (Sài Gòn vào khoảng 1942 ?) nói về Đoàn Tử Quang đã 80 tuổi còn đi thi trường Nghệ năm 1900 (Nếu Chú tìm thấy bài này, thì cho tôi một bản phóng ảnh). ⁽¹⁾ Lại nên tìm giải thích cho người ngày nay: "**Kinh nghĩa**" là nghĩa thế nào ; "Văn sách" là lối gì ? vân vân. (...)

Nhân phần thứ hai trong dự án của Chú, "**Giáo dục Việt Nam**", thế nào cũng phải nói tới sự tổ chức xưa, sự học ở nước ta : trường gia đình, trường danh nhân, trường huyện, phủ, tỉnh, quốc tử giám ; những sự thi hạch, những cuộc tuyển cử thí sinh, nhưng điều kiện dự thi các từng thi, v.v.. Lại còn một điều rất quan trọng cho xã hội ta xưa, là kết quả các cuộc thi hạch, để được mang những danh hiệu trong làng, trong tỉnh, trong nước : tường sinh, hiệu sinh, nho sinh, khóa sinh, thí sinh, ông nho sinh trúng thức, ông tam trường, tứ trường, ông giải nguyên, hội nguyên, đình nguyên, nhị nguyên, tam nguyên, v.v.

(1) Chúng tôi đã gửi bài trên và 2 bài về Hội nghị Đà Lạt đăng trong báo Dư luận ở Hà Nội kính biểu Giáo sư hồi năm 1993.

Các Hội diễn, gia phả, hương ước sẽ giúp cho Chú về công việc này nhiều. Nếu một mình không đủ thì giờ làm, thì nên tìm chung sức, kéo chẳng bao lâu nữa sẽ có người ngoài, biết chữ Hán, và có óc khảo cứu sẽ biên tập sách báo và xuất phát trước người mình!

Có lẽ trong ý Chú dự định, là sự chuyển biến chương trình giáo dục trong nước ta, từ học từ chương Hán văn đến cách học ngày nay.

Pháp chiếm miền Nam trước, cho nên khoa thi hương cuối cùng (1864) ở Nam phái tổ chức ở An Giang (Cần Thơ). Từ đó Pháp tổ chức dạy "Quốc ngữ" trong Nam, rồi lập trường Thông ngôn để dạy Pháp văn cho người Việt. Còn ở Bắc và Trung thì chậm hơn. Ở Bắc đặc biệt có trường Thông ngôn, trường Sĩ hoạn, trường Hậu bổ, cho những ông cử nhân, tú tài sửa soạn vào quan trường. Chế độ trường *Primaire Franco - Annamite* (Trường Pháp - Việt mà dân gian gọi là *Rì-me* - có nghĩa nôm : chăn bò con) thực ra là một trường dạy hoàn toàn bằng Pháp ngữ. Tôi năm 1917, vào lớp nhỏ nhất, đã phải trả lời thầy hỏi : (*Où est ta tête ?*) Đợt thứ hai là *Primaire Supérieure*. Rồi đến bậc *Baccalauréat Local*, học ba năm và chương trình có văn hóa Việt Nam nhưng dạy hoàn toàn bằng Pháp ngữ, mà đó cũng là ngoại ngữ độc nhất đối với ta.

Tôi có học lớp đầu đợt này tại trường Bưởi ở Hà Nội. Nhưng cuối năm, tôi tự đi thi "tú tài Tây". Được đậu, cho nên bỏ "học bán xứ" mà sang học "tú tài Tây". (...)

Từ khi vào trường Vinh hay Hà Nội, tôi đã sớm nhận thấy hoàn toàn thiếu phần "Quốc học", và càng lên càng thấy phần quốc học suy đồi, anh em ít người chú tâm ; đến cả thầy giáo cũng vừa non nớt vừa uế oái. Tôi lại nhận thấy rằng nếu tiếng mình thiếu phần tối thiểu về khoa học, thì dân ta không thể có những lí luận chính xác nghiêm túc và những kiến thức "cách trí" không thể truyền bá vào tập quán dân ta, chỉ quen với từ chương mơ hồ luộm thuộm. Vì những lẽ ấy, khi tôi được vào trường Polytechnique, năm 1930, tôi bắt đầu nghĩ đặt **Danh từ khoa học** cho có nền tảng hữu lí và quốc gia. Năm 1936, tôi về dạy toán học tại trường Bưởi cũ, nhưng nay đã đổi ra loại Lycée với hoàn toàn chương trình trung học "Tây". Vấn đề giáo dục không thể gắn liền với vấn đề quốc học nữa. Nhưng tôi vẫn tiếp tục công việc lập Danh từ khoa học. Không bao lâu thì cuộc chiến tranh Âu châu bùng nổ, Binh đội Pháp đầu hàng ; quân Nhật vào Đông Dương. Phần lớn trí thức trẻ Việt Nam liền thấy vận mệnh nước mình sẽ thay đổi, trong hướng trở lại với nền văn hóa gốc. Tôi cùng một nhóm bạn lập ra tạp chí **Khoa học**, và tôi tự đem in tập **Danh từ khoa học** của tôi. Thực ra, bấy giờ tôi chịu những lời phê phán hiểm nghị của một số Pháp chính quyền cao cấp". ⁽¹⁾

Thư riêng của GS Hoàng Xuân Hân gửi Nguyễn Q. Thắng ghi ngày 20-3-93 tại Paris, in trong *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam* (cùng tác giả) NXB Văn hóa 1993.

Sau đảo chính ngày 9-3-1945 mà Nhật Bản nêu ra chiêu bài "trao trả độc lập" cho Việt Nam là một thời cơ thuận tiện cho việc hình thành chương trình trung học Việt Nam. Việc Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời ; nhất là việc thành lập Bộ Giáo dục - Mĩ thuật là một bước ngoặt lịch sử cực kì quan trọng cho việc hình thành một chương trình Trung học hoàn toàn Việt Nam sau hơn mấy chục năm dân ta phải học văn hóa Việt Nam.khoa học thực nghiệm thông qua Pháp ngữ. Chỉ trong một thời gian kỉ lục - chỉ có 2 tháng - việc chuyển ngữ được áp dụng tại Trường Quốc học (tức Trường Khải Định).

Hội đồng soạn thảo chương trình gồm các giáo sư, học giả đang dạy học và làm việc tại Huế do gợi ý của Hội đồng Tư vấn Trung Bộ dưới sự đôn đốc, chủ tọa trực tiếp của Bộ trưởng Giáo dục (Hoàng Xuân Hãn). Chính vì vậy, trường Quốc học trở thành trung tâm điểm cho việc soạn thảo Chương trình Trung học Việt Nam thuần túy mà sau này trong học giới và giáo giới thường gọi là Chương trình Hoàng Xuân Hãn. Đây là một chương trình Trung học đầu tiên được soạn thảo gấp rút trong một thời gian ngắn mà vẫn có giá trị lâu dài và tiến bộ hơn cả một vài chương trình cải cách giáo dục gần đây. Chương trình được Ban hành bởi Dụ số 67 ngày 3-6-1945 do đương kim hoàng đế Bảo Đại kí. Tinh thần của Dụ này được thực thi ngay với kì thi Tú tài Việt Nam niên khóa 1944-1945. Đây cũng là văn bằng Tú tài thi bằng tiếng Việt đầu tiên của lịch sử giáo dục

nước ta, tuy rằng suốt 12 năm học, học sinh đều dùng tiếng Pháp làm chuyên ngữ chính.

So với các chương trình Trung học Việt Nam sau năm 1945 đến nay (1996) thì chương trình này là một chương trình cải tổ sâu rộng nhất. Từ việc thay hẳn tiếng Pháp bằng tiếng Việt, thay đổi một số môn học, thêm vào một số môn mới (như ở ban **chuyên khoa cổ văn** và các ban khác có môn **kinh tế học, triết học**, nhất là phần **lịch sử Việt Nam**) tùy theo từng **ban chuyên khoa** của chương trình. Có thể nói đây là một chương trình mới nhất, tiến bộ nhất - vào thời điểm đó - mà nền giáo dục Trung học Việt Nam thừa hưởng được. Tuy rằng chương trình này chỉ áp dụng trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó nhiều năm (tuy đất nước thay đổi chế độ) các chương trình khác vẫn vận dụng và duy trì một số cải tổ mà **chương trình Hoàng Xuân Hân** đặt ra hồi đó. ⁽¹⁾

Hồi tưởng lại việc làm ấy (cách đây 50 năm) cũng trong lá thư thượng dân, Giáo sư viết :

"Thật vậy, vào khoảng cuối tháng 4-1945, khi tôi nhậm chức Bộ trưởng Giáo dục, thì các trường Trung học tại Huế, công cũng như tư, đều dạy bằng tiếng Việt. Phương pháp từ ngữ thì chọn lấy mấy trăm chữ Pháp liên quan đến môn mình dạy, đem

(1) Tham khảo thêm : Nguyễn Q. Thắng, *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam* (bản in kì II, 1994), NXB Văn Hóa - TT 1994, Hà Nội.

diễn ra bằng Việt ngữ, rồi đem "in thạch" mà phát cho các thầy trò. Các thầy theo đó mà giảng. Nhiều thầy đã mách với tôi rằng học trò nhớ tân ngữ chóng hơn thầy nhiều ! Lúc đầu chương trình còn theo chương trình Trung học Pháp. Tôi liền họp các giáo sư Trung học và yêu cầu lập chóng một chương trình có tính cách hoàn toàn quốc gia Việt Nam. Từ tôi đặt ra một số nguyên tắc mới, mà sau này chính chương trình trung học Pháp cũng theo (như vượt lên về Toán Lí Hóa, bỏ chia Trung học ra hai phần, v.v.). Chính tôi đã đặt ra những từ : **Phổ thông** và **Chuyên khoa**. Nhất là như tôi đã nói, tôi thấy về văn học, ta thiếu những người học sâu về cổ văn, để hiểu và dạy quốc văn nghiêm túc, và nhận văn bản đúng hay sai. Vì lẽ ấy, tôi đã đặt ban **chuyên khoa cổ văn** như trong các chương trình Âu châu" ⁽¹⁾

Trong việc áp dụng chương trình mới ; điển hình nhất là tổ chức kì thi Tú tài Việt Nam đầu tiên của lịch sử Giáo dục nước ta. Tất cả các môn thi, thí sinh đều làm bài bằng tiếng Việt. Đây là điều khó có thể làm được của công tác giáo dục tại bất cứ một quốc gia thuộc địa cũ bị chế độ thực dân đô hộ lâu dài. Với thực tế đó, Giáo sư đã khiêm nhường nhắc lại với tất cả tấm lòng vì tiền đồ giáo dục Việt Nam.

(1) Nguyễn Q. Thắng, *Khoa Cử và Giáo dục Việt Nam*, NXB Văn Hóa bản in Kì II, 1994. Chúng tôi trích đăng một số đoạn lá thư dài trên vì thiên nghi đây là một tư liệu quý.

"Cuối tháng 6, lần đầu mở kì thi trung học bằng tiếng Việt tại Huế (...) Những bài làm rất tốt, kể cả bài thi Triết học. Đầu tháng 7, tôi phải ra Hà Nội để thu nhận các cơ quan Đại học mà Nhật trả ; tôi đã mang theo **bản Chương trình Trung học và bản tập lục** những bài thi xuất sắc để đem in. Tiếc thay, nhà in bị cháy, tôi chỉ cứu được một bản in *Chương trình trung học*. Đây chấm dứt sự hành vụ của tôi. Sau này, tại Pháp, tôi có gặp lại một vài thí sinh ở Huế hồi đó".

Sau Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp làm le trở lại đô hộ dân ta một lần nữa, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã có mặt trong công cuộc giành độc lập cho dân tộc. Trong viễn cảnh đen tối đó, Giáo sư đã có một vài lần hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh ⁽¹⁾ thẳng thắn phát biểu ý kiến của quần chúng mà ông lắng nghe được mong góp một vài nhận định cá nhân trong công cuộc chống ngoại xâm. Chính vì vậy, Giáo sư được Chính phủ đề cử tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt năm 1946, với chức vụ mà ông có thể đảm đương được : *Trưởng ban chính trị*.

Với cương vị này, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã đóng góp cho hội nghị một số kết quả khiêm nhường là giúp cho hai phái đoàn "hiểu rõ lập trường của nhau" tuy rằng hội nghị không mang lại kết quả nào rõ ràng.

(1) Theo *Một vài kí vãng về hội nghị Đà Lạt* (xem sau).

Sau khi ở Đà Lạt về, Giáo sư phụ trách giảng dạy một số giờ về bộ môn kĩ thuật quân sự cho các khóa huấn luyện tại Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn ở Hà Nội. Trong những ngày đầu kháng chiến Giáo sư bị quân đội Pháp bắt tại nhà riêng, một thời gian ngắn mới được trả tự do ⁽¹⁾. Trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh còn tiếp diễn, ngôi nhà riêng của ông ở Hà Nội cũng là địa điểm để các thân hữu ở Pháp quyên góp tiền bạc, thuốc men gửi về giúp đỡ các bạn tham gia kháng chiến. Nhớ có lần kĩ sư Nguyễn Ngọc Bích (đồng môn với ông, tốt nghiệp Trường Polytechnique) tham gia kháng chiến ở Sóc Trăng (Nam Bộ) bị Pháp bắt, trục xuất về Pháp. Tại Paris kĩ sư Bích đã mở NXB Minh Tân chuyên xuất bản các tác phẩm văn học, khoa học giá trị viết ở Việt Nam, trong đó có tác phẩm của GS Hoàng Xuân Hãn, Kĩ sư Bích đã nhiều lần gửi tiền, vàng về giúp các ông Đào Duy Anh và các bạn trí thức đi kháng chiến ⁽²⁾. Theo tác giả sách *Sống với tình thương*, nếu không có số thuốc, tiền, vàng của kĩ sư Nguyễn Ngọc Bích - qua tay GS Hoàng Xuân Hãn - gửi về thì học giả Đào Duy Anh đã mất từ những năm đầu kháng chiến với chứng bệnh nan y hồi đó.

(1) Theo Phạm Khắc Hòe, *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*.

(2) Theo Trần Thị Như Mân, *Sống với tình thương*, NXB Trẻ, TPHCM 1990 (Trần Thị Như Mân tức bà quả phụ Đào Duy Anh).

Trong những ngày đầu kháng chiến còn lại ở nội thành, GS Hoàng Xuân Hãn đã dùng hết thời gian ấy biên soạn một công trình lớn về lịch sử Ngoại giao và Tông giáo đời Lí. Đó là tác phẩm *Lý Thường Kiệt* (do Nhà xuất bản Sông Nhị ấn hành lần thứ nhất năm 1949 tại Hà Nội - năm 1966 Viện Đại học Vạn Hạnh in lần thứ 2 tại Sài Gòn, Năm 1995 NXB Văn học Hà Nội in lại lần thứ 3) mà trong lời Tựa tác giả đề "tặng tất cả những người hi sinh cho tổ quốc" nơi đầu sách.

Nói như tác giả thì "Độc xong đoạn sử này (thời Lí) độc giả sẽ thấy, cách đây ngót nghìn năm, cha ông ta đã đủ tài năng, nghị lực để gây dựng, tổ chức và gìn giữ khoảnh đất gốc cội của tổ quốc ta ngày nay ; độc giả sẽ nhận thấy huyết quản của chiến sĩ bây giờ vẫn chan hòa máu nóng của tổ tiên, máu nóng mà không lẽ có người không mang một giọt. Dẫu trong nhất thời, có kẻ lỡ lầm làm hại nước, hoặc con dân một nước có ý tưởng dị đồng trước nạn bại vong, giọt máu ấy cũng đủ gây nên chí quật cường, lòng tương ái.

Vẫn biết sống về tương lai : nhưng dĩ vãng là gương nên ngắm lại.

Vẫn biết tương lai là thế giới đại đồng ⁽¹⁾ ;

(1) Ý tưởng này trước đó (1947) Huỳnh Thúc Kháng (1875-1947) cũng viết : "Người ta nói tôn giáo không có quốc giới. Tôi cũng tin vậy. Hơn nữa, tôi tin sau này rồi cái gì cũng không có quốc giới. Nhưng ngày còn xa !"

nhưng trước lúc ấy, nước mình phải là một nước thật.

Vẫn biết chớ vịn vào phân tranh đời trước mà gây oán thù đời sau, nhưng biết rõ sự tranh đấu đời xưa, sẽ làm cho các nước càng kính nể nhau thêm, và mới hiểu vì sao mà phải cộng tác ngang hàng". (Bài Tựa sách **Lý Thường Kiệt**).

Có lẽ đó là tác lòng tác giả, mà cũng là lời nhắn gửi đến công chúng độc giả giữa buổi chiến tranh thảm khốc với ước vọng giành độc lập cho dân tộc.

Cùng thời điểm hoàn thành tác phẩm đồ sộ trên, Giáo sư đã viết lại một phần hồi ức của mình về hội nghị Đà Lạt. Bài đã đăng một phần trên tạp chí *Dư luận* phát hành ở Hà Nội dạo đó. Mãi đến khi định cư ở Pháp, do yêu cầu của một vài vị yêu thích sử học, đề nghị Giáo sư viết tiếp các sự việc xảy ra tại Đà Lạt hồi ấy. Do đó, tập bài *Kí vãng* này mới có điều kiện ra mắt độc giả.

Một vài kí vãng về hội nghị Đà Lạt này là một phần hồi ức của GS Hoàng Xuân Hãn về hội nghị trù bị Đà Lạt năm 1946 mà ông là một thành viên của phái đoàn như đã nói.

Sách nguyên là một bài đăng trên Tạp san Sử Địa số 23 - 24 năm 1971 xuất bản tại Sài Gòn. Nói như tác giả, "*kí vãng*" này có được là do "*Tạp san Sử*

Địa cố nài tôi (HXX) kể chuyện hội nghị Đà Lạt" mà ông có dự ; tuy GS khiêm nhường thổ lộ như vậy, nhưng thật sự đây là một sử liệu quý về một giai đoạn đáng ghi nhớ của lịch sử dân tộc.

Hội nghị Đà Lạt họp từ ngày 17 tháng 4 đến ngày 12 tháng 5 năm 1946, là một hội nghị dự bị, "dọn đường" cho hội nghị chính thức : họp tại Fontainebleau tháng bảy năm ấy.

Hội nghị Đà Lạt chỉ là một cuộc gặp gỡ, nếu có thể gọi được là "bán chính thức" : một dịp để hai đoàn đại biểu Việt và Pháp trao đổi quan điểm, mong cho cuộc thương nghị chính thức được nhanh chóng, dễ dàng hơn.

Tại Đà Lạt, hai bên Việt Nam và Pháp không thỏa thuận được về một vấn đề nào, ngoài mấy điểm nhỏ thuộc phạm vi Đà Lạt không có một kết quả gì, nhưng vẫn giúp cho hai phái đoàn hiểu lập trường của nhau.

Kết quả duy nhất theo Giáo sư Hoàng Xuân Hân, là "hai bên hiểu lập trường nhau, hoặc về nguyên tắc, hoặc về trình độ".

Hai đoàn đại biểu đã hiểu rõ lập trường của nhau có thể, tại Hội nghị chính thức, nhượng bộ nhau chút nào chăng ? Có dịp tiếp xúc, đã hiểu tính tình nhau, chẳng cũng có kết quả nữa là kỳ họp mặt sau - đại đa số đại biểu Pháp và một số đại biểu hay giám định chuyên môn Việt Nam có mặt tại Đà Lạt sẽ dự cuộc thương nghị tại Fontainebleau - điều đình thân mật và thành thực hơn ?

Thật vậy, tác giả đã là thành viên chính thức của phái đoàn, mà ông còn là yếu nhân trong phái đoàn (Trưởng ban Chính trị) nên có đủ tư cách trình bày lại các sự kiện xảy ra tại Hội nghị. Sách này tập hợp một vài bài viết sau khi ở Đà Lạt về và các ghi nhớ ở *Nhật kí* nên rất khách quan, với tinh thần vô tư của sử học và tác giả cũng là một chứng nhân đích thực.

Văn viết rất giản dị dù trong thể hồi kí, lại được trình bày rất có phương pháp ; nhất là hai phần sau. Tác giả đã phân chia ra nhiều đoạn mục, để người đọc khỏi mất thời giờ tìm hiểu. Chẳng hạn như bài Vấn đề chính trị gồm có những tiêu đề : *Thống nhất Việt Nam, Liên bang Đông Dương, Liên hiệp Pháp, Ngoại giao và Quân sự...*

Về vấn đề quân sự, ngoài lập trường hai phái đoàn về phòng thủ Việt Nam trong hệ thống Liên hiệp Pháp, tác giả còn cho chúng ta hay rằng tại Đà Lạt đã bàn cãi gần hai tuần lễ về việc đình chiến tại Nam Bộ. Một vấn đề tối quan trọng hồi ấy bây giờ cần phải giải quyết mới mong gây được bầu không khí thuận tiện cho cuộc điều đình thân mật và thành thật (theo Hiệp định ngày 6 tháng ba). Tất cả những sự kiện trên được tác giả trình bày một cách rất khúc chiết, minh bạch qua ngòi bút của một nhà sử học, một nhà khoa học tự nhiên.

Do giá trị của "*Kí văng*" này, trước đây chúng tôi đã có thư liên lạc, xin phép Giáo sư để in thành sách tại Việt Nam, giáo sư đã đáp ứng nguyện vọng

của chúng tôi ; nhưng sách chưa kịp phát hành thì Giáo sư đã "ra đi". Nhân đây, chúng tôi xin được tỏ lòng tri ân hương hồn giáo sư và gia đình khi sách này đến tay độc giả Việt Nam.

Tiếp theo phần chính văn, chúng tôi cho in ở *Phụ lục* bài *Những vấn đề kinh tế và tài chánh* của cố Luật sư Vũ Văn Hiền, bài *Ít dòng Nhật kí về hội nghị trù bị Đà Lạt 1946* của cố Luật sư Trần Văn Tuyên, cùng bài *Thương tiếc GS Hoàng Xuân Hân* của GS Trần Văn Khê như là một "điếu văn" nhân lễ cầu siêu Giáo sư tại chùa Trúc Lâm, Paris trong tháng 3-1996.

Sau cùng là Phần "*Sơ lược tiểu sử các Phái viên và Cố vấn của Phái đoàn dự hội nghị Đà Lạt*" do chúng tôi soạn nhằm giúp độc giả rõ thêm các nhân vật trên.

Nhân dịp này, xin hương hồn giáo sư cho phép tôi được dâng lên người một nén tâm hương của kẻ hậu học.

(Viết sau lễ tưởng niệm GS Hoàng Xuân Hân tại **Liên hiệp các Hội khoa học TP.HCM** số 43 đường Nguyễn Thông, Q.3, Sài Gòn).

NGUYỄN Q. THẮNG

Sài Gòn ngày 16 tháng 3 năm 1996

DANH SÁCH NHÂN VIÊN PHÁI ĐOÀN VIỆT NAM

Các ông :

NGUYỄN TƯỜNG TAM, Bộ trưởng Ngoại giao, đoàn trưởng ;

VÕ NGUYỄN GIÁP, Chủ tịch Quân Ủy hội, phó đoàn trưởng kiêm trưởng ban quân sự;

VŨ VĂN HIỀN, tổng thư ký phái đoàn ;

HOÀNG XUÂN HÂN, trưởng ban chính trị;

TRỊNH VĂN BÌNH, trưởng ban kinh tế tài chính;

NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG, trưởng ban văn hóa;

DƯƠNG BẠCH MAI, phái viên ;

PHẠM NGỌC THẠCH, phái viên (sau ô. HỒ HỮU TƯỜNG thay) ;

BÙI CÔNG TRÙNG, phái viên ;

CÙ HUY CẬN, phái viên ;

TRẦN ĐĂNG KHOA, phái viên ;

Bác sĩ NGUYỄN VĂN LUYỆN, phái viên.

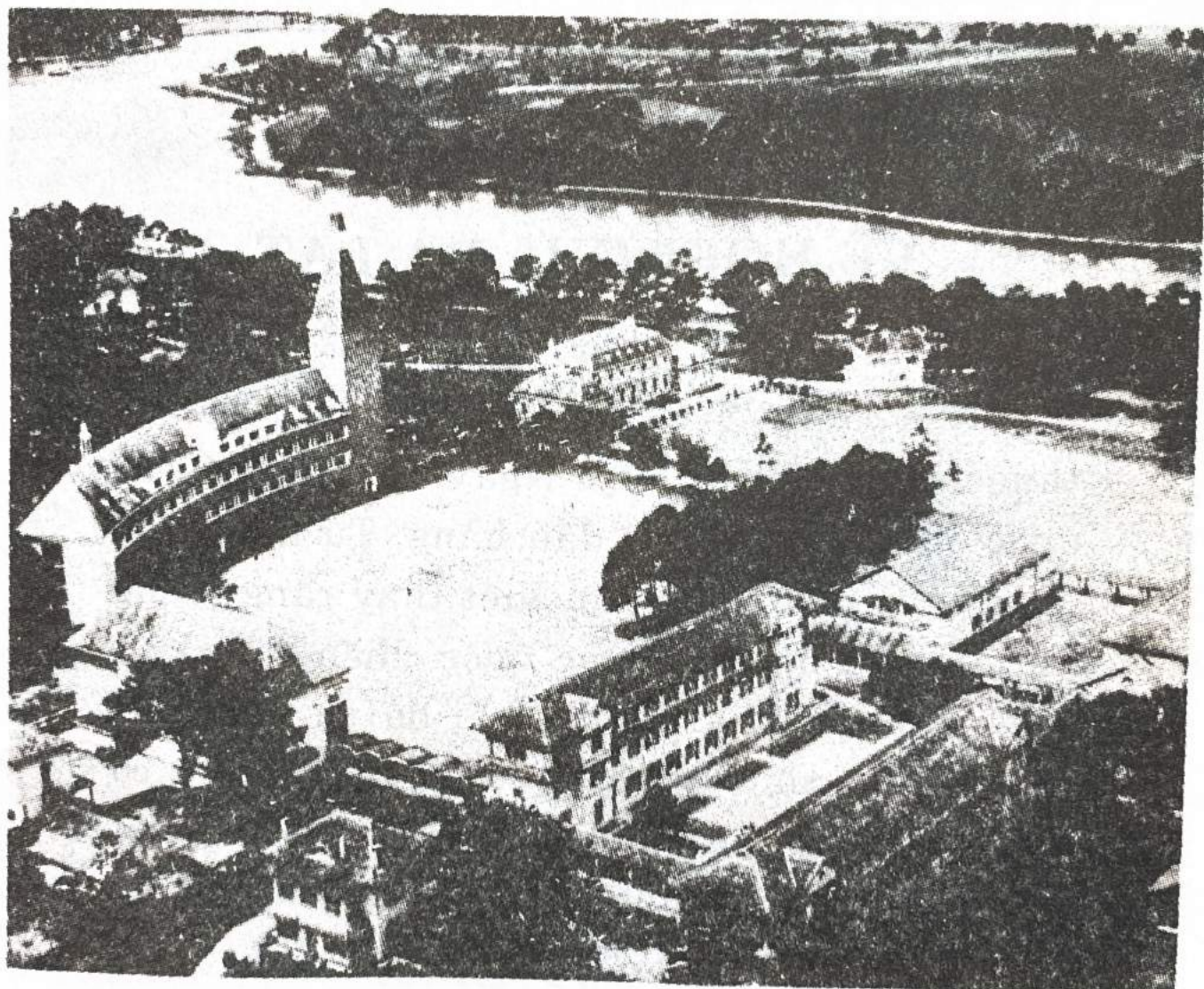
(Giám định chuyên môn trong phái đoàn có các ông : PHẠM KHẮC HÒE, giám đốc phòng bí thư của phái đoàn ; NGUYỄN VĂN HUYỀN ; TẠ QUANG BỬU ; HỒ HỮU TƯỜNG ; NGUYỄN TƯỜNG THỤY ; kỹ sư NGUYỄN VĂN THANH ; kỹ sư NGUYỄN VĂN TINH ; đại úy NGUYỄN VĂN PHÁC ; thiếu tá KIỀU CÔNG CUNG ; v.v...)

LỜI NÓI ĐẦU

Tập san Sử Địa (Sài Gòn) cố nài tôi kể chuyện Hội nghị Đà Lạt mà tôi có dự. Tôi đã khuyên nên nhờ ai còn giữ được các tài liệu chính thức về vụ ấy, vì riêng tôi, thì hồi quân Pháp chiếm lại Hà Nội, những tài liệu đầy đủ ấy đã bị mất. Tôi cũng đã khuyên nên đăng lại những bài lược trình về các buổi tranh luận về những vấn đề chính trị, tài chánh, vũ bị và văn hóa mà Vũ Văn Hiền, một bạn khác và tôi đã viết trong tạp chí Dư luận ⁽¹⁾ xuất bản năm 1946, rồi sau được gộp lại xuất bản thành sách nhỏ. Nay, báo và sách tôi đều không có nữa. Chuyện mới xảy ra cách một phần tư thế kỉ, mà tài liệu ở nước nhà không còn. Ở Paris hẳn có, nhưng chưa có phương tiện tìm tòi.

May sao, trong những quyển sổ tay của tôi, tôi còn thấy ghi lại một số sự kiện, riêng, chung về hành trình đi dự hội nghị này. Tôi cũng chiều ý Sử Địa một phần nào, bằng sẽ kể một vài mẩu chuyện và một vài đại ý về việc này, để độc giả ngày nay và ngày sau còn cảm thông với những người đương sự trong giai đoạn cực kỳ gian nan cho vận mệnh nước nhà trong buổi tái sinh của dân tộc Việt. Kí vãng là chép chuyện xưa liên hệ đến mình. Vậy tôi xin lỗi sẽ nói nhiều về cá nhân tôi.

(1) Nay chúng tôi sưu tầm lại được, cho in ở phần sau, phụ lục (BT)



Trường Lycée Yersin (nơi 2 phái đoàn họp)

LỜI NÓI ĐẦU

MỘT VÀI KÍ VÃNG VỀ HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT

Đêm mồng 9 tháng 3 năm 1945, chế độ thuộc địa Pháp bị hủy. Ngày 15 tháng 8, đế quốc quân phiệt Nhật đầu hàng. Từ khi chính quyền thực dân tan, dân Việt thấy rằng tương lai mình sẽ do các cường quốc chiến thắng đã đánh, nhưng nhất là do thái độ và năng lực của mình trước. Vì vậy, tuy trong nội bộ có chính biến, nhưng quốc dân đều một lòng siết chặt chung quanh những kẻ cầm quyền, để đợi những biến cố tây trời sắp dôn dập tới.

Tuy chính quyền *Pháp mới* loan báo sắp phái tướng Leclerc sang tái phục và đô đốc D'Argenlieu sang quản trị Đông Dương, nhưng dân Việt vẫn mong rằng Mĩ và Trung sẽ can chế độ thực dân tái lập. Phải đợi đến sau ngày 12 tháng 9, quân Anh vũ trang người Pháp ở

Sài Gòn, rồi sau ngày 21 tàu Anh chở quân viễn chinh Pháp đổ bộ lên đất Nam Bộ, thì dân Việt mới thấy cái họa mất nước lần thứ hai. Ngoài ra, một số người vong bản hoặc bị phỉnh phờ theo hứa hẹn ra nước *Nam Kỳ tự trị* nhân dân đã quyết chống nạn ngoại xâm, tuy trong nội bộ có sự đảng tranh, nó đã đem lại nhiều thảm kịch tai hại. Ngày 19 tháng 11, mặt trận *Việt Minh*, đảng *Quốc Dân* và nhóm *Đồng Minh* cam kết liên hiệp để đối phó với thời cơ.

Trong khi ấy, quân đội viễn chinh và chính phủ Pháp đã thi hành những giai đoạn từng thấy hơn sáu mươi năm về trước để chiếm đoạt toàn lãnh thổ Việt Nam : chiếm Nam phần, dõ Miên, Lào, điều đình với Trung quốc để tìm cơ đem quân ra Bắc. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, *thỏa hiệp Trung - Pháp* được kí, nhận quân đội Pháp ra Bắc thế quân đội Trung, đặt Hải Phòng làm hải cảng tự do cho hàng hóa Trung Quốc. Bấy giờ những hiện tượng Jean Dupuis, Francis Garnier ngày xưa lù lù tái hiện. Không đủ vũ lực chống lại, kẻ cầm quyền chỉ có cách điều đình. Với sự đoàn kết tất cả nhân dân thì may gì sẽ giữ được những điều kiện tối thiểu của một nước.

Sau khi Nhật hoàng chịu đầu hàng, quốc trưởng *Báo Đại* và chính phủ *Trần Trọng Kim* đánh điện tín cho quốc trưởng bốn nước có thể liên quan tới vận mệnh Việt nam, bày tỏ thái độ toàn quốc sẽ cương quyết chống thực dân Pháp trở lại chinh phục nước mình. Tuy lời kêu gọi ấy không có một tiếng trỗi nào, nhưng muốn tỏ sự toàn dân đoàn kết, chính phủ đã mời cựu hoàng ra Hà Nội làm cố vấn, rồi lại để đi sang Trung Quốc. Cũng vì lẽ ấy, ngày mồng 6 tháng giêng (1946), toàn dân bầu cử quốc hội, có dành 70 ghế cho các nhóm Quốc dân và Đồng minh. Ngày mồng 2 tháng 3, họp hội nghị toàn quốc, và ngày hôm sau thành lập chính phủ chính thức "*đoàn kết kháng chiến*", có *Hồ Chí Minh* chủ tịch, *Nguyễn Hải Thần* phó chủ tịch, *Huỳnh Thúc Kháng* bộ trưởng Nội vụ, *Nguyễn Tường Tam* bộ trưởng bộ Ngoại giao, và *Phan Anh* bộ trưởng bộ Quốc phòng. Tuy thực lực vũ trang phần lớn trong tay quân trưởng *Võ Nguyên Giáp*, nhưng sự thành lập một chính phủ dung hòa mọi xu hướng chính trị đã tăng uy thế của vị chủ tịch đang điều đình rất gắt gao với phái viên Pháp

là *Sainteny*. Chủ soái quân đội viễn chinh Pháp, tướng *Leclerc* muốn đổ bộ gấp rút lên đất Bắc, đã ép chính nhân Pháp phải nhận phần tối thiểu : tên nước Việt Nam và phẩm giá tự do.

Ngày mồng 6 tháng 3, Hồ Chí Minh và *Sainteny* kí một hiệp ước giữa Việt Nam và Pháp, mang xưng hiệu *Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3*. Hai bên giao hẹn rằng :

"1. - Chính phủ Pháp nhìn nhận nước Cộng hòa Việt Nam là một nước tự do có chính phủ riêng, có quốc hội riêng, có quân đội riêng và có tài chánh riêng, nhập phần Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Về điều thống nhất ba "KỶ", thì chính phủ Pháp cam đoan sẽ chấp nhận sự quyết định của những dân tộc sẽ được trưng cầu ý kiến.

"2. - Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng đón một cách thân thiện quân đội Pháp, khi, theo đúng những liên hiệp quốc tế, quân đội này thay thế quân đội Trung Hoa. Một kế ước phụ tiếp vào Hiệp định sơ bộ này sẽ định những cách thức theo đó những tác động thay thế sẽ cử hành.

"3. - Những điều khoản đề xuất trên đây sẽ được thi hành lập tức. Liền sau khi trao đổi chữ kí, mỗi một bên giao kết sẽ thi thố những sự cần thiết để ngừng chiến lập tức, để cầm bộ đội mình đóng tại chỗ hiện có, để gây nên bầu không khí thuận lợi, cần thiết cho sự mở lập tức những cuộc đàm phán thân thiện và chân thành. Những cuộc đàm phán ấy hướng nhất về :

a) Những liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và các nước ngoài,

b) Điều lệ tương lai của Liên bang Đông Dương,

c) Quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt Nam.

Hà Nội, hoặc Sài Gòn, hoặc Paris có thể được chọn làm nơi trụ sở cho cuộc đàm phán."

KHẾ ƯỚC PHỤ

"Giữa hai bên kí kết đã chỉ định trong Hiệp ước sơ bộ, đã giao hẹn những điều sau :

1. - Binh lực thay thế sẽ gồm :

a) một vạn người Việt Nam, với cán bộ

Việt Nam, dưới quyền những binh quyền Việt Nam.

b) mười lăm nghìn Pháp, kể cả binh lực Pháp hiện ở trên lãnh thổ Việt Nam ở phía bắc vĩ tuyến 16. Những phần tử ấy phải chỉ gồm người Pháp gốc chính quốc, trừ ra những bộ đội canh giữ tù binh Nhật.

"Toàn bộ các binh lực ấy sẽ đặt dưới Thượng đẳng Chỉ huy Pháp có đại biểu Việt Nam hỗ trợ. Sự tiến, sự đóng và sự dừng những binh lực ấy sẽ định trong một cuộc đàm phán Tham mưu giữa những đại diện chỉ huy Pháp và Việt Nam ; cuộc đàm phán ấy sẽ nhóm lập tức sau khi có những đơn vị quân Pháp đổ bộ.

"Những ủy ban hỗn hợp sẽ được đặt ra tại các cấp để báo nhậm, với tinh thần hợp tác thân thiện, sự liên lạc giữa quân đội Pháp và quân đội Việt Nam.

2. - Những phần tử binh lực thay thế Pháp sẽ chia làm ba hạng :

a) Những đơn vị có trách nhiệm bảo đảm sự canh giữ tù binh Nhật Bản. Những đơn vị này sẽ được hồi hương liền sau khi nhiệm vụ

không còn có lí do, vì tù binh Nhật đã được thả đi ; trong mọi trường hợp phải rút sau không quá mười tháng.

b) Những đơn vị có trách nhiệm bảo đảm, với hợp tác của quân đội Việt Nam, giữ gìn trật tự và an toàn lãnh thổ Việt Nam. Những đơn vị này sẽ được thay thế, mỗi năm một phần năm, bởi binh đội Việt Nam. Việc thay thế ấy sẽ hoàn thành trong thời hạn năm năm.

c) Những đơn vị có trách nhiệm phòng thủ các căn cứ Hải quân và Không quân. Thời hạn nhiệm vụ giao cho các đơn vị ấy sẽ định trong những cuộc đàm phán sau.

3.- Trong những địa điểm có quân đội Pháp và Việt Nam đóng đồn, những khu đóng trại có giới hạn rõ ràng sẽ chỉ định dành cho các quân đội ấy.

4. - Chính phủ Pháp cam đoan không dùng tù binh Nhật Bản về việc binh.

Làm tại Hà Nội ngày mồng 6 tháng 3, 1946

Kí : SAINTENY

Kí : HỒ CHÍ MINH

VŨ HỒNG KHANH

Lấy tình cảm mà phán, hầu hết quốc dân đã thất vọng vì hai ước nguyện ĐỘC LẬP và THỐNG NHẤT có một thời gian tưởng đã đạt, nay bị tiêu tan. Nhưng những nhà đương sự phải đối phó với thật tế ; mà thật tế là trong khi điều đình, chính phủ Trung Quốc đã cho phép quân Pháp năm trước chạy sang Vân Nam khi quân Nhật tấn công, được vũ trang trở lại chiếm vùng Tây Bắc ; và sáng ngày mùng 6 tháng 3, các tàu chở quân đội Pháp đã vào Cửa Cẩm và vừa đối pháo với một tiểu đội Trung quân, trái với sự thỏa thuận của tướng Leclerc để quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng. Trước thái độ hững hờ của các cường quốc, biết binh lực mình còn non nớt không thể công nhiên đương đầu với cơ khí của Anh, Mĩ mà quân Pháp được trang bị, chính phủ Liên hiệp Kháng chiến chỉ có hai đường : một là chống lại bằng vũ lực nhưng rồi phải bỏ các đô thị để kháng chiến một cách anh dũng nhưng tối tăm như các tiền bối Trương Định, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám ; hai là chịu lép đương thời để được Pháp và quốc tế nhìn nhận có nước Việt Nam, rồi tựa vào dư luận



34 HOÀNG XUÂN HÂN

dân Pháp và dân hoàn cầu và nhất là vào sự đồng tâm kiên quyết không chịu nô lệ của quốc dân, để tái lập dần dần sự hoàn toàn độc lập.

Thật ra bây giờ còn có một con đường thứ ba là lợi dụng sự hiện có mặt của quân đội Trung Quốc mà chống quân Pháp đổ bộ. Đó là một kế mà một phần tử tướng và chính khách Trung Hoa xui ngầm một số người Việt Nam yêu nước. Nguyên là, hơn 60 năm về trước, Pháp đã lấy vũ lực ép triều nhà Thanh phải để Pháp làm chủ trên đất Việt Nam. Nay Trung Quốc có thể giành lại thế lực ở đây với Pháp. Chính vì vậy tướng Trương Phát Khuê trấn thủ Quảng Tây đã che chở những chí sĩ Việt lưu ngụ ở đó và đã giúp lập nên những nghĩa hội để khôi phục Việt Nam. Trong hồi đại chiến ở châu Âu còn nông, tổng thống Mỹ, F. Roosevelt hình như đã tán thành ý ấy, nhưng bây giờ, năm 1946, Mỹ phải gờm thế lực Nga bành trướng ở Đông Âu, sợ cách mạng cộng sản ở Pháp, sợ quân Trung cộng thắng quân Quốc dân ở Mãn Châu. Vì vậy, Mỹ nuông chiều Pháp, và ép các sư đoàn tinh nhuệ nhất Trung

quân đang đóng ở Việt Nam phải chở lên miền bắc Bắc Kinh. Chung qui những sự họ xui ngẫm, hay là quấy rối Pháp ở Việt Nam chỉ có kết quả là tăng cái giá mà ngoại giao khôn khéo của Pháp (tuy dân chúng nghèo nàn vì bị chiếm đóng, nhưng tư bản vẫn giàu) phải trả trong khi mà cả để quân đội Trung Hoa chịu rút về. Giá bằng vàng nén, theo tướng Salan, nhân viên Pháp quan trọng trong mọi việc điều đình (*Mémoires* 1 trang 355).

Chắc rằng những lãnh tụ Việt Nam "thân Hoa" đã cân nhắc lợi hại con đường này, cho nên vẫn ủng hộ chính phủ "Liên hiệp Kháng chiến". Nhưng phần lớn người đồng chí không tán thành. Đó là nguồn gốc sự nổi da xáo thịt sau này sẽ diễn ra dưới sự tán thành và thỏa mãn của quân Pháp. Vậy sau ngày 6 tháng 3, Vũ Hồng Khanh, phó chủ tịch ủy ban quân sự thường cùng chủ tịch Võ Nguyên Giáp đi điều đình với quân nhân Pháp, và bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Tường Tam tiếp xúc với đại diện các ngoại bang, nhất là yêu cầu tổng thống Mĩ nhìn nhận Việt Nam là nước tự do, rồi cầm đầu phái đoàn đi dự *Hội nghị Đà Lạt*.

Vì sao có Hội nghị này ? Muốn hiểu những sự sẽ xảy ra trong những tháng sau, ta phải biết có sự xung khắc giữa hai vai chính trùm người Pháp ở Đông dương : tướng cầm quân, Leclerc, có trách nhiệm chiếm lại lãnh thổ thuộc địa cũ ; và đô đốc chính trị, D'Argenlieu, được giao quyền tái lập cai trị thực dân. Hiệp định sơ bộ nhờ lập trường của Leclerc mới có : nhận những điều kiện rộng rãi về danh từ để quân đội mình có thể đổ bộ lên Bắc bộ vào đầu tháng 6 mà không phải chiến tranh với một chính phủ ẩn nấp vào rừng. Còn D'Argenlieu thì vừa là một đô đốc thủy sư, vừa là một thầy tu đạo Cơ đốc, rất bảo thủ về chính trị lại muốn theo gương các đô đốc chinh phục Đông Dương ngày xưa. Vì vậy, những điều Leclerc đã nhận thì D'Argenlieu chống, nhất là việc trưng cầu dân ý về thống nhất ba kì. Hồ Chí Minh đã thấy sự mâu thuẫn ấy, cho nên đã gắng để cố nài đòi họp hội nghị ở Paris. Nhưng D'Argenlieu thì muốn họp ở Đông Dương để đặt những sự điều đình vào nội bộ địa phương mà thôi. Lấy cớ ở Pháp chưa có quốc hội chính thức, chính phủ

Pháp chưa chịu mở hội nghị điều đình. Nhưng sợ trong khi chờ, Cao ủy Pháp lần dần tư thế của ta, chính phủ Việt Nam đã đề nghị, và Pháp đã chấp thuận, một phái đoàn quốc hội sang thăm nước Pháp, và một phái đoàn khác bắt đầu điều đình với Pháp những điểm đã nêu rõ trong Hiệp định sơ bộ mùng 6 tháng 3. Pháp muốn hội nghị này nhóm ở nơi cô quạnh, ngoài áp lực của dân chúng : Đà Lạt. Hội nghị lại chỉ có tính cách soạn sửa cho cuộc điều đình chính thức tại Pháp. Vì vậy nó đã mang tên *Hội nghị trú bị Đà Lạt*.

*

Sau những ngày chính phủ Trần Trọng Kim từ chức, cách mạng tháng 8 nổi dậy và chính phủ dân chủ cộng hòa thành lập, tôi được bỏ quên, yên phận sửa soạn thi hành sự dạy và viết sách môn toán học bằng tiếng Việt, và nỗ lực cứu vớt những sách tàn giấy cũ mà bấy giờ nhân dân cho đã lỗi thời, đưa bán làm hồ, làm giấy lộn khắp đường Hà Nội. Thành linh, một hôm, một học trò cũ Đại học mà đã thành một nhân viên quan trọng trong chính phủ, tới thăm ở thư trai tại xã Hoàng Mai. Sứ

giả tươi cười nói : "...Riêng tôi muốn tới thăm thầy đã lâu. Nay chính phủ định lập một ủy ban soạn sửa giao thiệp với nước ngoài, bắt đầu với Trung Quốc. Các anh đã nghĩ đến thầy..."

Tuy không lấy sự mời này làm lạ, nhưng tôi rất e ngại vì nội bộ bấy giờ đang rất lục đục : đảng Quốc Dân và nhóm Đồng Minh bất hòa với mặt trận Việt Minh, và quân nhân Trung Quốc bênh vặc các phe trên chống chính phủ lâm thời. Tôi đã trả lời rằng nếu tôi xét sự tham dự có ích thì tôi không từ nan, nhưng muốn ngoại giao có kết quả hay thì phải dàn xếp cho chóng êm đã. Ngày ấy là ngày 18 tháng 11 (1945). Tuy dưới áp lực Tiêu Văn, quân nhân chính trị của đạo quân Quảng Tây, các đảng phái đã bắt đầu liên lạc nhưng sự đả kích nhau ngoài phố chưa yên. Tôi tự hỏi vì sao mà "Các anh đã nghĩ đến tôi" ? và sức nhớ đến một câu chuyện liên quan đến mình xảy ra hơn một tháng trước.

Nguyên là, từ khi quân đội Trung Quốc vào đóng ở Bắc phần Đông Dương, những phần tử lãnh uy quyền Pháp trên đất Trung Quốc

lục tục trở về. Trước sự cách mạng đã nắm chính quyền trong nước, mà phần tử này không được dự, nếu kẻ cầm quyền không khôn khéo, thì không sao tránh được sự bất hòa biến thành đảng tranh. Mà chính phủ và quân đội Trung Hoa bấy giờ tự nhiên nuông chiều ủng hộ những người ý tưởng gần mình và thế lực cũng phải nhờ mình. Một việc đảo chánh gây ra bởi quân đội Trung Quốc rất có thể xảy ra. Đó là lẽ cốt yếu của sự kinh thị và công kích giữa đảng phái. Mà nếu kinh thị khuếch trương thành đại loạn thì nước Việt Nam *không còn hy vọng gì sống lại nữa*. Thế mà trong khoảng đầu tháng 10, nó đang khuếch trương. Tôi tìm tới vị cựu hoàng, bấy giờ đã thành *cố vấn Vĩnh Thụy*, tỏ sự hoang mang, rồi nói rằng: "Ngài có lúc mang tiếng chỉ giữ hư vị. Nay giữ chân cố vấn chính phủ, chính là lúc có thể bày tỏ vị ấy không hư".

Cố vấn hỏi : "Vậy nên nói gì ?" Tôi bàn nên khuyên chánh phủ dàn xếp một cách ổn thỏa và chính đáng với những người yêu nước thuộc những đảng khác để cùng đối phó với thời cơ cực kì gian nan. Thế rồi ngày 13 tháng 10, Cố

vấn cho hay rằng : "Cụ Hồ sẽ tiếp Hân vào ba giờ chiều".

Tuy không biết hẳn đó là ý muốn của chủ tịch, hay cố vấn đã bịa ra sự tôi xin gặp, đến giờ tôi cứ tới dinh Chủ tịch. Lúc đến nơi, gặp một đại tá Mĩ cũng tới ; nghe nói là để gỡ một đại diện bí mật Pháp, Sainteny, bị giữ vì cầm cờ Pháp trên xe đi diễu ngoài phố. Chủ tịch tiếp tôi hơn một giờ. Hai lần xin cáo biệt, nhưng cụ giữ lại. Ban đầu bình phẩm về chính quyền. Tôi có nói : (Nay ta chưa độc lập, đang cần dư luận ngoại bang bênh vực. Nếu tỏ ra bất lực, hoặc có thái độ độc tài, thì khó lòng họ giúp mình). Cụ bảo rằng ủy ban địa phương làm bậy, chứ chính phủ không có ý chuyên quyền. Cụ hỏi đi hỏi lại : "Thế ra họ nói chính phủ cộng sản, thực chẳng ?" Tôi đáp : (Cụ đã nghe vậy, thì có thật). Cụ nói : "Còn nói chính phủ độc tài, thì có đâu. Trong nội các có nhiều người không phải ở trong mặt trận Việt Minh..."

Cụ lại phân trần lâu việc bài xích hạng trí thức. Cụ nói chính phủ không làm điều ấy ; nhưng có người làm thì chính phủ phải nhận

lôi. Rồi tôi nói sang chuyện đảng tranh làm dân chúng hoang mang. Chủ tịch rất chăm chú nghe, cặp mắt sáng trưng to như rót vào mắt tôi. Cụ hỏi : "Trí thức theo cụ Nguyễn Hải Thần nhiều phải không ? Ông giao thiệp rộng chắc biết" Trong trả lời, tôi có nói : "Hình như khi ở nước ngoài các cụ đã trù tính việc chung. Nay đều về, lại thấy các cụ chia rẽ, cho nên họ hoang mang. Nếu cụ Nguyễn Hải Thần chỉ kéo bè đảng mà thôi, thì chắc họ không theo. Cụ Nguyễn có tìm gặp tôi, tôi đã thưa rằng người trí thức chân chính không tìm địa vị. Các cụ già cứ hòa hiệp với nhau, rồi thì hạng trẻ như chúng tôi theo. Các cụ có cần gọi ra quét đường, họ cũng nhận".

Nét mặt không di chuyển, Chủ tịch đặt câu hỏi thẳng : "Đối với ông, thì cụ Nguyễn là thế nào ?" Tôi đáp : "Tôi không được biết rõ. Nhưng cảnh huống bây giờ thì tuy là bậc cách mệnh lão thành nhưng trở về chậm nước, cụ phải ép vào thế non, ... xem ra thế nào !" Cụ hỏi gặng : "Thế nào ?" Tôi nói : "Thế nào... tôi không tiện nói, chỉ có thể nói thế cụ Nguyễn không được thuận. Tuy nhiên làm cách mạng

trong bốn mươi năm nay, cụ ấy có thanh thế. Vả hạng trí thức ai cũng sẵn sàng làm việc nước, mà bị chính phủ đem lòng ngờ vực, thì họ có đi theo cụ Nguyễn, cũng là người ái quốc, đó cũng không nên lấy làm lạ !"

Trong lúc nói chuyện, có người mang bát thuốc sắc cho Chủ tịch uống, lại có người mang giấy lại lấy chữ kí, một thanh niên ngồi đằng xa túc trực luôn luôn. Tôi đứng dậy xin về mấy lần. Chủ tịch vẫn giữ lại. Cuối cùng, cụ lại hỏi thẳng một cách cụ thể rằng : "Tôi có hai chuyện muốn hỏi ông. Ông cứ trả lời thật... Câu đầu là đối với cụ Nguyễn Hải Thần nên làm thế nào ?" Tôi đáp : "Nếu cụ Nguyễn có thể làm dễ cho sự ngoại giao, thì nên dùng cụ. Tuy không nên cải tổ hấp tấp ra dáng sợ áp lực, nhưng nên cải tổ chính phủ để hợp tác. Sự hợp tác phải thành thật, đừng để có cảm tưởng lấy danh mà thôi" Không động nét mặt một mảy may, Chủ tịch hỏi tiếp : "Vấn đề thứ hai là ông cho biết một câu sát kết về Chính phủ" Tôi phải lựa lời để đáp cho khách quan. Đại ý ở trong những câu này : "Trước khi thâm kết về Chính phủ, xin nói về mặt trận

Việt Minh. Chủ trương mặt trận là chống Pháp và chống Nhật. Chống Pháp là chí nguyện tất nhiên chung cho cả nước. Chống Nhật cũng là tất nhiên cho cách mạng và thuận với Đồng Minh đang thuận với độc lập Việt Nam. Vậy cái khẩu hiệu ấy là hợp. Nhưng trong hành động, sau ngày Nhật diệt chính quyền thực dân Pháp và tuyên bố để Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình. Tự nhiên rằng người cách mạng chống Nhật không thể ra công khai nhận lấy chủ quyền cho nước. Con thuyền bị buộc đã được cắt dây. Nước tự hào có lịch sử vẻ vang, gồm hăm lăm triệu người ; há lại để thuyền trôi không lái. Cả Nhật Pháp và Đồng Minh sẽ đánh giá lòng yêu chuộng độc lập của dân ta ra sao. Vì vậy đã có chính phủ Trần Trọng Kim. Chỉ tiếc rằng mặt trận không làm dễ cho Chính phủ công khai quản lí việc dân và dự bị sự giao tiếp khi quân Nhật tất phải đầu hàng. Dầu sao, sau khi Nhật đầu hàng, Mặt trận ra nắm chính quyền là hợp lẽ và có thể lợi cho độc lập được nhìn nhận. Nghĩ như vậy, Chính phủ Trần Trọng Kim đã có tác động cuối cùng là khuyến cựa hoàng mời các nhà cánh mệnh ra chính thức

lập chính phủ, nhưng thiếu chuẩn bị, sự ấy không thể thành. Kết quả là những sự tổn thất về tinh thần trong khi cướp chính quyền và không thể lợi dụng sự hoang mang của quân nhân Nhật khi được lệnh phải đầu hàng. Nói về chính phủ thì chủ trương đại thể chính trị hợp lẽ, nhưng hành động hình như tướng đã thành công cho nên sợ chia trách nhiệm và chánh quyền. Chắc riêng Chủ tịch hiểu rằng đường đi đến độc lập và thống nhất còn dài và khó, nhưng đại đa số còn lắm tướng gần xong."

Chủ tịch cảm ơn và thêm : "Hôm nay, ông cho tôi biết được nhiều điều" Tôi đứng dậy, từ giã, xuống lầu, cảm động vì đã có dịp tỏ nhiều lời tâm huyết, vì thấy vận mệnh của dân nước đè trên vai một vị cách mệnh thâm niên gây ồm, nhưng tinh thần tinh anh, mặc tĩnh, thâm trầm và cử chỉ ôn tồn, gãy gọn và kiên quyết. Không biết cảm tưởng của Chủ tịch đối với cá nhân tôi và những trực ngôn tôi ra sao. Có lẽ không ai biết. Dẫu sao hơn tháng sau Cụ nhận hợp tác của các phái đối phương, và riêng với tôi, "các anh đã nghĩ đến". Thật ra thời thế cấp bách phải đi đến thế. Rồi bầu Quốc hội (mồng

1 tháng giêng năm 1946) lập Chính phủ chính thức (mồng 3 tháng 3), kí Hiệp định sơ bộ với Pháp (mồng 6 tháng 3), đón Leclerc tới Hà Nội (18 tháng 3), gặp D'Argenlieu ở vịnh Hạ Long (24 tháng 3), gửi một phái bộ sang thăm Pháp và một phái đoàn lên Đà Lạt bắt đầu tranh biện về những chi tiết thực hiện Hiệp định sơ bộ (16 tháng 4 lên đường). Phạm Văn Đồng cầm đầu phái bộ sang Paris, Nguyễn Tường Tam cầm đầu phái đoàn Đà Lạt. Tôi được sai dự phái đoàn này. Lần này tôi nhận lệnh vì có nhiều triệu chứng tỏ rằng Cao ủy D'Argenlieu đang phá Hiệp định kia, bắt đầu phá điều trưng cầu dân ý về thống nhất ba kì.

*

Quả vậy, ngày 12 tháng 3 (1946), cơ quan tối cao mà chính sách thực dân đã tái lập ở Sài Gòn, là Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ, đã nhóm họp dưới quyền ủy viên Pháp *Cédille*, Bác sĩ *Nguyễn Văn Thinh* đặt một đề nghị sửa soạn lập xứ *Nam Kỳ tự trị*. Lời đề nghị dịch ra tiếng Việt theo báo *Tân Việt* (Sài Gòn, số 36, ngày 13 tháng 3 1946, nghĩa là đúng một tuần sau ngày kí Hiệp định sơ bộ) như sau :

– Nghĩ vì trong bản tuyên ngôn ngày 24-3-1945, chính phủ Pháp đã nhìn nhận một cách chính thức nền tự trị của mỗi xứ trong Liên bang Đông Dương, nghĩa là có xứ Nam Kỳ ;

– Nghĩ vì bản sơ ước Pháp - Việt vừa kí kết ngày 6-3-46 ở Hà Nội không nói rõ rằng bản sơ ước chỉ áp dụng riêng cho hai xứ Bắc và Trung Kỳ, và tiếng VIỆT NAM dùng trong bản sơ ước có thể cho người ta hiểu lầm là có xứ Nam Kỳ trong đó, vì từ trước đến giờ, tiếng "VIỆT NAM" ấy vẫn dùng để chỉ cả ba kì : Bắc, Trung, Nam ;

– Nghĩ vì bản sơ ước ấy có nói qua sự mở một cuộc trưng cầu dân ý ở Nam Kỳ, mà Hội đồng tư vấn Nam Kỳ chưa được hỏi ý kiến ; nghĩ vì dân chúng Nam Kỳ rất xôn xao bất bình vì những lời trong bản sơ ước ấy còn mờ ám, nó có thể làm người ta tưởng lầm rằng quyền của dân chúng Pháp Việt ở Nam Kỳ không còn nữa ;

– Nghĩ vì xứ Nam Kỳ, đã 6 tháng nay, bị tàn phá vì sự đô hộ của Việt Minh, nên nay không thể cực lực phản đối sự gia nhập vào Khối Việt Nam, mà xứ Nam Kỳ sẽ phải đưa về

cho những kẻ sát nhơn rồi sự tuyên truyền, sự hăm dọa của chúng sẽ làm cho sai cả cuộc trưng cầu dân ý ;

Cho nên chúng tôi mong rằng :

1. - Vị đại diện của nước Pháp ở Đông Dương sẽ công bố chánh thức rằng bản sơ ước 6-3-46 sẽ để cho xứ Nam Kỳ hoàn toàn tự trị.

2. - Theo đúng với quyền dân tự định đoạt, xứ Nam Kỳ phải được tự do định lấy những điều kiện về chính trị, không được cưỡng bách, bất cứ do lệnh ai.

3. - Sự trưng cầu dân ý sẽ không tránh khỏi mờ ám, lộn xộn nếu các điều kiện cần yếu về trật tự và yên ổn chưa được lập lại đàng hoàng trong xứ, để có thể xét tánh danh hạnh kiểm của những người bỏ thăm, mà trong cuộc loạn lạc vừa qua, giấy tờ và sổ bộ đã bị đốt phá đi mất nhiều.

Và cần phải có phương sách đảm bảo sự tự do, sự kín đáo của lá thăm và sự thành thật trong khi dò ý kiến dân.

Kí tên :

Bézait, Clogne, Bazé, Nguyễn Văn Thịnh,
Trần Tấn Phát, Trần Thiện Vàng, Nguyễn Tấn
Cường, Lê Văn Định.

Báo *Tân Việt* còn ghi rằng : "Bản đề nghị đọc xong, ông Cédile, chủ tịch, xin hội đồng bỏ thăm. Kết cục bản đề nghị của ông Thinh được đa số tán đồng với 9 thăm chống 1."

Tám tháng sau, thấy mình bị thực dân lừa gạt, đã đem bánh vẽ đưa mình làm việc phi nghĩa, Nguyễn Văn Thinh đành tự tử, nhưng trước khi họp hội nghị Đà Lạt, cái đề nghị trên đã báo hiệu cho mọi người biết thái độ của thực dân. Tôi đã tự hỏi đi Đà Lạt còn có ích gì nữa chẳng, hay chỉ có thực lực mới ép thực dân tôn trọng Hiệp định vừa mới kí. Sự đoàn kết cũng là một phần thực lực ; phái đoàn có Nguyễn Tường Tam, Võ Nguyên Giáp, sự có mặt của những người không đảng phái càng tỏ sự đoàn kết thêm. Vả chẳng thái độ phá hoại Hiệp định sơ bộ có lẽ chỉ là thái độ thực dân, còn dân Pháp, trí thức Pháp, quân nhân Pháp vừa trải qua sự giải phóng đất nước Pháp một cách đau thương thấm thía, lẽ nào lại không thông cảm với lòng ham muốn độc lập thống nhất của dân Việt Nam. Riêng cá nhân tôi, đã từng có sự quan hệ với các bạn Pháp, hoặc chức trách Pháp, và đã có nhiều lần bày tỏ ý kiến nguyện vọng dân tộc mình. Gần đây, khi

bạn đồng môn *Nguyễn Ngọc Bích* bị bắt ở bưng biền, tôi đã viết thư ngỏ, đăng ở báo LA REPUBLIQUE tại Hà Nội, giải thích cho các sĩ quan Pháp cũng học đồng môn, cái lẽ vì sao họ phải đương đầu với toàn dân Việt trong sạch, kể cả những kẻ hầu như đã Pháp hóa như bạn Bích. Vậy bấy giờ, tôi nhận đi Đà Lạt; vì có dịp công nhiên bày tỏ cho Pháp và cho mọi người rõ sự đòi độc lập thống nhất không phải như thực dân lầm tưởng chỉ là khẩu hiệu của "bọn cách mạng quấy rối mà thôi".

Vả chẳng hồi trước cuộc đảo chánh Nhật ở Đông Dương, tôi đã có dịp gần phe "Kháng địch Pháp" tại Đông Dương và đã có dịp tỏ nguyện vọng dẫn tộc mình cho họ biết.

Trong hồi làm giáo sư Toán học, tuy tôi không làm chính trị, nhưng cũng không hề giấu ý kiến về chính trị và thời thế, khi có dịp bày tỏ ý mình. Cũng nhờ vậy, mà đã tránh được mọi cạm bẫy hư danh chính trị. Khi quân Nhật đến đóng tại Đông Dương, chính khách Pháp tại đây đã để ý đến tôi và một số bạn hữu. Đối với chính quyền, thì sự giao thiệp chỉ có tính cách hình thức mà thôi, như sự đô đốc

Decoux, toàn quyền Đông Dương, thỉnh thoảng mời, riêng rẽ hay cùng "nhân sĩ" khác để lừa mắt người Nhật và nhân dân ta. Sự giao tế ấy nhẽ nhận nhưng vô bổ. Trái lại trong nhóm người Pháp chống Pétain, có kẻ đã lân la dò ý kiến về tương lai khối Đông Dương ; có lẽ là hậu quả tuyên ngôn của *De Gaulle* tại *Brazzaville* đổi chế độ thuộc địa ra chế độ Liên hiệp Pháp, vào tháng giêng 1944. Từ đó, cựu tiết chế quân đội thuộc địa ở Đông Dương nhiều lần mời tôi tới nhà hoặc lại nhà tôi, trò chuyện về chính sách hiện thời và tương lai ở xứ ta. Cựu tiết chế, tướng Mordant, đã vì không đồng ý kiến với toàn quyền Decoux, nên đã từ chức, để cầm đầu nhóm Kháng địch sửa soạn đón quân Đồng Minh tới giải phóng Đông Dương. Đô đốc Decoux cũng biết sự ấy, nhưng đối với quân Nhật thì phải có thái độ ồm ờ.

Mordant đã đưa kín cho tôi đọc bản tuyên ngôn Brazzaville, và đề nghị với tôi, nếu bằng lòng, thì sẽ tổ chức đưa tôi và một nhân sĩ cao tuổi ra nước ngoài để bàn tính tương lai xứ Đông Dương. Sau khi bàn luận với một nhóm bạn bè, chúng tôi đã nhận định rằng : bấy giờ nước Anh là một nước sức và thế mạnh hơn

Pháp nhiều, mà cũng đã hứa độc lập cho Ấn Độ, Miến Điện, thì Việt Nam không thể không đòi lời hứa độc lập. Sau khi tôi đã trao lại ý ấy cho tướng Mordant, tướng sững sốt bảo rằng : "Không bao giờ có sự ấy được !"

Tôi ôn tồn trả lời : "Vì ông hỏi ý kiến nhân dân Việt Nam đối với tương lai họ, thì tôi đã nói sự thật ; chứ tôi không sợ rằng tương lai gần của *chúng ta* chưa biết ra sao..."

Tướng nói : "Chúng ta sẽ được giải phóng. Nước Pháp vẫn chủ quyền. Quân Nhật có làm trò gì được nữa".

Tôi tiếp lời : "Bây giờ, Pháp còn chủ quyền ở đây thì một lời hứa ấy sẽ kéo lại hoàn toàn thiện cảm của nhân dân Việt Nam. Nếu người ngoài, gần hay xa, có ác ý đối với Pháp ở đây, họ cũng phải dè dặt vì đã không có cơ thì sợ nhân dân Việt Nam sẽ ủng hộ Pháp. Chứ không, ví bằng sau này một nước thứ ba tặng cho chúng tôi độc lập, thì chúng tôi sẽ không đáng độc lập nếu không can đảm nhận món quà ấy. Mà tôi sợ rằng độc lập trong trường hợp ấy không lợi cho nước ông, và chưa chắc đã

lợi cho chúng tôi bằng cách độc lập với sự thỏa thuận của các ông tự bây giờ".

Trong trả lời trên, tôi đã ngụ ý đến hai việc đang phát hiện : tin Cường Để lập đảng trong nước và sắp được đưa về, và sự toàn quyền Decoux mời riêng nhiều người Việt và bảo rằng đừng tin tuyên truyền Anh và Mỹ và phải coi chừng ảnh hưởng đế quốc chúng. Không hiểu tướng Mordant nghĩ tới Nhật hay Anh Mỹ. Tướng liền đáp : "Nếu vậy, chúng tôi sẽ đem quân chinh phục lại Đông Dương".

Tôi còn nhớ rõ câu bực tức ông nói cuối cùng : "Muốn đặt một khối chóp thẳng bằng mà lại đặt đầu nhọn ở dưới !"

Từ đó ông lại kính nể tôi. Một hôm ông hỏi tôi : "Tôi muốn bảo những người chức trách thay thế người cộng sự An Nam, vì chúng phần nhiều chỉ biết tùy tùng, ton hót và tham nhũng. Nhưng lấy đâu ra những người tốt và trong ?" Tôi trả lời : "Hư hèn thường gây ra bởi nô lệ. Còn những người tốt và trong có nhiều ở ngục thất. Chính phủ biết cả đó..." Tôi hơi mỉm cười, chắc ông nhớ lại một câu chuyện cũ tôi đã nói, ông nói lời : "Các người ấy ở Sơn La và Côn Lôn, có phải không ?"

Vào cuối năm 1944, phái Kháng địch đã ngấm làm chủ ở phủ Toàn quyền, đô đốc Decoux chỉ giữ hư vị để lừa mắt người Nhật. Tướng Mordant cho tôi biết rằng phủ Toàn quyền sẽ lập một hội đồng cố vấn tối cao gọi là Hội đồng Đông Dương và tôi sẽ được mời tham dự. Ông lại cho hay rằng chắc không phải là hư vị. Đáp một lời tôi hỏi, ông nói rằng sự chọn tôi không phải tự ý ông và tôi tùy ý nhận hay không. Vài ngày sau, Khâm sứ Bắc kì mời tôi để chuyển ý Toàn quyền. Lần này, chính thức tôi nói mong chính phủ Pháp đổi hẳn chính sách đối với các nước Đông Dương thì những người mới như tôi mới hợp tác về chánh trị được.

Hơn một năm sau, người Việt và người Pháp sắp gặp mặt nhau trở lại để bàn định tương lai của nước Việt Nam, nhưng lần này địa vị ngang nhau : sứ giả đối phương của hai nước. Tôi sẽ có ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả Hội nghị. Mong vậy, tôi nhận tham dự phái đoàn đi Đà Lạt.

Phái đoàn Đà Lạt gồm 12 đại biểu, 12 cố vấn.

Ngoài trưởng đoàn *Nguyễn Tường Tam* và phó trưởng đoàn *Võ Nguyên Giáp*, các đại biểu là *Trịnh Văn Bính*, *Cù Huy Cận*, *Hoàng Xuân Hân*, *Vũ Văn Hiến*, *Vũ Hồng Khanh*, *Trần Đăng Khoa*, *Dương Bạch Mai*, *Nguyễn Văn Luyện*, *Phạm Ngọc Thạch*, *Bùi Công Trùng* và *Nguyễn Mạnh Tường*.

Cố vấn là : *Tạ Quang Bửu*, *Kha Vạng Cân*, *Kiều Công Cung*, *Đinh Văn Hớn*, *Phạm Khắc Hòe*, *Nguyễn Văn Huyền*, *Hồ Đắc Liên*, *Phan Văn Phác*, *Nguyễn Văn Tình*, *Nguyễn Duy Thanh*, *Nguyễn Tường Thụy* và *Hồ Hữu Tường*.

Trong khi chọn lọc ủy viên, chắc chính phủ đã chú ý chọn những nhân vật có tiếng ở miền Nam về chuyên môn và chánh trị. Trong các nhân viên giúp việc cho phái đoàn có : *Trần Văn Tuyên* về nội vụ và lễ nghi, *Võ Hữu Thu* về văn phòng, *Duông* về vô tuyến truyền tin, một sĩ quan bảo vệ *Võ Nguyên Giáp*. (Tôi chỉ ghi tên và quên họ).

Từ ngày 19 tháng 3, bộ Ngoại giao đã lập ban nghiên cứu Hiệp định sơ bộ, để định nghĩa những chữ dùng trong đó và lập những bảng

kê một chương trình yêu sách tối đa, còn mức tối thiểu thì sẽ có Hội nghị Paris sau này và chính phủ định đoạt. Đại khái, ủy ban đề nghị rằng :

Nước tự do là một nước có đủ các cơ quan tự chủ để sinh tồn và bảo vệ ; chỉ bị ràng buộc với những hiệp ước với các xứ Liên bang Đông Dương và Pháp.

Liên bang sẽ tạo thành bởi những dây liên lạc định rõ ràng : liên hiệp quan thuế, hiệp ước tiền tệ, hiệp định vận tải, bưu điện, công tác có ích chung, hoặc có nhận thì yêu cầu nguyên tắc lập theo dân số ở trong các xứ Liên bang.

Liên hiệp Pháp là liên hiệp về văn hóa, kinh tế và về ngoại giao với nước ngoài Liên hiệp. Sẽ yêu cầu có đại sứ ở đâu cần, nhất là ở PARIS có đại biểu đặc biệt, nhưng Việt Nam cam kết không kí hiệp ước gì với nước ngoài làm trái quyền lợi Pháp.

Được tin sáng ngày 16 tháng 4 sẽ có máy bay Pháp đưa đi Đà Lạt. Ngày 15, sửa soạn va li : vài bộ áo rét, một ít vật dụng. Chiều, bốn giờ, Chính phủ họp phái bộ để dặn dò.

Cụ Chủ tịch dặn phải trù bị mọi việc cho thận trọng, vì hội nghị này sẽ có ảnh hưởng lớn về sau. Nguyên tắc Chính phủ đặt ra là :

1. - Hết sức đoàn kết từ ý kiến đến hành động ;

2. - Hết sức cẩn thận ;

3. - Giữ bí mật ;

4. - Trước lúc tuyên ngôn gì với đại biểu Pháp, phải thảo luận trước ;

5. - Sau khi thảo luận với đại biểu Pháp một vấn đề gì, lúc về phải cùng nhau kiểm thảo lại để xem lẽ mình thắng hay bại ở chỗ nào ;

6. - Mỗi khi thảo luận nên chia ra làm ba nhóm : xung phong, hậu thuẫn và trừ bị. Cụ Chủ tịch nói : "Phải có người đâm, người xoa".

7. - Mình chỉ xướng ra những vấn đề nghiêm trọng. Ngoài ra, để đại biểu Pháp đặt đề ra ;

8. - Khi gặp vấn đề gì hai bên chưa thỏa thuận với nhau, thì để tách nó ra ; chứ đừng nói để hỏi ý kiến Chính phủ, vì nếu làm như vậy thì sẽ thất Chính phủ vào việc đàm phán

này (ý là hội nghị chỉ là sơ bộ ; ta dự là để tùy ý D'Argenlieu, chứ Chính phủ chỉ tham dự chính thức vào hội nghị sẽ nhóm tại Pháp).

Cụ phó chủ tịch ⁽¹⁾ can thiệp vào, hỏi : "Về vấn đề Nam bộ thì nghĩ thế nào ?" Theo bút kí của tôi chép liền lúc bấy giờ thì Chủ tịch trả lời : "Không nên nêu vấn đề đình chiến". Có lẽ bấy giờ cụ đã nghĩ rằng sự tác chiến tiếp tục ở miền Nam là hậu thuẫn cho Hội nghị chăng? Trái với ý trên, trong khi hội đàm, vấn đề đình chiến ta sẽ nêu ra và sự tranh thủ rất là gay gắt mà phái đoàn Pháp nhất định không chịu nhận bàn.

Cụ Huỳnh lại dặn : "Về hòa ước Trung - Pháp, ta đừng tỏ ý kiến gì".

Cụ Hồ nối lời dặn. Về Hiệp định sơ bộ, đại để phải giữ những lập trường sau này :

1. - *Nước tự do* (Etat libre). - Phải nói rõ trình độ tự do ; nhất là về lãnh thổ, phải có thống nhất toàn cõi.

2. - *Liên bang* (Fédération). - Liên bang

(1) Thực ra phó chủ tịch là Nguyễn Hải Thần, nhưng cụ Nguyễn đã tự bỏ chức vị để rút lui.

Đông Dương chỉ có về mặt kinh tế mà thôi. Nhất định không nhận Chính phủ Liên bang.

3. - *Liên hiệp* (Union) - Nhận tự do liên hiệp với Pháp, nhưng quyền hạn và nhiệm vụ của Việt Nam phải định rõ. Việt Nam phải được quyền thảo luận và biểu quyết trong sự định đoạt ở Liên hiệp. Về ngoại giao ta phải có tối thiểu : là ngoại giao độc lập với các nước lớn ANH, MỸ, TRUNG, NGÀ và các nước láng giềng XIÊM, ẤN, PHI LUẬT TÂN. Pháp phải giới thiệu nước ta vào ONU.

Về tài chánh, phải có ngân hàng, tiền tệ ;

Về kinh tế thì chủ quyền kinh tế phải thuộc nhà nước ;

Về Quân sự thì không chịu quân sự liên bang. Phải định rõ số lượng quân Pháp, nhiệm vụ, các địa điểm đóng quân và thời gian đóng quân.

Kết luận, Chủ tịch dặn : "Căn cứ vào Hiệp định sơ bộ để đi đến cộng tác thực thà với Pháp".

Nguyễn Tường Tam trả lời thay cho phái đoàn : "Xin cảm ơn Chính phủ đã đề cử chúng tôi đàm phán. Xin hứa sẽ làm tròn nhiệm vụ

và yêu cầu Chính phủ điều khiển nhân dân ủng hộ phái đoàn, và yêu cầu các đảng phái đoàn kết."

Phó trưởng đoàn, Võ Nguyên Giáp, cũng biểu đồng ý rồi thêm rằng : "Về việc các đại biểu đoàn kết với nhau, thì không đáng lo. Còn về phần đảng phái đoàn kết thì hai đảng phái đã quyết nghị thống nhất bộ đội."

Cuối cùng, cụ Huỳnh Thúc Kháng tuyên bố : "Khi nào anh em muốn được ủng hộ, thì tôi có thể họp đông dân chúng được liền."

Sau hơn sáu tháng đảng tranh, bấy giờ ai cũng đồng lòng nghĩ đến tổ quốc trước hết, tôi rất cảm động và nghe như đang sống một phút thiêng liêng, và nhớ lại lúc nhận cùng cụ Trần Trọng Kim họp Chính phủ tự lập đầu tiên để tìm phương phục sinh cho dân nước.

*

Năm giờ rưỡi sáng ngày 16 tháng tư, phái đoàn hội tụ ở phủ Bắc Bộ, trước khi lên đường. Cụ Chủ tịch, cụ Huỳnh và một vài bạn thân nhân viên Phái đoàn tới tiễn chân. Một chi tiết đặc biệt : Chính phủ phát cho mỗi nhân viên một món tiền, 20 tờ bạc một trăm.

Tuy rằng ăn ở tại Đà Lạt đã được Cao ủy Pháp mời, nhưng số tiền ấy giữ để phòng có sự bất trắc. Nếu không cần tới thì lúc về lại nộp lại cho Chính phủ. Không khí thật có vẻ gia đình, y như đàn con được cha chú tiến chân khi sắp trẩy.

Ra đến trường bay Gia Lâm thấy *Phái đoàn thân thiện* đi Pari đang sắp sửa lên máy bay. Các máy bay bấy giờ là do Chính phủ Pháp cho mượn. Chúng tôi lên một chiếc Junker là tàu bay chở binh của Đức mà Pháp đã tịch thu. Thử tàu ấy có ba động cơ, thân vuông, lại hay hỏng máy, cho nên bấy giờ được đặt tên chế diễu là cái *quan tài bay*. Trong lòng tàu trang bị cực sơ sài, chỉ có hai cái ghế dài hai bên như trong chiếc xe đồ ở bên ta. Bay thì không quá ba nghìn thước và tốc độ chỉ chừng 200 ki-lô-mét mỗi giờ.

Chúng tôi lục tục lên tàu, một người có vẻ khác mọi người là vị sĩ quan ngồi kèm Võ Nguyên Giáp, mặc binh phục màu vàng, mang nhãn hiệu sao vàng ở mũ và khẩu tiểu liên làm phông to cái bao da áp đùi. Mỗi người chỉ đem đi một cái va li nhỏ. Võ Nguyên Giáp có cái cặp da căng bởi giấy tờ. Đặc biệt nữa là có cái

hòm to dài rất nặng ; đó là cái máy vô tuyến điện thu phát tin tức mà kĩ sư Tình phụ trách mang theo.

Mặt trời đã cao, trời nửa nắng nửa mây. Tám giờ kém hai mươi, máy bay tôi ngồi bắt đầu chuyển máy. Mười lăm phút sau máy bay lìa đất, lượn nửa vòng sang bên sông Nhuệ rồi bay hướng Nam. Đây là lần đầu tiên, tất cả chúng tôi được nhìn "đất nước" của ta từ trên không trung. Ai nấy đều quay đầu nhìn ra cửa sổ nhỏ : phong cảnh thật là tuyệt : đồng vàng, sông đỏ, làng mạc xanh thẫm. Trông xa ở chân trời núi non lam nhạt. Lòng yêu nước càng nồng và sự nghĩ thấy nỗi lo mất nước càng mạnh. Phút chốc hình non sông đã biến ; máy bay đang vượt dăm trên từng mây trắng trải mênh mông. Một giờ sau, ngoài khung cửa kính, thấy le te mấy hòn đảo, lốm đốm bóng thuyền rải rác trên nền nước xanh. Lấy chừng giờ bay, đoán đang lướt trên cửa Biện là một cửa bể và thương phụ có tiếng đời xưa ở chỗ ranh giới hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Máy bay vẫn giữ hướng Nam, lục địa xa dần về phía phải. Chín giờ bốn bảy phút, máy bay

vòng vào phía đất. Giáp nước xanh ; từ từ hiện rõ một cái thành vuông ; đường sá, sông ngòi, nhà cửa trông rõ và xinh như vẽ. Đó là tỉnh thành Hà Tĩnh, tỉnh quê của Cù Huy Cận, Phạm Khắc Hòe và tôi. Cố rán nhìn về phía bắc : đây là núi Hồng Lĩnh, xa hơn nữa hình như thấy vết sông Lam. Các làng chúng tôi xúm xít đâu về phía ấy. Rồi máy bay lên cao trở lại, vượt núi Trùng Bát, vào đất anh dũng Hương Khê, chỗ nghĩa quân của Phan Đình Phùng đã đánh mấy trận cuối cùng với kẻ ngoại xâm.

Máy bay vẫn ỳ ạch gắng lên cao, chui qua truông Mụ Già đến địa phận Cam Môn, Cam Cát. Núi rừng mù mịt một màu xanh thẫm, thỉnh thoảng hiện ra mấy lườn núi đá đen sì, vạch trên nền xám. Sông ngòi vô tận, quanh co chia rìa như đường sống lá cây.

Mười giờ năm mươi đã thấy sông Khóng phía xa, và con đường quan lộ thẳng ro. Máy bay sà xuống thấp, lướt trên đồng ruộng ướt, rải rác nhà chòi, qua sông rồi vòng trở lại hạ cánh trên một bãi cỏ rộng : sân bay PAKSÉ. Mười một giờ năm phút. Bay mất ba giờ, vượt

được sáu trăm năm mươi cây số. Thế là máy đã hết hơi, phải dừng lại nghỉ.

*

Chúng tôi xuống duỗi chân. Bên cạnh sân bay, có quán bán thực phẩm cho lính Pháp. Chúng tôi mua bánh mì và cá hộp để ăn trưa. Một giờ mười lăm, lại lục tục trở lên ngồi trên ghế sắt trong tàu, đợi khi tàu cất cánh. Nhưng phi công tới bảo phải đi xuống vì động cơ giữa chết, đang phải gọi máy bay khác từ Sài Gòn lên đón. Quan binh chức trách Pháp tới sân bay đem tất cả phái đoàn về nghỉ đêm ở nhà khách của tỉnh Paksé.

Chúng tôi rủ nhau đi dạo trên đường phố. Dọc sông, đường khá rộng, nhà cửa sạch sẽ. Trông sang bên kia sông Khóng, thấy có hai quả núi ; một quả đầu bằng như núi Ngự Bình. Nhân dân phần nhiều ngồi xồm trước cửa, lơ đãng nhìn lũ Việt Nam này, lang thang trên mặt đường, ăn bận Âu phục lịch sự ; lại có một võ quan mũ mang nhãn hiệu tròn nền đỏ sao vàng, bao súng áp đùi, kè kè bên cạnh một chàng trán rộng mắt sắc, xách kệ nệ một cặp sách ketch xù ! Tôi đi chậm lại, lẻ một mình ở

sau để quan sát dễ dàng. Có người dân đứng lấp ló trong cửa nhìn ra, xem ra dáng người Việt. Tôi vờ hỏi thăm đường, rồi nhân hỏi thăm tình trạng người Việt bên ấy, nhất là tin tức những *Thanh niên Tiền tuyến* ngày trước đã phái sang Lào nhiều. Người kia cho biết rằng người Việt đã phải chạy sang Xiêm đến hai phần ba, nhưng ở lại còn đông. Sự buôn bán vẫn ở tay người Việt quê Bắc Bộ, hoặc quê Vinh và Bình, Trị, Thiên.

Một bọn lính Pháp từ trong một tiệm rượu thất thểu đi ra, chuyện trò như cãi cọ, tiến gần đến phía sau tôi. Tôi để ý nghe. Một người nói : "Cho hai quả lựu đạn thì hết điều đình ! - *Deux grenades dedans et finies les négociations*" Tôi cố trấn tĩnh nhưng quay lại thấy có đứa mang vũ khí ở người. Tôi sợ chúng có thể làm càn, nhất là nếu chúng chạm trán với viên võ quan Việt Quốc quân. Tôi cố ý đi chậm lại để nghe thêm. Một tên lính khác nói : "Phải buộc tất cả chúng nó vào cột bắn. - *Il faut les mettre tous au poteau*". Tôi lạnh ý, muốn kìm chúng lại, để các nhân viên, nhất là viên đại úy và Võ Nguyên Giáp, đi cách xa. Bấy giờ chúng tiến đến ngang tầm tôi. Tôi vẫn thản

nhiên đi lẫn với chúng. Tôi quay đầu lại tên vừa nói câu trên và nhẹ nhàng hỏi : "Anh nói vậy là nói cho tôi à ? - *Vous dites cela pour moi ?*" Người ấy trả lời : "Nếu anh là Việt Minh thì ừ ! - *Si vous êtes Vietminh, oui !* Anh có phải Việt Minh không ? - *Est-ce que vous êtes Vietminh ?*"

Tôi nhận thấy nó không xưng mình bằng "mày", và xem bọn lính này rất trẻ, mặt mũi tuy ngang tàng như còn trai trẻ tinh nghịch, nhưng không có tinh thần ác như một số lính mũ đỏ đã thấy ở trên đường Hà Nội. Tôi bèn trả lời : "Việt Minh là một đảng chính trị. Đây là người của Chính phủ Việt Nam, mà Chính phủ Việt Nam đã kí một hiệp ước hòa bình với Chính phủ Pháp."

Một người lính khác hỏi : "Các anh đi đâu?" Tôi đáp : "Chúng tôi đi Đà Lạt để bàn luận chi tiết về Hiệp định ấy. Chúng tôi ngừng lại đây vì máy bay hỏng động cơ."

Một người thứ ba nói : "À ! Chúng nó đi hội đàm với phái đoàn Pháp tại Đà Lạt."

Tôi đã đứng lại trong khi nói chuyện với bọn lính này. Chúng đứng xúm xung quanh.

Các nhân viên phái đoàn đã đi xa không ai nhìn lại sau, nên không biết chuyện. Tôi lại bước đi rất chậm và tiếp tục nói chuyện một cách hồn nhiên. Tôi nói : "Chúng ta giết nhau thì thật là ngu - *C'est idiot de nous entretuer*". Một người lính Pháp nói : "Chúng tôi vừa bị tập kích khoảng giữa Savanakhet và ... (tôi nghe không rõ). Một xe bị bắn."

Tôi phải lựa lời để làm quên câu chuyện : "Đó chắc là có sự hiểu lầm. Chúng tôi sẽ bàn về chuyện đình chiến... Này ! Các anh có mặt ở Paris ngày Paris được giải phóng không ?" Phần lớn trả lời rằng có. Tôi nói tiếp : "Các anh khi ấy sung sướng nhỉ ! Đã vậy thì các anh hiểu rằng bây giờ đánh người Việt Nam là vô lí - *Vous comprenez alors qu'il est absurde de faire la guerre aux Vietnamiens*" Chúng đều im. Bây giờ coi bộ chúng hơi thắc mắc. Tôi nhân đó, chào rồi tháo vòng vây. Chúng rẽ ra để tôi đi về phía nhà trọ.

Ấy là một cái nhà gạch nhỏ, mà hồi trước Công sứ Pháp dành cho những khách Pháp đi qua Paksé phải trú lại ban đêm. Chung quanh có vườn nhỏ và có tường thấp. Trong nhà thì trống không, không cửa đóng. Nhà binh Pháp

cho mượn ghế bố và chăn. Nhân rồi chúng tôi họp bàn sửa soạn công việc mọi người phải làm khi đến Đà Lạt và chia trách nhiệm tổ chức : *Hòe* coi bí thư, *Thu* thường thư, *Tuyên* nội vụ và diễn lễ. *Khoa* liên lạc địa phương có *Hòe* giúp (*Hòe* trước có làm quản đạo Đà Lạt và *Khoa* đã làm kĩ sư vùng này), *Cận* điều tra, *Tình* và *Thanh* việc liên lạc xa bằng vô tuyến điện. *Mạnh Tường* và *Huyền* là phát ngôn nhân. *Tam*, *Giáp*, *Hãn*, *Hiền*, *Trùng* dự tiểu ban thảo những tuyên ngôn. Riêng tôi được giao công việc liên lạc thường trực.

Lại dự bị khi tới thì đặt vòng hoa ở Nghĩa địa ta, *Hòe* sẽ hỏi chương trình Pháp đề nghị và định rằng khi gặp Phái đoàn Pháp, nếu *D'Argnelieu* diễn thuyết thì *Tam* chỉ trả lời vắn tắt mà thôi.

Giờ gần tối. *Giáp* lại nằm trên ghế bố cạnh *Mạnh Tường* và tôi, trông ra vẻ rất tư lự, chắc vì chuyện chính trị và quân sự chung, nhưng có lẽ cũng vì câu chuyện tụi lính ban chiều mà tôi đã kể lại. Còn *Mạnh Tường* thì vẫn tươi cười đùa bỡn như ngày thường. *Giáp* kể chuyện chiến khu và nói : "Phong cảnh chiến khu rất đẹp. Đời sống ở đó say sưa. Lúc

về, thế nào tôi cũng đưa các anh lên thăm chiến khu" Tôi không nhớ câu chuyện dây dưa thế nào mà Tường nói bông rằng : "Anh Giáp phải lấy vợ" Giáp cũng đùa rằng : "Nhờ các anh kén cho" Tường nói buột ra tên một cô Phụ nữ Cứu quốc có tiếng đang thời. Giáp coi vẻ ngạc nhiên, chỉ cười nhạt. Rồi Tường lại nói về tướng số. Cuối cùng Tường nói : "Nghe nói Hân có lá số tốt, nhưng bị thiếu mất một ngôi sao" Tôi không thể giữ miệng, liền nói đùa : "một ngôi sao vàng !" Tường im lặng. Giáp cười nửa miệng. Tôi phải đỡ lời : "Đó là nói đùa cho vui. Chúng ta đều đang lo cho số mệnh nước."

Lần này là lần đầu tôi biết cá nhân Võ Nguyên Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng riết, Giáp đã tỏ thái độ nhã nhặn, có tình cảm nhiều, nhưng ý tưởng thì rất cương quyết. Trong hơn ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau xa không khí sôi nổi ở thành thị dưới đồng bằng, tôi đã nhìn thấy rõ cái bản lĩnh đặc biệt của nhà cách mệnh trẻ tuổi này.

Giờ tối đã lâu, có lính tới gác ở ngoài và viên đại úy Pháp tới thăm ; ngồi ghế vải nói

chuyện nhân đàm đến khuya mới về. Rạng ngày, ông ta lại đến thăm, hỏi ngủ có ngon giấc không, và cho biết rằng tối hôm qua có tụi lính nhẩy dù qua đây chực tới hành hung Phái đoàn, cho nên ông ta phải đem lính tới canh và ngồi lại khuya như thế. Ông ta nói : "Cả đêm tôi ngủ không yên."

Đợi cả buổi sáng ngày 17 mà không thấy máy bay tới. Chúng tôi bàn tính việc điều đình. Quá trưa mới ra phi trường.

Một giờ chiều, máy bay lại cất cánh, rồi tiến thẳng hướng Đông nam. Cũng một Junker, nhưng nghe nói tàu này chỉ bay được 165 cây số mỗi giờ. Trông xuống đất, chỉ thấy mông mênh rừng thẳm xám xanh, thỉnh thoảng có vạch đường cong queo sắc bạc bởi dòng nước của sông ngòi. Một lúc gặp bức tường mây trắng xóa. Tàu lắc lư gắng vượt lên cao. Trong tàu ai cũng nôn nao. Muốn nói chuyện phải ghé miệng vào tai mà nói lớn. Hết rừng rậm đến rừng khô, rồi đến cao nguyên đỏ bụi. Máy bay bắt mối được một ngọn sông chảy từ Bắc xuống Nam. Rồi thấy có hồ dài, có đường quanh co. Tàu đâm đầu xuống một quả núi cây, rồi trượt trên một bãi cỏ dốc. Đó là

sân bay Liên Khang gần phía nam Đà Lạt. Đồng hồ chỉ bốn giờ mười lăm.

Mấy người của Chính quyền Pháp chực sẵn đó, đón Phái bộ. Hai ba phóng viên báo tiến tới phỏng vấn đoàn trưởng. Trong đó có một cô gái Việt, người đầy đà, mặc áo dài chấm gót, màu sặc sỡ, bó sát thân. Trông mặt mày vẽ phấn tô son ghê tởm. Chúng tôi suốt một năm nay đã sống trong không khí hồi hộp và trong trẻo, chỉ thấy những kẻ tranh giành độc lập cho xứ sở ; mà phút chốc đứng trước cảnh tượng một cô gái Việt hùa theo người Pháp, thì thấy tự xấu hổ cho người mình. Cù Huy Cận đi cạnh tôi, nói nhỏ với tôi rằng : "Việt gian no béo thật !" Rồi đi sau cô. Thấy mình cô vắn vẹo chồng chênh trên đôi giày cao gót bước trên bãi cỏ, nhà thi sĩ vui đùa nhắc lại bài thơ *Le Bateau ivre* (con thuyền say sóng) của thi nhân Pháp Rimbaud.

Ô tô nhà binh Pháp đưa về Đà Lạt cách sân bay ba mươi cây số. Dọc đường nhận thấy đường và các cầu không bị hư hỏng. Phái đoàn được đưa về khách sạn Langbian, dựng trên đồi cao ngoảnh mặt xuống hồ, trừ đoàn trưởng sẽ ở phòng đặc biệt tại khách sạn sang hơn, là

khách sạn Hoa viên (Hotel du Parc). Bấy giờ khách sạn mới mở lại, các phòng trống không, thiếu hết mọi đồ dùng. Trời khá lạnh. Thay quần áo ấm rồi xuống hộp ở phòng khách, nghe ngóng tin tức.

*

Thoạt tiên những tin Pháp cho biết đều báo hiệu nhiều sự không hay. Một viên công sứ cũ, phụ trách đón tiếp, cho hay rằng đã dành riêng hai phòng lịch sự nhất ở khách sạn Hoa viên cho hai chủ tịch Phái đoàn : Nguyễn Tường Tam và Max André, và một phóng viên Pháp nói : "Ngày mai, trước khi Phái đoàn đi chào Cao ủy, tôi xin phép chụp tám ảnh".

Bấy giờ mới biết rằng Pháp đã thay thế đoàn trưởng và họ đã đặt chương trình hành động mà không hỏi ý mình. Phái đoàn mình có Bộ trưởng Ngoại giao cầm đầu, thì tất nhiên Phái đoàn Pháp ít ra cũng có Cao ủy Pháp chủ tịch. Trái lại họ đã định hạ Phái đoàn mình vào hàng đại biểu địa phương trong xứ Đông Dương và đã đặt Cao ủy trùm lên trên hai Phái bộ. Sự tranh thủ đầu tiên của Phái bộ ta

là giữ vững lập trường quốc tế ngang hàng với Pháp trong khi điều đình, nghĩa là khi chưa qui định tổ chức Liên bang và Liên hiệp. Còn Chính quyền Pháp thì vẫn coi người Việt là đàn trẻ "chơi trò độc lập". Họ cố ý đánh đòn tâm lý đầu tiên hoặc để thử tinh thần chống cự của dân ta, hoặc để làm át thế và ức chế lòng tin tưởng của ta.

Quả như vậy. Sáng ngày sau, 18 tháng tư, Chính quyền Pháp tới khách sạn đòi trực xuất *Tạ Quang Bửu* và một người tên *Chi* lên để giúp Trần Đăng Khoa trong sự giao thiệp với người địa phương. Họ lấy cớ rằng các người ấy không có tên trong sổ dự định trước. Đối với Bửu thì họ nhận để ở lại, tuy họ sợ có liên lạc với quân đội kháng chiến ở vùng này. Còn đối với Chi, thì nhất định họ đem đi. Thế mới biết thám tử của họ ở Hà Nội đã cho họ biết rõ nhiệm vụ từng phái viên ta. Tôi còn nhớ rằng trong khi họp bàn đến Hội nghị Đà Lạt và các vấn đề khác ở trong ban *Kiến thiết*, Võ Nguyên Giáp một hôm ra hiệu cho tôi cùng đi ra ngoài phòng ; rồi bảo tôi rằng : "Hôm nay, anh đừng nói gì về những việc quan trọng, vì có kẻ rình nghe" Tôi rất ngạc nhiên và trả lời : "Ở đây

chỉ có người trông Chính phủ và người được Chính phủ đã chọn" Giáp bảo thật tôi rằng : "Có bác sĩ kia, Pháp đã cho lọt vào Đồng Minh hội. Chúng tôi biết chắc rằng những chuyện ban ngày trước mặt anh ta, thì tối phòng Nhì quân đội Pháp đã biết" Tôi im, nhưng cũng chưa tin chắc hoàn toàn. Chuyện trục xuất này chứng tỏ Pháp có tay trong. Rồi sau này, sau ngày chiến tranh Pháp Việt bùng nổ ở Hà Nội, vào tháng chạp, quả nhiên bác sĩ kia được huy chương và cất làm Hội đồng An dân, nhưng rồi bị ám sát mấy tuần sau ⁽¹⁾.

Đại diện Pháp tới bảo : mười giờ, hai phái đoàn sẽ đi chào đô đốc D'Argenlieu rồi mười một giờ họp Toàn thể đại hội. Ta không bằng lòng. Thế là khi chưa bắt đầu hội nghị, hai bên đã cãi găng. Ta nói : "Ông Tam sẽ lên thăm ông đô đốc" Đại biểu Pháp nói : "Thì để cả ông Max André cùng tới một lần".

Ý bên Pháp muốn coi Đô đốc là chủ trì cả hai phái, mà ta chỉ nhận Đô đốc là trưởng đoàn Pháp mà thôi. Nhưng cũng phải tìm cách

(1) Tức Bác sĩ Trương Đình Tri.

hòa giải, bèn đề nghị : "Ông Tam sẽ tới thăm Đô đốc, rồi Đô đốc sẽ cho biết rằng vì bận việc nên sẽ giao quyền lại cho ông Max André cầm đầu phái đoàn Pháp. Trong thông cáo sẽ có lời như thế này : *M. TAM a eu une première entrevue avec l'Amiral D'ARGENLIEU. Les deux chefs de délégations ont arrêté en commun le programme de travail des deux délégations. Monsieur l'Amiral a présenté à M. TAM son remplaçant, M. Max ANDRÉ, à la tête de délégation française* - Ông Tam đã hội kiến lần đầu với Đô đốc D'Argenlieu. Hai trưởng đoàn đã định chương trình công tác cho hai phái đoàn. Ông Đô đốc đã giới thiệu với ông Tam người thay thế mình, ông Max André, cầm đầu phái đoàn Pháp."

Bên Pháp tạm nhận đề nghị, nhưng yêu cầu tất cả Phái đoàn ta sẽ tới liền sau đó, vì "Champagne đã sẵn sàng rồi !"

Trong khi bàn luận lôi thôi, Pignon, phái viên chính trị của Đô đốc, tới nói chuyện với Nguyễn Tường Tam. Theo lời Tam báo cáo thì Pignon đã cho hay rằng : Đô đốc nhất định phải giữ danh hiệu Cao ủy, nhưng trong thông

báo có thể xưng là Đô đốc Trưởng đoàn Pháp và Cao ủy Pháp. Còn về thông cáo thì cả hai đều bằng lòng mới tuyên, nếu không thì thôi. Pignon lại cho hay rằng Đô đốc mời ăn cơm trưa.

Sự cãi cọ gay go cả buổi sáng làm không khí khá căng thẳng, vì phủ Cao ủy đã cho các nhà báo biết trước chương trình mà họ đã tự định cho công việc sáng nay. Các phóng viên Pháp và Mỹ cứ kéo nêo tại sao họ không thấy họp Toàn thể hội đồng như đã định. Ta chỉ trả lời rằng chưa có dự định gì.

Lúc 12 giờ rưỡi, thấy có tuyên ngôn của Cao ủy trách. ⁽¹⁾ Lời rằng :

(1) Nguyên Pháp văn là :

Selon les usages internationaux, le Haut Commissaire de France, Représentant du Gouvernement de la République, attendait M. Nguyễn Tường Tam, Ministre des Affaires étrangères, Président de la Délégation du Gouvernement de la République du Vietnam à 10 heures 45. Outre les exigences du Protocole, cette visite devait permettre de lui présenter M. Max André, vice président du conseil général de la Seine, Délégué du Ministère des affaires étrangères et du Ministère des Armées, choisi pour exercer la présidence de la Délégation française. La Délégation

"Theo tục lệ quốc tế, Cao ủy Pháp, đại diện chính phủ Cộng hòa, đã đợi ông Nguyễn Tường Tam bộ trưởng bộ Ngoại giao, trưởng Phái đoàn của chính phủ Cộng hòa Việt Nam, lúc 10 giờ 45 phút. Ngoài sự yêu cầu về điển lễ, sự tiếp kiến này đáng lẽ là dịp để giới thiệu cho ông ấy ông MAX ANDRÉ, là phó chủ tịch hội đồng quận hạt quận Seine, đại diện bộ Ngoại giao và bộ Binh, đã được chọn để làm chủ tịch phái bộ Pháp. Phái đoàn của Cộng hòa Việt Nam cũng đáng lẽ được dẫn yết bởi chủ tịch đoàn.

"Bây giờ là 11 giờ 45 phút, các nhân viên phái đoàn Pháp đã hội họp để đón tiếp các đồng liêu họ ở Hội phòng.

de la République du Vietnam devait être pareillement introduite par son Président.

Il est actuellement 11 heures 45, les membres de la Délégation française se sont réunis pour accueillir leurs collègues dans la salle de conférence.

Cette situation ne pouvant se prolonger qu'au détriment des travaux de la Conférence le Haut Commissaire exprime au Ministre des Affaires étrangères de la République de Vietnam, une fois encore, le désir de recevoir dès maintenant sa visite, afin de créer le climat favorable indispensable.

"Nếu tình trạng này kéo dài, thì chỉ tổn hại cho công tác của Hội nghị. Vậy, Cao ủy ngỏ cùng Bộ trưởng Ngoại giao Cộng hòa Việt Nam, một lần nữa, ý nguyện tiếp ông liên bây giờ để gây nên một hòa khí thuận lợi cần thiết."

Ta trả lời rằng sở dĩ có sự so le là vì Phái đoàn Pháp không dự định gì trước với Phái đoàn Việt Nam. Nhưng trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam sẽ lên thăm Đô đốc, lấy nguyên tắc đoàn trưởng thăm đoàn trưởng. Rồi một giờ chiều, D'Argenlieu tiếp Nguyễn Tường Tam và giới thiệu Max André, và cũng nhận nguyên tắc trong hội nghị không có ai làm chủ cả hai bên, và trong các buổi họp, mỗi bên lần lượt chủ tọa.

Một giờ rưỡi, Đô đốc mời ăn ở dinh Cao ủy. Đô đốc đọc diễn văn ; Nguyễn Tường Tam trả lời vắn tắt nhưng đầy đủ. Bữa ăn xong, hai phái đoàn trò chuyện rất vui vẻ, như là đã không xảy ra chuyện găng co gì. Rồi phát lời tuyên ngôn chung đầu tiên. Rằng :

"Sau khi nhiều chậm trễ trong sự thi hành chương trình Hội nghị trù bị, gây nên bởi máy

bay hồng ở PAKSÉ, ông Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng bộ Ngoại giao chính phủ Việt Nam, Trưởng phái đoàn Việt Nam, đã tới nhà kiến Đô đốc D'Argenlieu, Cao ủy nước Pháp, đại diện nước Pháp ở Đông Dương, Trưởng phái đoàn Pháp.

"Cuộc đàm thoại đã triển khai một cách cảm thông và thân thiện tốt bậc. Đô đốc đã thết một tiệc, trong bữa ấy hai phái đoàn đã gặp nhau. Cuối tiệc, Đô đốc đã mở lời chào Phái đoàn Việt Nam, tỏ tiếc rằng chủ tịch Hồ Chí Minh không thể dự buổi khai mạc công tác; rồi giải thích tầm quan trọng mà Chính phủ Pháp đặt vào Hội nghị Đà Lạt, lại giải rõ ý nghĩa các chữ Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Đô đốc cũng đã tuyên bố rằng sự tiếp diễn tốt đẹp những công tác ở đây sẽ ảnh hưởng đến kết quả tốt đẹp cho Hội nghị chính thức ở Paris. Trong khi tặng lời chúc cho hai Phái đoàn, Đô đốc đề xướng nâng cốc rượu chúc mừng chủ tịch Hồ Chí Minh và nước Dân chủ Cộng hòa Việt nam.

"Ông Nguyễn Tường Tam cảm ơn trưởng Phái đoàn Pháp và tuyên bố rằng nhiệm vụ

độc nhất của Phái đoàn Việt Nam là trù bị chính thức cho Hội nghị chính thức Paris. Ông không muốn dự đoán những bàn luận sau này, vì đó là mục đích công tác của hai Phái đoàn; nhưng ông chắc rằng định ý của Phái đoàn Việt Nam, cũng như Phái đoàn Pháp, là đem hết tâm nguyện ra làm việc để lợi cho hai nước, nước Pháp và nước Việt Nam tự do trong khối Liên hiệp Pháp theo đúng tinh nghĩa của Hiệp ước mong 6 tháng 3 năm 1946. Ông bèn nâng cốc rượu, biểu dương vinh dự của hai Phái đoàn, chúc Đô đốc mạnh khỏe và Hội nghị Đà Lạt thành công.

"Sau khi chuyện trò, những đại biểu hai Phái đoàn họp lại để bàn soạn lễ khai mạc Hội nghị. Theo lời ông Max André đề nghị, lễ này sẽ cử với trưởng đoàn Việt Nam làm chủ tọa. Đã định rằng mỗi một Phái đoàn sẽ sửa soạn trong hôm nay cái sổ kê những ủy ban sắp nhóm và những vấn đề mà mình thấy cần nêu ra.

Một Toàn thể đại hội sẽ nhóm ngày mai, 19 tháng tư, vào chín giờ sáng tại trường Lycée Yersin. Hai Phái đoàn nhắm mục đích xấp lại những đề nghị của hai bên và điều hiệp lại."

Thông cáo trên tóm tắt đủ những sự kiện xảy ra ngày đầu mà Phái đoàn ta phải chạm trán với Chính quyền Pháp ở Đông Dương và với Phái đoàn Pháp. Đô đốc D'Argenlieu là một người rất rắn rỏi, độc đoán, bảo thủ, tự cao, nhưng cũng là rất nhã nhặn. Trong việc tiếp xúc với Phái đoàn Việt Nam, ông bị chống lại. Chắc ông đã tức tối lắm, nhưng không hề để lộ sự giận trong khi tiếp Phái đoàn. Trái lại, tôi có cảm tưởng rằng ông đã hiểu rằng "tụi trẻ con" này không dễ ức chế ; cho nên câu đầu ông nói trong buổi tiệc, là : "*La France prend au sérieux le Vietnam*", nghĩa là nước Pháp quan tâm đến nước Việt Nam, với ý rằng coi đó là một nước thật, chứ không phải là một sự đùa của trẻ con. Nhưng liền sau đó, ông đã nhấn mạnh vào chế độ chính trị của Liên bang Đông Dương.

Còn Phái đoàn Việt Nam, trong bữa tiệc cũng vẫn tranh đấu. Phái đoàn đã dự định rằng trưởng đoàn sẽ trả lời Đô đốc bằng tiếng Việt để tỏ ý chí độc lập của dân tộc. Khi Nguyễn Tường Tam đứng dậy đáp lời, biết rằng tâm lí Việt vẫn găng, những người Pháp trong tiệc bắt đầu hơi khó chịu. Nhưng liền

sau, Nguyễn Mạnh Tường đứng dậy ở cuối bàn, nét mặt tươi cười, dịch lời trưởng đoàn ra tiếng Pháp, một cách chải chuốt, thanh nhã, hùng hồn, thì ai nấy cũng quay nhìn với vẻ ngạc nhiên và thích thú. Không khí khác hẳn. Một phái viên Pháp khen nức nở, quay hỏi tôi dịch giả là ai. Sau khi tôi cho biết đó là một tiến sĩ văn khoa và luật khoa, ông ta bảo đùa với tôi rằng : "ông ấy Pháp hơn người Pháp, như hầu hết các anh. Chắc điều đình sẽ không khó." Tôi trả lời : "Với các ông thì chắc không khó, nhưng với Chính quyền Pháp không biết sẽ ra sao".

Chiều hôm ấy, còn dư thì giờ ; một số phái viên đi du lịch thăm cảnh đập nước và nhà thủy điện Angkroet. Chính quyền để ba ô tô cho Phái đoàn dùng. Đường sá xấu. Dọc đường nhiều nhà đóng cửa. Ít thấy bóng đàn ông. Chúng tôi có dừng lại thăm làng Nghệ Tĩnh mà chính Phạm Khắc Hòe đã lập, khi làm Quản đạo tại đây. Làng vắng tanh, chỉ còn một ít đàn bà trẻ con.

Tối, kiểm điểm lại công việc hôm đầu, thấy Phái đoàn mình đã làm trọn nghĩa vụ

không hao tổn quốc thể, đã biết cương quyết và hòa nhã. Tuy những sự việc tranh đấu không quan trọng về công tác điều đình, nhưng về đại thể, Phái đoàn đã tỏ rõ thái độ của một nước tự do không chịu nhận một điều gì mà mình không cùng dự định đoạt.

*

Sáng ngày hôm sau, 19 tháng 4, toàn hai Phái đoàn họp ở nhà trường Yersin để lập các ủy ban và định các chương trình nhóm họp.

Phái đoàn Pháp cũng gồm 12 phái viên. Trưởng đoàn thực tế là Max André, một chính khách thuộc đảng MRP, là một trong ba đảng lớn chung quyền tại Pháp, đảng ấy ở về phía bảo thủ, nhất là dựa trên nền tảng đạo Cơ đốc. Chuyên môn chính trị, hoặc đúng hơn là hành chánh, có *Messmer*, *Pignon*, *Torel*, *Bousquet*. Messmer đã nhảy dù xuống vùng Thái Nguyên ngày 22 tháng 8 với chức ủy viên Chính phủ Pháp (nghĩa là Thống đốc Bắc Kỳ trong chế độ thuộc địa) và đã bị công an ta bắt giữ đến tháng 10. Torel nguyên ở trong chính quyền Decoux nhưng đã theo nhóm Kháng địch. Pignon là viên cai trị lão luyện cố vấn đặc lực

của Cao ủy. Chuyên môn về tài chánh, nguyên có đề tên *Bloch - Lainé* trong sổ, nhưng sau chỉ còn *Gonon*. Chuyên môn về kĩ nghệ là hai kĩ sư cầu cống vốn làm việc ở Đông Dương : *Bourgoin* và *Guillanton*. Đặc biệt là *Bourgoin* đã từng chống *Decoux* và đã trốn sang Trung Quốc. Chuyên môn về quân sự có tướng *Salan* là một võ quan đã làm việc phòng Nhì lâu năm ở Đông Dương và đã cầm đầu Ủy ban điều đình về binh bị với Trung Quốc và Việt Nam. *Gourou*, cựu giáo sư ở trường *Sarraut* ở Hà nội về môn sử kí và địa dư và tác giả sách *LES PAYSANS TONKINOIS*, là chuyên nhân về vấn đề văn hóa. Người thứ mười hai là *CLARAC*, cố vấn về ngoại giao cho Cao ủy. Nói chung thì các phái viên Pháp không phải những nhà chính trị. Nhưng một phần đã trải qua giai đoạn chiến tranh chống Na-zi và Fat-xít, cho nên cũng có óc chính trị mới một phần nào. Dẫu sao, họ đều là những người từng trải xã giao, cho nên những cuộc bàn cãi tuy gay go nhưng không khi nào gây ác cảm nặng.

Theo thông cáo hôm trước, Nguyễn Tường Tam chủ tọa buổi họp đại hội lần đầu, nói mấy lời mở màn, hứa nỗ lực làm việc, tranh luận

thật thà. Max André đáp lời cảm ơn và cũng hứa hẹn như vậy. Nhân không khí trịnh trọng khi khai hội, Dương Bạch Mai đề nghị tuyên bố chung ý nguyện *đình chiến* ⁽¹⁾ để hội nghị tiến hành trong không khí hòa bình. Max André ngỏ lời dè dặt. Ta cũng không cố tấn công ; Võ Nguyên Giáp chỉ yêu cầu Phái đoàn Pháp chuyển ý nguyện ấy lên Cao ủy. Max André nói khéo rằng mình cũng muốn có đình chiến trong toàn cõi, nhưng Phái đoàn bất lực về việc ấy ; nhưng cũng hứa sẽ chuyển ý nguyện lên Đô đốc D'Argenlieu.

Rồi bàn đến sự lập các ủy ban. Có bốn ủy ban : Chính trị, Kinh tế và Tài chánh, Quân sự, Văn hóa. Trong mỗi ủy ban, mỗi bên đặt một số người, phái viên và cố vấn ; một người có thể dự nhiều ủy ban. Trong mỗi một ủy ban, mỗi bên cử một chủ tịch để lần lượt chủ tọa những buổi nhóm.

Ủy ban *Chính trị* :

(1) Như trên đã nói. Lúc ra đi, hình như chỉ thị của Chủ tịch là đừng khơi vấn đề Đình chiến. Tôi không nhớ đây là ý riêng của Mai hay mới có chỉ thị mới mà tôi không được biết.

Bên Việt có Trùng, Giáp, Mai, Hiền, Huyền, Hữu Tường, Mạnh Tường và Hãn chủ tịch ;

Bên Pháp có Messmer chủ tịch, Bousquet, Bourgoin, Clarac, Max André, Pignon, Torel ; sau có thêm D'Arcy.

Ủy ban *Kinh tế và Tài chánh* :

Bên Việt có Bính chủ tịch, Luyện, Hiền, Cận, Trùng, Mạnh Tường, Giáp, Khoa và Đinh Văn Hớn.

Bên Pháp có Bourgoin chủ tịch, Bousquet, Gonon, Gourou, Guillanton, Messmer.

Ủy ban *Quân sự* :

Bên Việt có Giáp chủ tịch, Khanh, Hãn, Bửu, Phác, Cung.

Bên Pháp có Max André chủ tịch, tướng Salan, Messmer, Clarac.

Ủy ban *Văn hóa* :

Bên Việt có Mạnh Tường chủ tịch, Huyền, Hữu Tường, Cận, Hãn.

Bên Pháp có Gourou chủ tịch, Clarac, Guillanton, Pignon, Torel.

Ngoài những người có tên trên đây, mỗi phiên họp, có thể thêm các chuyên viên. Ủy

ban Chính trị ngày nào cũng họp vào buổi sáng từ 9 giờ đến 11 giờ rưỡi, trừ thứ năm và chủ nhật. Ủy ban Kinh tế và Tài chánh thì họp ban chiều. Có ngày họp cả buổi tối.

Trong các buổi họp, có người lấy tốc kí, rồi đánh máy biên bản mà phát cho hai Phái đoàn. Cũng vì vậy mà trong sổ tay của tôi ít ghi những lời bàn luận hàng ngày. Vả chăng, ai cũng còn nhớ rằng Hội nghị Đà Lạt đã không đem lại một điểm thỏa thuận nào quan trọng. Vậy sau đây, tôi chỉ chép lại một vài sự kiện mà tôi đã ghi, chắc vì bấy giờ tôi đã coi là quan trọng đối với chung hoặc chỉ đối với cá nhân tôi. Tôi tin rằng những chi tiết "vụn vặt" ấy tả đúng đức tính, tình cảm đương thời của phái viên và không khí chung của Đà Lạt và Hội nghị.

*

Chiều hôm ấy (20/4), họp ủy ban Tài chánh và Kinh tế. Tối, họp ủy ban Văn hóa. Sáng hôm sau ủy ban Chính trị họp phiên đầu. Trong những phiên đầu, nguyên tắc là mỗi bên đề nghị một trình nghị sự, rồi bàn cãi để cùng nhận một nghị trình chung. Những vấn đề đưa

ra và thứ tự đề nghị tỏ rõ thâm ý của mọi Phái đoàn.

Bourgoin chủ tọa buổi họp ủy ban Tài chánh và Kinh tế, nhấn mạnh về sự cần thiết lập một khối chung về Kinh tế, bình đẳng giữa các nước Liên bang và đề nghị các vấn đề :

1. - Ngoại thương và Quan thuế,
2. - Tiền tệ, Ngân khố, Hối đoái,
3. - Tham dự của Liên hiệp Pháp vào sự mở mang kinh tế Đông Dương, Quyền lợi kinh tế Pháp ở Việt Nam,
4. - Liên quan Tài chánh giữa Liên bang Đông Dương và Việt Nam, Bỏ ngân phiếu hiện hành,

Công nghệ hiện hữu của Pháp ở Việt Nam,

Tham dự của tư bản Pháp vào sự kiến thiết kinh tế Việt Nam.

Gourou chủ tọa buổi họp tiểu ban Văn hóa, hứa hẹn nhiều về sự giáo dục và văn hóa và nêu ra những điểm :

1. - Tình hình những cơ sở khoa học lớn hiện có trên địa phận Việt Nam,

2. - Dạy bằng tiếng Pháp trong các cấp giáo dục,

3. - Tham dự của Pháp vào giáo dục tại Việt Nam,

4. - Các trường Pháp tại Việt Nam,

5. - Liên quan về văn hóa,

Viện Viễn đông Bác cổ,

Viện Pasteur,

Viện Bảo Tàng và Thư viện.

Về các vấn đề Kinh tế, Tài chánh và Văn hóa nêu lên trên đây, đại khái ta đồng ý thảo luận, nhưng giữ lập trường căn bản của một nước tự do : nhận, hoặc từ, những điều ước định sau. Nếu nước Pháp tôn trọng quan niệm ấy, thì sự điều đình sẽ dễ dàng, vì ta cũng muốn có sự liên lạc mật thiết với Pháp về kinh tế và văn hóa. Vậy sự điều đình về Chính trị và Quân sự là cốt yếu và sẽ chi phối những điều đình kia.

*

Ngày hôm sau, thứ bảy 20 tháng 4, ủy ban Chính trị nhóm họp. Messmer chủ tọa, ngồi cạnh Max André. Bên Việt, Nguyễn Tường

Tam không dự, vì lẽ chúng tôi đã định rằng đoàn trưởng chỉ dự Toàn thể đại hội mà thôi. Phía ta Võ Nguyên Giáp ngồi cạnh tôi.

Chúng tôi đề nghị ba vấn đề lớn :

1. - Hợp nhất ba Kì, kể cả vấn đề gây nên tại Nam bộ một hoàn khí thuận lợi cho sự điều đình,
2. - Liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và các nước ngoài,
3. - Quan hệ giữa Việt Nam và Liên hiệp Pháp.

Chúng tôi đã cố ý gác vấn đề Liên bang ra ngoài để tỏ rõ ý Việt Nam chỉ nhận một Liên bang kinh tế mà thôi, vậy nó không đáng đem ra bàn ở ủy ban Chính trị.

Phái đoàn Pháp không chịu và đề nghị những vấn đề sau :

- 1.- Sự đại biểu ngoại giao của Việt Nam tại các nước ngoài, (ý muốn nói Việt Nam có đại diện ở nước ngoài nhưng không có ngoại giao tự do),
2. - Điều lệ tương lai của Đông Dương,
3. - Tổ chức trưng cầu dân ý,

4. - Liên hiệp Pháp.

Hai bên thảo luận rất gắng để giữ đề nghị của mình : vấn đề và thứ tự nêu ra. Ta tranh thủ để được bàn việc Nam bộ đầu tiên. Pháp nhất định không nghe và không nhận đem bàn vấn đề đình chiến ; lại cố nài để hai vấn đề Trưng cầu dân ý và Liên hiệp Pháp về cuối. Lí do sự cố nài ấy là ở Pháp chưa có Hiến pháp để định đoạt thể thức Liên hiệp ; vả Cao ủy và thực dân Pháp ở Nam bộ đang vận động mạnh để thành lập nước *Nam Kỳ tự trị*. Cuối cùng ta đành phải nhận nhật trình nghị sự như sau :

1. - Liên quan ngoại giao của Việt Nam với các nước ngoài,

2. - Liên hệ giữa Việt Nam với Liên hiệp Pháp,

3. - Vấn đề Liên bang Đông Dương,

4. - a) Hợp nhất ba kì. Hỏi ý các nhân dân bằng cách trưng cầu.

b) Tạo một hoàn khí ⁽¹⁾ chính trị thuận lợi cho các cuộc điều đình.

(1) Tôi dùng tiếng này để dịch Pháp ngữ *Climat* và dành không khí cho ý *atmosphère*.

Về điểm cuối, Võ Nguyên Giáp đã đề nghị hai bên tìm lập tức những phương sách cụ thể và đặt lên Chính phủ của phe mình. Messmer bằng lòng rồi hẹn rằng vài bữa nữa sẽ trao đổi chiếu hội ⁽¹⁾ về việc ấy.

Buổi chiều hôm ấy, thảo luận sâu về những vấn đề Ngoại thương và Quan thuế. Mục đích Pháp là lập Liên bang mà Cao ủy cầm đầu nắm hết các quyền định đoạt. Mà Phái đoàn ta thì chỉ nhận những giao kết giữa các nước Liên bang.

*

Ngày mai là chủ nhật, sẽ nghỉ ngơi. Hai hôm đi đường, hai hôm tranh đấu gay go. Về cân não nghe đã mệt. Tối nay mới để ý đến sự sống thường. Các phái viên ở từng một và từng hai tại khách sạn Langbian, phòng rộng rãi và trơ trổng. Công nhân giúp việc khách sạn đều là đàn ông Huế hay Nam bộ. Tôi hỏi chơi người dọn phòng rằng : "Anh có làm mật thám cho Pháp không ?" Anh ta trả lời : "Dạ!" Đó là tiếng trả lời của người miền Trung, nó có thể

(1) Memorandum

có nghĩa là *vâng*, là *có*, là *phải*. Tôi và anh ta chỉ cười. Rồi tôi không hỏi thêm gì, chỉ nhờ đi tìm cho một cái li uống nước. Trong phòng ngủ không có đồ dùng. Muốn đánh giày, cũng không vật liệu và dụng cụ. Khi trở vào phòng, anh ta ra vẻ dè dặt lúng túng, nói với tôi : "Chúng tôi nghe nói ở Hà Nội đã có *Giấy bạc CỤ HỒ*. Ông có đem vào không ? Cho tôi xin một tờ". Tôi lục ví thấy có hai tờ giấy một đồng, giấy xấu, vẽ khá sơ sài ảnh Chủ tịch Việt Nam. Tôi lạnh lẽ trao cho. Anh ta vô lấy với nét mặt tươi cười cực điểm và cảm ơn không dứt. Tôi muốn hỏi về tình hình ở Đà Lạt nhưng coi chừng anh ta sợ ở lâu trong phòng với tôi, nên xin lỗi lui ra, sau khi giấu kĩ hai tấm giấy bạc nhỏ nhàu trong túi áo trong. Trong khi tâm thần khá hoang mang, tôi cảm nghĩ rằng ví anh ta có làm mật thám cho Pháp đi nữa, thì chỉ bất đắc dĩ, chứ tiếng gọi Tổ quốc vẫn chuyển động tấm lòng.

Các phòng của Phái viên gần nhau. Tối lại, anh em họp nhau kiểm điểm công việc trong ngày và nhất là bàn công việc ngày sau. Kiểm điểm thì thấy mình đã tranh đấu cực lực, để tỏ thái độ rõ ràng là : *nếu Pháp đừng*

tìm cách gò buộc Việt Nam về phương diện chính trị và để Việt Nam hưởng những quyền của một nước tự do, thì các sự sáp nhập Liên bang và Liên hiệp không khó khăn gì, và Pháp sẽ chiếm phần ưu đãi về Văn hóa và Kinh tế. Nhưng cảm tưởng chung là : tuy rằng có một vài Phái viên Pháp cảm thông ý ấy, nhưng chính quyền Pháp tìm hết cách để bó chặt mình, và Thực dân ở đây sẽ lấn hết những điều mà họ đã phải nhận khi muốn đổ bộ quân một cách êm thấm lên đất Bắc.

Về chuẩn bị buổi hội họp sắp tới, thì chúng tôi đã qui định một phương pháp làm việc có qui mô và kết quả. Trước hết, mình giả đứng vào địa vị và lập trường phái viên Pháp mà đoán những điểm họ có thể nêu ra và những lí luận mà họ có thể khai triển. Rồi mình tìm chung những lẽ để đối phó từng câu, từng lẽ, để bảo vệ những đề nghị mình đưa ra; lại cất sẵn người nào trả lời câu nào, người nào bảo vệ đề nghị nào. Xong rồi, nếu có thời giờ thì chia tay tập dượt, kẻ làm phái viên Pháp, kẻ làm phái viên ta. Về tranh luận, thì chia công việc, kẻ xung phong, kẻ tiếp hậu, kẻ đưa lí luận "nặng" ra chặn trước, kẻ giữ lí luận

"bất kì" để làm đối phương lúng túng. Chúng tôi thường dùng tiếng lóng quân sự để trả các tranh luận ấy, cho nên đã nghĩ đến ... cách thả khói mù khi mình yếu thế để rút lui. Trong phái đoàn có bác sĩ Luyện, người rất vui tính vì có nhiều ý nghĩ, nên khi ông giải thích, hay muốn đem hết ra đồn dập, làm cho thính giả thường không hiểu ông muốn nói gì. Chúng tôi thường đùa nói ông là chuyên môn bắn đạn nhả khói !

*

Sáng chủ nhật 21 tháng 4. Chúng tôi đưa nhau đi thăm thành phố. Đà Lạt vẫn đẹp, nhưng người rất thưa thớt. Khí trời khá lạnh, cho nên thành phố ra vẻ ảm đạm e dè. Chưa có chợ búa. Ở khách sạn to mà ăn uống rất sơ sài. Vào làng Việt Nam thì không thấy đàn ông, một ít đàn bà trẻ con ra ý tránh gặp. Sang xóm chợ, thấy phố đã phần nhiều mở, nhưng hàng hóa ít ỏi. Nhân dân thấy các phái viên đi qua, đều trưng mắt nhìn theo, nhưng không dám tỏ ý gì cả.

Từ khi Phái đoàn lên đây, Chính quyền Pháp phòng bị rất ngặt về sự *Phái đoàn tiếp xúc với nhân dân*. Nghe nói có lệnh cấm dân

ở miền dưới lên đây trong hai mươi ngày. Họ cho chừng sáu chục lính kín lên canh dò. Sau khi họ thấy có nhân viên Phái bộ ta ra tiếp xúc với nhân dân, họ đã đặt ra hai điều lệ cản trở :

Một là *tín bài* cho nhân viên Phái bộ, ta và Pháp ; họ nói cứ rằng làm vậy để ngăn những người không có chân trong Phái đoàn không tới quấy công việc Hội nghị được ;

Hai là hạn chế sự *dùng ô tô* họ cho Phái đoàn mượn. Nguyên từ ngày lên đây, họ cho Phái đoàn ta mượn ba ô tô với tài xế để đi lại. Nay họ cho biết rằng các xe ấy chỉ đi trong vòng Đà Lạt mà thôi ; nếu ta không viết thư báo trước muốn đi đâu, thì xe sẽ dừng ở ranh giới thành phố.

Nay lại nghe nói vì có Phái bộ lên đây, cho nên có mười người bị bắt thêm ở Drang.

Chiều nay, được tin *Phạm Ngọc Thạch* đến Đà Lạt. Nguyên Thạch có chân chính thức trong Phái đoàn, nhưng không có mặt ở Hà Nội khi Phái đoàn ra đi. Từ khi chúng tôi lên đây, luôn luôn mong đợi. Nhưng thấy thái độ chính quyền Pháp, chúng tôi không hy vọng gì

nhiều về sự Thạch có thể đến đây. Khi nghe tin Thạch đã lên, tôi tưởng ảnh đã từ bụng vượt tuyến mà tới. Khi gặp mới thấy cùng đi với *bác sĩ Tung* và *Nguyễn Văn Sâm* từ Sài Gòn lên. Thạch là một bạn học với tôi khi còn nhỏ. Năm 1943, tôi đã có dịp ở nhà ảnh tại Sài Gòn. Một bác sĩ trai trẻ nổi tiếng, nhà phú hữu, mặt tài hoa, giao du rất rộng trong các nhóm chính trị ái quốc đương thời và cả với một vài yếu nhân Nhật Bản ở Sài Gòn. Tính cương quyết, thích ăn chơi. Chính vì ảnh, nên tôi đã viết bài về Tài xiu đăng trong báo *Khoa học* ở Hà Nội. Nay gặp lại Thạch thấy càng cương quyết nồng hậu, tôi rất đổi mừng. Thạch báo cáo về việc kháng chiến hăng hái ở miền Nam và rất tin tưởng vào độc lập và thống nhất của nước. Tung, một bác sĩ, người thấp, mặt tròn, nói rất nhiều, rất hăng, giao du nhiều với chính khách Pháp thiên tả, nên đã lái xe lên lợt đến đây. Còn Sâm thì Trần Trọng Kim đã nói chuyện đến nhiều và thường khen với tôi là người trầm mặc. Vì vậy chính phủ Trần Trọng Kim đã giao cho Sâm chức Khâm sai Nam bộ khi Nhật chịu giao chính quyền ở đó. Tôi chưa từng biết Sâm, nên mừng

được gặp ở đây. Sâm người to cao, vạm vỡ, coi vẻ rất điềm tĩnh.

Sâm cho hay tình hình chính trị ở Sài Gòn: trong đám sĩ phu có bốn hạng :

1. - Nhóm chủ trương thuộc Pháp : gồm phần lớn *người gốc Pháp* ;
2. - Nhóm chủ trương tự trị hoàn toàn, tức là nhóm *bác sĩ Thỉnh* ;
3. - Nhóm chủ trương tự trị hành chánh nhưng hợp với ngoài Bắc thành nước Việt Nam, tức là nhóm *Nguyễn Phan Long* ;
4. - Nhóm chủ trương thống nhất, trong đó có *bác sĩ Tung*.

Ba nhóm đầu sợ thống nhất : nhóm đầu vì là tư bản sợ chế độ cộng sản, nhóm nhì vì sợ không được tham dự chính quyền, còn nhóm thứ ba thì đã bị cách mạng ruồng rẫy nên sợ cho tính mạng.

Sâm cũng cho biết rằng ở địa phương, tuy Pháp không lập được chính quyền, nhưng ta cũng không kiểm soát được. Quân du kích đến đánh đồn rồi rút lui. Quân Pháp tới thì khủng bố dân, cho nên dân khổ. Nếu trưng ý trong trường hợp này thì có thể thua : ba nhóm đầu

không chịu thống nhất, mà dân thì sợ khủng bố nên cũng theo chúng.

*

Sáng thứ hai 22 tháng 4, trước lúc họp ủy ban Chính trị. Max André trao thư cho Giáp nhờ can thiệp cho mấy người bị bắt (?), trong thư có ý dọa. Không khí có vẻ lại căng. Chín giờ ủy ban họp. Messmer Chủ tọa nhắc lại lập trường của hai bên về điểm đình chiến; và nói rằng Phái đoàn không có quyền bàn đến việc đình chiến, và đề nghị giữ mục hiệu *Trao đổi chiếu hội (Echange des memoranda)*.

Võ Nguyên Giáp trả lời dài, tấn công hăng. Đại ý nói : "Bây giờ trong Nam bộ vẫn đánh nhau. Chính quyền Pháp nói đó là dẹp giặc. Nếu nói đó là giặc thì FFI (quân du kích chống quân chiếm đóng Đức) của Pháp cũng là giặc chẳng ? Và Hiệp định sơ bộ nói rõ ràng rằng hai bên phải đình chiến. Vậy chúng tôi vẫn giữ yêu cầu ghi vào nhật trình Hội nghị vấn đề ấy..."

Về việc này, ta rất có lí. Nhiều phái viên Pháp cũng thấy vậy. Nhưng họ có lệnh của D'Argenlieu phải gạt đi. Messmer không chấp

nhận lời Giáp, và bảo lướt qua vấn đề khác. Ta xin tạm dừng họp. Một giờ sau họp lại. Nguyễn Mạnh Tường giảng rõ rằng sự đề nghị của ta theo lời Hiệp định sơ bộ ; rằng không phải ta yêu cầu hai phái đoàn thi hành đình chiến, mà chỉ yêu cầu xét những phương sách đình chiến để đề nghị lên hai chính phủ. Vậy ta yêu cầu ghi câu này vào nghị trình nghị sự:

Khảo cứu chung những thủ đoạn sẽ đề cử để chấm dứt lập tức chiến tranh và để gây một hoàn khí chính trị thuận lợi cho những cuộc điều đình.

Phe Pháp không chịu. Torel bảo : "Hiệp định sơ bộ có hai phần : phần đình chiến thuộc về các Chính phủ, phần điều đình thuộc về Hội nghị".

Messmer nói thêm : "Chúng tôi không thể bàn về việc này, là bởi *phải tuân lệnh* ⁽¹⁾. Chúng tôi cũng hiểu rằng phải gây nên một hoàn khí thuận lợi. Nhưng bây giờ chúng tôi nói *Không*, các ông lại nói *Có*, thì không bao giờ xong. Với tinh thần hòa giải, tôi đề nghị

(1) Par discipline

đem vấn đề này ra Toàn thể Hội nghị ngày sau".

Ta phải nhận. Nhưng cảm thấy Phái đoàn Pháp đã nhận mệnh lệnh phải găng. Chiều, họp lần đầu ủy ban Quân sự, tướng Salan chủ trì. Họp trong phòng nhỏ, hai bàn dài đặt đối, hai tiểu ban đối diện. Nhìn sang bên kia, thấy những lon là lon ; nhìn lại bên mình, may có ba lon làm sĩ diện ! Ngồi đầu, chàng thư sinh vai hẹp đối vị tướng quân cao ngồng. Đây là biểu hiện cho hai binh đội đang đương đầu trên đất Việt Nam.

Ta tấn công ; lại nêu vấn đề đình chiến về phương diện kĩ thuật ra làm chủ. Những điểm đề nghị của ta như sau :

1. - Thi hành đình chiến ;
2. - Nghiên cứu cách hợp tác Binh đội Pháp đóng ở Việt nam và Binh đội Việt Nam. Dự đảm ⁽¹⁾ của Pháp vào bộ đội Việt Nam : quân nhu, huấn viên.
3. - Binh đội Pháp đóng ở Việt Nam : trách nhiệm, số lượng, phân trí, binh chủng,

(1) Participation

thời hạn đóng quân, hải cảng và địa điểm đóng đồn.

Phái đoàn Pháp không chối từ điểm đình chiến, nhưng đề nghị để xuống cuối cùng và chỉ chịu bàn về đến các vấn đề khác thuộc về địa bàn *trên vĩ tuyến thứ 16* (Đà Nẵng).

Thảo luận càng giằng co. Tối đến, Max André lại chuyển cho Nguyễn Tường Tam một lá thư trách rằng có người đã theo Phái bộ lên đây để ngấm ngấm làm chính trị. Không biết họ muốn nói dự định của ta có người phụ trách sự liên lạc với địa phương, hay là họ ám chỉ chuyện bác sĩ Tung đưa Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Văn Sâm từ Sài Gòn lên đây.

*

Sáng thứ ba, 23 tháng 4. Những việc hôm qua là triệu chứng rằng tranh biện sẽ rất gay go. Không biết Hội nghị có thể qua chương ngại này không.

Quả vậy, Đô đốc D'Argenlieu tư một bức thông điệp nói về cái *máy vô tuyến truyền tin* mà phái đoàn ta đã đem lên, và đã dùng trong bốn ngày nay, Thông điệp bảo rằng : "Đài ấy phải có giấy phép của Chính quyền Pháp mới

được dùng. Vậy yêu cầu Phái đoàn Việt Nam tạm thôi dùng máy ấy, và Chính quyền Pháp sẽ vui lòng đảm nhận sự thông tin giữa Hà Nội và Phái đoàn".

Thật là khéo mĩ mai ! Nhưng cũng là rất vụng, vì muốn lập một khối Liên hiệp mà bắt đầu đã gây ác cảm từ trong. Ta cương quyết không nghe. Về sau không thấy Cao ủy phủ yêu sách gì về việc ấy. Chúng tôi phải thán phục các anh giữ trách nhiệm thông tin. Đêm ngày, và nhất là đêm, làm việc không ngớt. Các nghị lục tốc kí hàng ngày đều hoàn toàn tin về Hà Nội. Chính phủ đã theo dõi từng ngày những khó khăn mà Phái đoàn đang gặp và cho chỉ thị cấp tốc. Chắc cơ quan trinh thám quân đội Pháp cũng theo dõi luồng sóng của ta. Giả sử họ muốn phá quấy sự truyền tin của mình thì rất dễ dàng. Nhưng thực ra họ không cần, mà nếu làm thì đã mang tiếng mà không có lợi.

Vì việc đôi bên không hòa thuận về mục Định chiến, nên ủy ban dừng họp đợi buổi họp Toàn thể đại hội nhóm ngày sau. Sáng nay chúng tôi ở trong phòng làm việc. Mười hai giờ

trưa được tin thành linh *Phạm Ngọc Thạch* đã bị bắt !

Dương Bạch Mai báo cáo cho Phái đoàn họp cấp tốc biết rằng : Thạch với Mai lúc 12 giờ từ phòng Báo chí tại khách sạn Hoa viên (Hotel du Parc) ra. Trước cửa khách sạn có hai nhân viên mật thám và một đại úy Pháp đứng chờ. Một viên hỏi Thạch : "Ông có phải là bác sĩ Thạch không ?" Rồi nó nói có lệnh đưa Thạch về sở Liêm phóng. Thạch trả lời rằng mình có giấy Chính phủ Việt Nam ủy sai làm sứ bộ. Chúng không chịu thả. Thạch lại nói : "Phải để tôi về báo cáo với trưởng đoàn đã". Chúng cũng không nghe, và nói : "Nếu ông không bằng lòng đi, thì chúng tôi sẽ dùng vũ lực ép." Thạch bảo chúng : "Muốn dùng vũ lực thì dùng".

Rồi chúng đẩy Thạch lên xe mà đi hút mất xuống Sài Gòn. Sau lại nghe tin Nguyễn Văn Sâm và bác sĩ Tung cũng bị trục xuất. Đà Lạt là đất của ta, mà ta lại bị cấm giao thông với Hà Nội, sứ thần ta và nhân dân ta lại bị trục xuất. Chính quyền Thực dân bấy giờ đã tỏ rõ ý định coi Nam phần từ vĩ tuyến 16 trở

xuống không phải là đất Việt Nam nữa. Thế thì điều đình gì nữa ! Trong bụng anh em nhất quyết soạn sửa trở về Hà Nội.

Bữa cơm trưa này rất buồn rầu. Bực tức không bờ mà phải tỏ bộ hồn nhiên. Ăn xong, Phái đoàn họp để bàn cách đối phó. Trưởng đoàn viết thư phản kháng, và điện về báo cáo cho Chính phủ hay. Võ Nguyên Giáp bàn rằng mình phải bình tĩnh trước những hành động khiêu khích của phía Thực dân Pháp, và chiều nay vẫn phải họp Ủy ban Văn hóa như thường. Tôi đề nghị rằng : sẽ đi họp, nhưng lên tiếng phản kháng sự bắt Thạch rồi yêu cầu hoãn buổi họp. Nhưng nghe lời Trưởng đoàn, lúc ba giờ chiều, chúng tôi tới dự buổi họp Văn hóa, mà không tỏ vẻ gì khác thường. Buổi họp hòa nhã, Gourou có lẽ thấy ta vẫn hòa nhã sau việc Thạch, cho nên cũng rất hòa nhã. Vả về vấn đề Văn hóa, phần lớn, ta bằng lòng trong giới hạn nếu điều yêu sách của Pháp không phạm chủ quyền của tự do ta.

Trong buổi họp này Torel đưa vấn đề lấy tiếng Pháp làm công ngữ. Ta phản kháng, nhưng nhận rằng tiếng Pháp được ưu đãi bậc

nhất. Hai bên ưng thuận thảo chung đề nghị :

1. - Ủy ban Văn hóa tuyên ngôn rằng vấn đề dùng Pháp ngữ làm công ngữ thứ nhì ra ngoài phạm vi Ủy ban ;

2. - Phái đoàn Việt Nam tuyên bố rằng Pháp ngữ chiếm địa vị bậc nhất trong các ngoại ngữ.

Tối hôm nầy, chúng tôi nhóm lại bàn kĩ về cách đối phó ngày mai, là ngày họp Toàn thể đại hội : phản kháng sự bắt Thạch, đặt lại đề nghị đình chiến. Nếu bên Pháp chỉ nhận có "trao đổi chiếu hội", thì ta yêu cầu biên bản sự Pháp từ không chịu nhận ghi vấn đề Đình chiến vào nhật trình nghị sự. Nếu bên Pháp định lập ủy ban hoặc tiểu ban nghiên cứu vấn đề, thì ta sẽ nhận ; nhưng để phản kháng sự bắt Thạch, ta không nhận liền, mà xin tạm ngừng họp, rồi khi trở vào, xin giải tán buổi họp.

Bấy giờ anh em kiểm điểm tất cả những sự kiện đã xảy ra từ lúc lên đây. Thấy rằng : *Chính quyền Pháp bị phái Thực dân Pháp chi phối hoàn toàn, nhưng các Phái viên có phần thức thời hơn, về phương diện duy tâm, cũng có*

cảm tình với ta. Họ rất nhã nhặn. Tuy lúc tranh luận có lời khó chịu, nhưng ngoài ra thì chuyện trò hồn nhiên và có khi thân mật. Chính đó cũng là một cách ngoại giao khéo của họ, có thể lợi cho sự điều đình. Hầu hết Phái đoàn Pháp chắc không muốn phá hoại cuộc điều đình, tuy rằng ta cũng đã tình cờ biết chắc có một cố vấn hành chánh và chính trị đề nghị "lập một ngân sách trần áp rất lớn, đem đầy vài vạn người thì Đông Dương trở lại như xưa." Họ cũng đã nghĩ rằng sự định đoạt phải qua hai vai chính của Mặt trận Việt Minh: Võ Nguyên Giáp và Dương Bạch Mai. Cho nên họ đã cố chiêu chuộng hai anh, mời mọc thết đãi. Messmer và Bousquet thường nói chuyện với Giáp theo ngôn ngữ của những bạn đồng chí. Mỗi khi có việc khó khăn, họ cũng cố gắng dàn xếp với Giáp để làm bớt căng. Tướng Salan biết Giáp từ khi điều đình Hiệp nghị sơ bộ, thường tới phòng Giáp và cố giải thích những điều không đồng ý ở nghị trường. Ngoài ra, những phái viên khác cũng có mời mọc nhau. Còn Đô đốc, thì mời mỗi lần hai phái viên Việt và hai phái viên Pháp ăn bữa tối. Vũ Văn Hiến và tôi được mời cùng Pignon và

Torel. Ông tiếp rất nhã, nhưng không vồn vã; nói chuyện chung về những chuyện văn hóa, chứ không hề nhắc đến chính trị.

*

Ngày thứ tư 24 tháng 4 là ngày họp Toàn thể đại hội thứ hai. Vốn là để kiểm điểm những sự đã thỏa thuận giữa hai bên. Nhưng cụ thể thì không có điểm quan trọng nào đã thỏa thuận, mà lại còn thêm những sự xung đột bất thường, như chuyện bắt Thạch. Phái đoàn ta đã chuẩn bị phiên họp kĩ càng, nên vào phòng họp rất bình tĩnh.

Max André chủ tọa, đọc chương trình nghị sự, chỉ có đề nghị *Đình chiến* đặt ra ngày thứ bảy trước mà họ không chịu bàn. Max André đang trao lời cho Pignon, thì Nguyễn Tường Tam đứng dậy, trịnh trọng nói về chuyện Thạch bị bắt, kể lại rõ ràng sự kiện đã xảy ra. Các đại biểu Pháp đều cúi đầu lấy làm phiền. Tam nói tiếp : "Sự ấy là trái với tục lệ quốc tế. Là người phụ trách an toàn cho đại biểu Việt Nam, tôi phản kháng !"

Max André trả lời : "Nghe nói không phải

Thạch đã bị bắt. Vì Thạch đã lên Đà Lạt một cách ngấm ngấm, cho nên đã bị đưa về".

Giáp nói : "Chúng tôi sẽ nêu vấn đề ấy sau này. Nay xin bàn qua vấn đề khác" rồi đem ra bài diễn văn đã đọc hôm trước trong buổi họp Ủy ban Chính trị ngày thứ hai. Max André bảo Giáp hãy đọc lại cho toàn ban nghe. Như trước tôi đã ghi, bài này đả kích thái độ Chính quyền Thực dân Pháp một cách kịch liệt, ví Kháng chiến ta với Kháng chiến Pháp trong thời Đức chiếm. Các phái viên Pháp ngồi nghe, tỏ vẻ khó chịu ; nhất là bởi hôm nay có các báo chí dự.

Pignon bèn đem đề nghị mà Phái đoàn Pháp đã sửa soạn cẩn thận. Đại ý là : "Hai phái đoàn đề nghị lên hai Chính phủ lập một tiểu ban riêng, không dính gì với Hội nghị Đà Lạt, nhưng cũng làm việc ở Đà Lạt, để giải quyết vấn đề Đình chiến và để gây một không khí hòa hảo ở cả *năm xứ* Đông Dương" Pignon lại thêm rằng đó là nhượng bộ cuối cùng.

Tôi xin dừng họp một giờ. Chúng tôi họp bàn. Tất nhiên ai cũng thấy rằng Chính quyền Thực dân càng ngày càng tỏ rõ thâm ý lập lại

chính sách. Thuộc địa Đông Dương xưa. Nói *năm xứ* Đông Dương là nói rõ ý phân tán đất Việt Nam như xưa ra làm ba, có lẽ từ vĩ tuyến thứ 16 trở lên là nước Việt Nam, Nam bộ là *nước Nam Kỳ*, còn khúc giữa (hoặc chỉ vùng Cao nguyên) thuộc thẳng Pháp hoặc chính phủ Đông Dương. Xem vậy thì không những Chính quyền Thực dân không chịu đình chiến, mà còn muốn khiêu khích để phá các cuộc điều đình. Sau nửa giờ bàn, ta trở lại tìm các đại biểu Pháp, nhưng vì đã hẹn nghỉ một giờ, cho nên phần lớn đã tan đi.

Đúng giờ hẹn, ủy ban lại họp. Nguyễn Tường Tam xin đình chỉ buổi họp, và không hẹn ngày họp lại. Nhiều phái viên Pháp đã tưởng thế nào ta cũng nhận sự "nhượng bộ" của họ, bây giờ thấy ta xin hoãn mà lại không nói hoãn đến hôm nào. Họ rất bức tức. Gonon hỏi gần : "Hôm nào họp lại ? phải cho biết liền" Tam trả lời rằng hai chủ tịch sẽ định. Bourgoin hỏi ngày nào ủy ban Chính trị họp lại. Tôi trả lời tôi cũng không hay. P phái viên Việt nét mặt lâm lì nghiêm trọng. P phái viên Pháp ngơ ngác đứng dậy ra về. Cảm tưởng chung của anh em là chúng tôi không thể có

hành động khác. Nếu Hội nghị có chấm dứt đột ngột thì thà nó chấm dứt ở điểm đình chiến ? Đồng bào Nam bộ sẽ thấy rằng Chính phủ Việt nam và Tổ quốc không quên họ. Tuy Tam không nói phái đoàn đợi hỏi chỉ thị của Chính phủ, nhưng bên Pháp và bên ta ai cũng đoán như vậy.

Tâm trạng Phái đoàn ta, thì như thủy thủ một con thuyền chịu gió bão, cảm động nhưng không hoang mang, siết chặt cùng nhau vì đoán sẽ phải qua cơn mưa sa sóng dập. Buổi chiều tối hôm ấy, sau khi anh em bàn việc chung xong. Nguyễn Tường Tam nói :

"Tôi có một tâm sự muốn nói ra".

Anh em đều im bật, hơi ngạc nhiên, đợi. Tam tiếp :

"Khi trước, anh em phái Quốc gia và anh em phái Cộng sản không hiểu nhau. Sau một tuần làm việc với nhau, thấy ai cũng đồng lòng yêu nước. Có kẻ trước mang tiếng thân Pháp, nay cũng đều tranh thủ cho Quốc gia".

Tôi không rõ Tam nghĩ đến ai khi nói đến "kẻ trước mang tiếng thân Pháp".

Võ Nguyên Giáp trả lời : "Anh em càng

làm việc với nhau, càng hiểu nhau, càng phải đoàn kết".

Tôi nghĩ thêm rằng ví như Hội nghị phải dừng, thì nó cũng không vô ích, vì nó đã làm cho các lãnh tụ Đảng phải hiểu nhau. *Chính đảng là phương tiện để làm việc dân, việc nước.* Đảng nhân có hiểu cho như thế không ? Nếu các anh Tam, Giáp thuyết phục được đồng chí mình, thì là phúc cho dân và nước ta.

*

Chiều hôm ấy (24-4), chúng tôi vẫn đi dự ủy ban Văn hóa để tỏ rằng mình không thỏa thuận về chính trị, nhưng vẫn muốn hợp tác về văn hóa. Gourou hôm nay có đem Ner đến dự. Cả hai đều là Giáo sư cũ trường Trung học Pháp ở Hà Nội. Tôi đã là học trò của hai người. Trước ngày quân đội Nhật đảo chánh, Ner đã có lúc thăm dò ý kiến một số trí thức ta ở Hà Nội. Đề nghị Pháp muốn ta cam đoan dạy tiếng Pháp trong toàn quá trình Trung học, và một vài môn sẽ dạy bằng Pháp ngữ ; nếu có nhiều ngoại ngữ bắt buộc, thì Pháp ngữ đứng đầu. Về nguyên tắc, chúng tôi không thể cam đoan, vì đó là vấn đề nội trị. Nhưng về

thực tế, thì chúng tôi đồng ý. Tối hôm ấy, Gourou mời Nguyễn Văn Huyền và tôi ăn cơm. Gourou cho biết rằng Pháp sẽ đòi lại Viễn đông Bác cổ, nhưng để cho những nhà khảo cứu Việt Nam dùng ; về việc khai quật thì sẽ thỏa hiệp với ta. Nước Pháp muốn mở những viện khảo cứu về mọi ngành ở mọi nơi.

Gourou muốn về Pháp chóng cho nên ủy ban Văn hóa họp luôn, kể cả ngày lễ Phục sinh, 25 tháng tư. Trong những buổi họp ấy, phái viên Pháp đem những đề nghị vun văt, như chuyện mở trường, sự cấp học bổng, sự viện trợ cán bộ, giáo sư. Ta thì vẫn nói rằng những chuyện ấy dễ thỏa hiệp, nhưng phải có sự thỏa hiệp giữa hai nước tự do.

Phái viên Pháp hết sức dùng ngoại giao cá nhân trong mấy ngày này. Nhất là Giáp rất được săn đón bởi tướng Salan về vấn đề Binh bị và Messmer, Bousquet về vấn đề Chính trị.

Sáng ngày 26 tháng tư, ủy ban Văn hóa họp phiên cuối cùng. Lại tranh luận nhì nhằng những điểm không quan hệ đối với chính trị đại quan. Chiều đến, Võ Nguyên Giáp báo cáo qua về cuộc nói chuyện riêng với Messmer và

Bousquet. Giáp tóm tắt rằng : "Họ nói có thể nhượng bộ về Chính trị, nhưng sẽ giằng co lấy Kinh tế, Văn hóa và Quân sự. Họ cũng muốn ta làm sao cho Hội nghị tiến hành ít nhiều ; kéo như thế này thì họ sẽ về Paris mà không được việc gì hết".

Ngày hôm sau thứ bảy 27 tháng tư, không hội họp chính thức gì nữa. Hội nghị hình như đã chấm dứt. Phái đoàn ta họp riêng để trao đổi tin tức. Bùi Công Trừng bàn nên họp hội nghị Toàn thể gấp đi. Nhưng Võ Nguyên Giáp nói để Giáp nói chuyện thêm với Messmer và Bousquet để xem có thỏa thuận được điểm nào chẳng, rồi sẽ đem ra Đại hội đồng. ⁽¹⁾

Bùi Công Trừng nguyên là một thanh niên cách mệnh bị công an Đông Dương bắt giam khi đang còn rất trẻ. Người gầy yếu, ăn nói nhẹ nhàng, nhưng nghe nói Chủ tịch Chính phủ rất tin yêu. Anh là phái viên độc nhất tranh luận bằng tiếng Việt ; có *Nguyễn Mạnh Tường* ngồi cạnh dịch xấp. Trong các buổi họp Chính trị, Trừng ngồi cạnh *Dương Bạch Mai*.

(1) Tôi dùng hoặc *Toàn thể đại hội*, hoặc *Đại hội đồng* để tỏ ý Séance plénière.

Hai người dáng điệu hình dung trái ngược nhau. Mai cao lớn tráng kiện, tinh thần hùng vĩ, tính nóng như sôi, hình như đã có biệt xưng là "Hổ miền Nam". Trong khi chia việc tranh luận trước buổi họp, thường cử Mai làm xung phong khi ta muốn tấn công. Nhưng khi không muốn có sự xô xát găng thì, trái lại, dùng Trùng để ăn nói ôn tồn bằng tiếng Việt để giải nồng. Trùng lại có nhiệm vụ "kéo áo" Mai, khi Mai can thiệp vào lúc không định trước hoặc nói hăng quá trớn. Tôi còn nhớ có hôm Mai đang nổi cơn thịnh nộ đáp lại lời vô lí của một đại biểu Pháp, vung tay, vỗ bàn ; Trùng ngồi cạnh kéo áo anh ta. Mai tức quá quay lại mắng cả Trùng ; đến quá buồn cười ! Khiến dửng dưng Mai thành vô dụng !

Sau khi đi gặp lại hai thuyết khách Pháp đã nói trên, Giáp trở về báo cáo rằng :

"Hai người ấy cho biết các điều yêu sách của Pháp. Đại lược như sau :

"Về Chính trị. - Ta sẽ tự do trong nước. Sẽ trưng cầu dân ý ở Nam bộ. Ta sẽ phải để Pháp chăm sóc đến dân tộc thiểu số : Thái, Mọi vân vân...

• "Về Kinh tế. - Các công nghệ Pháp có từ trước phải để nguyên. Quan thuế và Hối đoái chung thuộc Liên bang. Cơ quan Liên bang cũng có những trách nhiệm về Trang bị và Bưu chính.

"Về Ngoại giao và Quân sự. - Ta sẽ có nhưng trong hàng ngũ Liên hiệp Pháp.

"Về Văn hóa - dễ thỏa thuận".

Thấy vậy, ta hết hi vọng đi đến một thỏa thuận can trọng gì. Nhưng cũng theo đúng chỉ thị của Chủ tịch trước lúc đi : hễ gặp việc không thuận thì đừng nói để hỏi Chính phủ, cứ bỏ qua mà bàn sang chuyện khác. Vậy cũng phải soạn sửa nhóm họp trở lại với Phái đoàn Pháp trong tuần sau.

Trưa thứ bảy này, Max André mời Phái đoàn ăn cơm. Có một viên cai trị người Hòa Lan từ Nam Dương sang dự. Ấy là Broode, người cao to, mắt hiền, chún râu mép, nói tiếng Pháp rất thạo. Khi ăn xong, ông ta lại ngồi cạnh Giáp và tôi, và nói chuyện khá lâu, xem ý muốn lương trình độ Việt Nam. Tôi có hỏi tình hình Nam Dương mà chúng tôi biết sắp thoát ách thực dân. Broode cho hay rằng:

"Ở Java, Soekarno trước đã theo Nhật, còn Chariar thì là người chính kiến tự do. Nội các Chariar không quá khích, nhưng thanh niên Java đã được Nhật dạy trong ba năm và đã được Nhật cho nhiều khí giới. Bây giờ tình thế rất khó khăn cho chúng tôi. Hòa Lan thì yếu, mà Anh, vì việc Ấn Độ không giúp chúng tôi nữa".

*

Thẩm thoát đã đến chủ nhật lần thứ hai ở Đà Lạt. Hôm nay là ngày 28 tháng tư. Nguyễn Tường Tam bị ốm từ hôm qua, có lẽ bị cảm lạnh. Tôi không biết Tam, trước khi có Phái đoàn Đà Lạt, nhưng cũng biết ảnh là *Nhất Linh* trong nhóm *Tự Lực Văn Đoàn* và nhất là chủ bút những tạp chí *Ngày nay*, *Phong hóa* đã vang tiếng một thời. Bây giờ, ảnh người cao tuổi nhưng gầy, mặt dài má lép, chút râu trên mép, đôi mắt to nhưng ra vẻ mệt nhọc hay chán chường. Cử chỉ lễ độ, ăn nói chừng chàng, trong buổi xã giao hội họp với kẻ chức trách, hoặc Phái viên Pháp, ảnh có thái độ cử chỉ đoan nghiêm và đúng mực, không làm thẹn chức vụ bộ trưởng Ngoại giao và chủ tịch Phái đoàn Việt Nam.

Tới phòng ảnh thăm, rồi một nhóm anh em đi ô tô dạo một vòng để giải trí. Tới hồ *Than thở* (Lac des Soupirs), cây cối vẫn um tùm, thông vẫn xanh, hoa vẫn thắm, hình như đứng dưng đối với những biến cố đau thương đã xảy ra đây.

Đi qua xóm *Robinson*, phong cảnh y nhiên, nhưng bóng người vắng tanh. Ngồi trong xe, hơi chột dạ. Biết đâu những địa lôi của quân ta chôn đâu đấy không tàn sát Phái viên ta !

Về đến *Chợ*, chúng tôi trả ô tô để đi dạo phố. Người ta trở về khá đông. Phố xá đã mở lại. Chắc phần lớn là những người hoặc giúp Pháp hoặc không sợ tình nghi mới dám trở về và mới được trở về trong lúc này. Tôi vào một tiệm hớt tóc. Trong khi chủ nhân cắt tóc, tôi lân la hỏi chuyện. Người ấy lập tức biết tôi là nhân viên Phái đoàn Việt Nam. Y kể chuyện rằng :

"Tôi người Hà Nội, ở trong này đã lâu. Sau ngày cách mạng, các người ở ủy ban hành chánh ở đây bất lực, nhất là tại Hà Tĩnh !"

Xong, vào một hiệu bán tạp hóa. Chủ

hàng phân nân đã bị mất hết hàng hóa, đã bị ta và Tây cướp hết. Y lại cho hay rằng những dân cư Đà Lạt, khi bị quân Pháp đánh lên, nhiều người chạy xuống vùng Ba Lạt (Phan Rang), bị chết rất nhiều.

Buổi chiều, Võ Nguyên Giáp, Vũ Văn Hiến cùng tôi làm việc dự thảo các đề án việc Nam bộ. Sau khi bàn luận viết lách lâu, chúng tôi ngồi nghỉ ngơi. Tôi mới hỏi Giáp về tình hình Nam bộ. Giáp cho hay rằng: "Theo Thạch, thì tình hình nay khả quan. Nhân dân hăng hái cứu nước. Chỉ một số trưởng giả bị Pháp lợi dụng mà thôi. Về binh bị, thì ban đầu, những lãnh tụ các binh đoàn ô hợp chỉ biết tôn chủ nghĩa anh hùng, chiến đấu hi sinh như trong những trận chính qui. Vì vậy đã bị tổn thất chủ lực nhiều, rồi sinh ra chán nản thoái chí. Nay binh đội biết theo kỉ luật du kích, cho nên quân Pháp không thể lập lại chính quyền".

Giáp tỉ tê nói chuyện rất thân mật; ngờ ý tiếc đã không biết chúng tôi sớm hơn. Tuy anh không nói ra, nhưng cũng đoán rằng những thành kiến đối với "trí thức" không đúng. Tôi nhân đó nhắc lại câu chuyện tâm sự của Nguyễn Trường Tàm hôm trước và tỏ ý

ngạc nhiên trước sự anh em cách mệnh Mác xít hiềm khích với đảng Quốc dân. Tôi đã nói: "Cả hai đảng hi sinh xương máu như nhau hồi 1930, 1931".

Giáp trả lời : "Nếu các anh Quốc dân đảng như Nguyễn Thái Học còn thì sao chúng tôi lại không báỉ phục. Nay thì khác, có người chỉ dựa tên Đảng, mà làm tay sai cho tụi Đế quốc để diệt Mác xít mà thôi. Với những phần tử Quốc dân đảng ái quốc, chúng tôi vui lòng hợp tác..." Rồi Giáp thêm : "Quốc gia như các anh, thì chúng tôi rất quý trọng. Chúng ta hợp tác dễ dàng".

Lại sang tuần khác. Đã đến 29 tháng tư, mà không có chỉ thị gì mới. Sau khi về đến Hà Nội, mới biết rõ chuyện xung đột kịch liệt giữa lính Pháp và lính Trung Quốc ở bờ hồ Hoàn Kiếm tại Hà Nội chiều ngày 28. Bảy giờ bộ đội thuộc tướng *Lư Hán* còn đóng ở Hà Nội. Vì sự đụng chạm giữa xe nhà binh của Hoa và Pháp, các xe khách của đôi bên kéo tới ; rồi hai bên bắn nhau dữ dội, giết và hoại thương nhiều quân nhân cả hai bên. Trong vụ ấy quân đội và cảnh binh ta không can thiệp. Nhưng chắc

Chính phủ đã chờ xem hậu quả của cuộc xung đột ấy ra sao, cho nên đã không vội cho chỉ thị họp Đại thể hội đồng trở lại. Tuy vậy vẫn tiến hành soạn sửa họp các Ủy ban.

Sáng thứ hai ấy, ta trao cho Phái bộ Pháp đề nghị về việc Đại diện Ngoại giao, và phản đề án về việc Đình chiến để đem ra bàn ở Đại hội.

Ba giờ chiều, họp ủy ban Tài chính và Kinh tế. Phái viên ta chịu nhượng bộ một vài điểm. Bên ta chịu để hàng hóa và người qua lại tự do trong các nước và qua biên giới các nước Liên bang. Ta cũng nhận sự cần có một cơ quan chung về quan thuế, và một cách độc nhất đánh quan thuế. Bên Pháp muốn kết luận rằng ta đã chịu *Liên hiệp quan thuế*; nhưng ta cải chính. Tuy vậy, Pháp mừng lắm về sự nhượng bộ của ta, rồi vịn vào đó để buộc ta đi vào lưới chế độ *Liên bang rộng*. Thấy phái viên Pháp mừng, Vũ Văn Hiến hơi chột dạ, sợ đã hớ. Nhưng khi về kiểm điểm, thấy về Chính trị ta không nhận điều gì có tính cách Liên bang.

Cũng chiều này, ta nhận được một khẩu

điệp ⁽¹⁾ của tiểu ban quân bị Pháp, chỉ gồm những đề nghị thuộc địa bàn trên vĩ tuyến thứ 16, để tỏ ý rằng phần dưới nước Việt đã vào chủ quyền Pháp rồi.

*

Chiều tối hôm sau, là ngày thứ ba 30 tháng tư, Phái đoàn Pháp trao lại thông điệp trả lời đề nghị về Ngoại giao của ta, từ chối tất cả đề nghị của ta. Họ vẫn giữ nguyên tắc : Việt Nam chỉ có thủ tục ngoại giao trong khối Liên hiệp Pháp, mà lại phải qua thủ trưởng Liên bang nữa. Cảm tưởng chung là tuy phải hợp trở lại, nhưng chắc không thể thỏa thuận được một điều gì.

Tâm trạng ai nấy rất buồn. Nhưng cũng phải nén lòng dự các cuộc gặp gỡ ngoại giao.

Đại tướng *Juin* từ Trung Quốc về Pháp, ghé thăm Đà Lạt. Ông đã được Chính phủ Pháp phái đi Trùng Khánh để tỏ tình thân thiện của hai nước, và thâm ý là cả hai sẽ đề lên lưng nước ta ; như hơn sáu mươi năm

(1) *Note verbale* : văn kiện trao đổi để báo ý trước, chưa định hẳn.

trước. Chiều 30 tháng tư, Đại tướng đến Đà Lạt, bèn mời nhân viên hai Phái đoàn đến để gặp trong một tiệc rượu. Khi chúng tôi tới, đã thấy rất đông người, trò chuyện ồn ào. Đại tướng người không cao, to bề ngang, nét mặt thô. Đã bị trọng thương ở tay phải, cho nên phải bắt bằng tay trái. Khi bắt tay chúng tôi, ông lại nghiêng mình rất kính cẩn. Không biết có phải vì ông đã quen lễ ấy trong khi phải thù tiếp với các nhân vật Trung Quốc trong hai tuần vừa qua ; hay vì bác sĩ Luyện đã nghiêng mình khi bắt tay ông.

Tướng Salan giới thiệu Giáp với Juin. Giáp cùng Juin nói chuyện khá lâu. Giáp phân nân về sự vẫn đánh nhau ở Nam bộ. Juin hứa rằng sẽ nói chuyện ấy với tướng Leclerc và sẽ có sự ngừng chiến ; nhưng đó chỉ là lời lẽ độ đưa đẩy mà thôi.

Trong buổi hội ấy, tôi gặp *Paul Mus*, là một nhà khảo cứu về văn hóa Đông Dương nhiều và cũng là nhà chuyên môn xã hội học và làm cố vấn tâm lí cho Leclerc. Mus kể chuyện đã được Chính phủ Pháp cho thả dù xuống Đông Dương trước ngày đảo chính

Nhật, và đã có ý tìm tới gặp tôi, có lẽ vì chuyện liên lạc giữa tôi và tướng Mordant mà tôi đã kể trên kia. Nhưng bấy giờ sự ông ta nhảy dù xuống Đông Dương phải giữ rất kín đối với quân đội Nhật, cho nên không có dịp gặp người Việt Nam. Sau ngày mồng 9 tháng ba, ông ta lại trốn thoát ra ngoài. Nay lên đây để thay thế Gourou cầm đầu tiểu ban Văn hóa Pháp.

*

Thứ tư, mồng một tháng năm, ngày lễ Lao động của phần lớn thế giới. Tại Đà Lạt cũng nghỉ họp. Nhưng riêng anh em đây cũng họp dự thảo các lời đáp đề nghị Pháp về việc Ngoại giao và về khối Liên hiệp Pháp.

Mười một giờ sáng, toàn bộ của Phái đoàn ta họp ở phòng thường trực để làm lễ *mồng một tháng năm*, chỉ trừ Nguyễn Tường Tam còn ốm.

Trần Đăng Khoa chủ tọa ngồi đầu bàn. Hai bên tả ~~bên~~ hữu, ngồi đối mặt nhau, có Giáp và tôi. Các phái viên khác theo thứ tự khi vào phòng, nối nhau ngồi thành hai dãy dài. Sau một phút mặc niệm đến những anh hùng tử sĩ

đã hi sinh cho nước, Giáp mở lời nhắc lại lai lịch lễ *Mồng một tháng năm* ở nước ngoài và ở Việt Nam. Rằng : "Lễ ấy bắt đầu có ở nước Hoa Kỳ về thế kỉ thứ mười chín. Ở nước ta, lễ ấy bắt đầu được cử năm 1929 tại Vinh ; nhưng bị chính phủ Thực dân đàn áp. Đến năm 1937, mới chính thức được tổ chức ở Hà Nội. Đầu hết, đó là lễ của giai cấp cần lao ; sau thành quốc lễ của nhiều nước".

Rồi Giáp tỏ bày ý kiến. Đại khái, anh nói cần phải thống nhất về mọi phương diện mới có thể củng cố độc lập. Cuối cùng kết luận rằng : "Hội nghị Đà Lạt sẽ có kết quả hay. Lên đây chúng ta ở chung đặng cùng nhau, hiểu nhau hơn ; cho nên sự đoàn kết lại càng chặt chẽ. Chắc khi về Hà Nội, sự hiểu nhau ấy sẽ có ảnh hưởng lớn".

Trần Đăng Khoa yêu cầu cử tọa phát biểu ý kiến. Tất cả ngồi im lặng khá lâu. Giáp bèn bảo tôi : "Anh Hân nói trước"

Tôi phải đáp lời. Bèn đứng dậy, bắt đầu nói : "Chắc ai cũng nhận xét như anh Giáp, và cũng hi vọng như anh... Hôm nay, ta nên nhớ đến một người vắng mặt..." Nói đến đó tôi

thấy cử tọa ra vẻ hơi ngạc nhiên, có lẽ đã nghĩ đến anh Tam vắng mặt, không biết chỉ vì còn ốm hay không muốn kỉ niệm ngày mừng một tháng năm. Tôi nói tiếp : "Nên nhớ đến một người vắng mặt, anh Phạm Ngọc Thạch". Trông mọi người đều đổi sắc mặt, nghiêm nghị ngồi nghe. Tôi lại tiếp : "Anh Thạch đã tự mình lên được đến đây để nhập vào Phái đoàn chính thức của ta. Thế mà lại còn bị trục xuất. Chúng ta ai mà không tức giận. Ngồi đây còn có một đại biểu Nam bộ khác, anh Dương Bạch Mai. Chúng ta yêu cầu anh nói một vài lời. Ít ra nữa, chúng ta sẽ được nghe giọng nói của đồng bào Nam bộ".

Thế rồi Mai đứng dậy, vung tay xoay mình diễn thuyết một tràng dài về địa vị và công trạng giai cấp vô sản. Anh cương quyết kết luận rằng : "Không ai được phỉ báng và đẩy ra ngoài những người vô sản".

Không khí khá nặng nề, vì không ai nghĩ đến vấn đề chính trị đảng phái, tuy rằng nhằm ngày mừng một tháng năm. Nhưng ai cũng đã hiểu biết rõ anh. Dương Bạch Mai, một tay cách mạng bông bột, trung thành, nồng nàn,

mà khi nói hăng thì lời dữ hơn bụng. Vì vậy, anh em ai cũng yêu anh. Cho đến các người Pháp đã quen không khí Kháng chiến trên đất Pháp, thường không giấu ý mến anh ta.

Đến phiên bác sĩ Luyện đứng dậy bày tỏ những lẽ mà mình đã gia nhập Mặt trận Việt minh. Bác sĩ nói : "Ấy vì tôi đã nhận xét, thấy chỉ quần chúng mới chịu hi sinh. Nhưng cũng không nên để vô sản dẫn đạo một mình. Đó cũng là bốn phạm của trí thức..." Vì lẽ đó bác sĩ kết luận : "Chỉ có Dân chủ là phải hơn hết".

Không hiểu vì sao bác sĩ đã bày tỏ những ý tưởng ấy. Có ý trả lời Dương Bạch Mai chăng ? Vốn thật, trong Phái đoàn không ai nghĩ đến tranh luận về chánh trị. Những lời phát biểu trên không làm hài lòng cử tọa lắm ; nhất là bác sĩ Luyện lại nói áp úng, dây dưa hồi lâu. Tôi phải nói lảng ra chuyện khác. Tôi đề nghị tóm tắt các công việc đã làm từ lúc lên Đà Lạt để mọi người nghe. Nhiều người vì bận, đã không theo dõi các buổi họp hằng ngày. Cuối cùng Giáp kể tình hình trong Nam bộ.

Chiều ngày ấy và cả ngày sau, mồng 2

tháng năm, không hội họp gì. Chúng tôi cũng không ra ngoài, quây quần cùng nhau hoặc riêng rẽ nghĩ đến phiên họp Đại hội ngày mồng ba. Phe Pháp đã trả lời không chấp nhận phần đề nghị của ta. Phái đoàn ta bàn phải nhận đề nghị của họ, nhưng sẽ thêm thất một vài điều.

*

Thứ sáu, mồng 3 tháng 5. Sau chín ngày dừng họp Ủy ban Chính trị và Toàn thể đại hội, nay bắt đầu họp Đại hội đồng để thanh toán vấn đề Đình chiến để có thể bàn đến các việc khác quan trọng trong chương trình nghị sự. Phái đoàn ta cũng hiểu rõ rằng kéo dài Hội nghị cũng không đi đến đâu nữa, vì ý định lập Chính phủ Liên bang của Pháp rất cương quyết và chỉ nhận thí cho Việt Nam một vài danh hiệu trống không. Trái lại Phái đoàn Pháp có lẽ tiên đoán ta sẽ tấn công dữ, nên cũng đã soạn sửa phản công mãnh liệt. Lại thêm có những sự bất ngờ sẽ xảy ra, nó sẽ làm phiên họp hôm nay náo nhiệt.

Bốn giờ chiều. Trời vừa mưa. Các phái viên tề tựu đông đủ. Các nhà báo ngồi đợi, tò mò ; họ ước đoán sẽ có việc gì quan trọng.

Đến phiên Nguyễn Tường Tam chủ tọa. Tam giảng lí do phiên họp Đại hội lần này ; nhắc lại sự hai Phái bộ không đồng ý với đề nghị Đình chiến của đối phương, và cuối cùng Phái đoàn Pháp đã kiến nghị xin hai Chính phủ lập một Ủy ban ngoài Hội nghị để nghiên cứu vấn đề Đình chiến. Tam kết rằng : "Hôm nay họp là để Phái đoàn Việt Nam trả lời kiến nghị ấy".

Nhìn mặt các người Pháp trong phòng họp bấy giờ, thấy đều lâm lì. Không khí nặng nề. Họ sợ hay mong ta chấm dứt Hội nghị chẳng ? Họ sợ ta phản công chẳng ?

Max André đứng dậy, trình trọng nói rằng: "Ba giờ trước lúc này, ông hội đồng tư vấn *Trần Văn Thạch* vừa bị ám sát tại Sài Gòn. Chúng tôi kính chào linh hồn người quá cố, người đã nối lại con đường bằng hữu giữa Pháp và Việt ; và chúng tôi mạt sát những kẻ sát nhân và những kẻ xúi giục chúng".

Không khí phòng hội càng nặng nề. Tin này có lẽ tất cả phái viên ta bấy giờ mới hay. Ai cũng có vẻ ngạc nhiên, nhưng cũng đều cúi gằm mặt. Riêng tôi, đã biết *Trần Văn Thạch* này khi cùng ở nhà Học xá Đông Dương tại

Paris. Khi còn học Dược khoa, anh đã nổi tiếng trong đám sinh viên là một gã ăn chơi sang trọng, nhưng học hành cũng được tốt nghiệp. Tôi không ngờ nay anh đã nhập vào nhóm bác sĩ Thịnh, để đến nỗi thiệt mạng.

Dương Bạch Mai đứng dậy trả lời, với giọng rành mạch, hùng tráng, sỗ mắng "những người bán nước ở Nam bộ để kéo dài chiến tranh". Mai nói tiếp rằng : "Ở Nam bộ, nước Pháp đang bị lừa dối bởi những kẻ có tham vọng đồ sộ. Nhưng họp hôm nay là bởi Phái đoàn Việt Nam muốn công việc Hội nghị tiến hành, và muốn tỏ lòng hợp tác với nước Pháp. Vậy Phái bộ Việt Nam nhận lời đề nghị của Phái đoàn Pháp đưa ngày 22 tháng tư ; chỉ yêu cầu thêm vào ba điểm để làm thêm rõ ràng : một là mỗi bên cử ba người vào Ủy ban nghiên cứu Đình chiến ; hai là sau khi Hội nghị Đà Lạt giải tán, ủy ban ấy sẽ tiếp tục làm việc ở Hà Nội hoặc ở Huế ; ba là tại phiên họp đầu, Ủy ban sẽ bàn về Đình chiến ở Nam bộ".

Hội nghị dừng tạm hai mươi phút để hai bên bàn riêng. Có phái viên bên ta muốn, lúc vào hội trở lại, trả lời về việc Trần Văn Thạch, và nên nói : "Việt gian bị giết là đáng. Tôi

đáp: "Xin bàn về sự có nên trả lời hay không. Trả lời thì đã có anh Mai làm rồi. Đã chuyện Thạch trước, lại chuyện Thạch sau ; ta nên lờ đi kéo đôi phương để tuyên truyền khiến ta khó nói".

Khi trở vào hội, bên ta im lặng. Pignon nói Phái đoàn Pháp ưng nhận những điểm thêm của ta, nhưng "nếu có việc khác cũng quan trọng như vậy, thì cũng sẽ phải bàn liền". Phe ta ưng thuận. Ai cũng tưởng về việc xung đột này, như thế là tạm yên. Nhưng Pignon vẫn trách Chính phủ ta để dân gây nhiều sự quấy rối, giết chóc, phá hoại. Giáp trả lời rằng : "Việc Đình chiến đã thôi bàn ở đây, thì nó sẽ được đưa bàn giữa hai Chính phủ và ở ủy ban nghiên cứu".

Messmer giơ tay xin nói. Rằng : "Từ trước tôi không muốn can thiệp vào việc bàn Đình chiến ở Nam bộ. Nhưng vì Giáp đã chọn vấn đề ấy để tranh thủ, thì tôi phải bàn và trả lời".

Nên để ý đến cách xưng hô của Messmer. Ông ta đã nói "Giáp" chứ không nói "ông Giáp". Ấy vì từ lúc chúng tôi lên Đà Lạt, Messmer, với Bousquet đã làm thân với Giáp, bàn luận riêng với nhau nhiều, và có cử chỉ

đối với Giáp như bạn thân. Vả chăng, có lẽ Messmer trong thâm tâm không đồng ý kiến với Đề đốc D'Argenlieu về vấn đề Nam bộ, chứng là ông đã có lúc trả lời ta rằng : ông không bàn đến vì phải tuân lệnh. Là một kháng nhân Pháp thành thực có lẽ ông có cảm tình với Giáp thực. Nhưng nếu có cảm tình, thì hôm nay cảm tình cũng hết rồi.

Messmer nói tiếp : "Đây là giấy má quan trọng mà chúng tôi đã lượm được tại Nam bộ. Tôi có cả hồ sơ lớn, có cả nguyên văn. Đây là dịch một vài bài. Về việc đốt kho thuốc súng ⁽¹⁾, có giấy của chỉ huy khu 7, Nguyễn Bình, đã ghi rằng *"một cảm từ ta đã đốt được kho thuốc súng Sài Gòn"*. Làm như thế, các anh không nghĩ đến các người sẽ bị nạn ở vùng lân cận. Có lẽ các anh bảo rằng đó là việc xảy ra trước lúc họp Hội nghị ở Đà Lạt. Nhưng đây là một mệnh lệnh khác của chỉ huy Nguyễn Bình nữa. Lệnh rằng : *Để ứng hộ Hội nghị Đà Lạt, có lệnh tổng tấn công"*.

Giáp trả lời rằng : "Một là, nếu quân đội

(1) Kho thuốc súng Sài Gòn bị đốt ngày 8-4, cách bảy giờ gần một tháng.

Pháp không đình chiến, thì quân Việt vẫn phải tự vệ để bảo tồn danh dự và phải bắn trả lại. Nếu quân Việt Nam còn bắn, thì Pháp vẫn đánh lại. Như thế thì chỉ kéo dài sự khủng bố dân, chứ binh sĩ hai bên không thiệt hại gì. Hai là về việc đốt kho thuốc đạn và lệnh tổng tấn công để ủng hộ Hội nghị Đà Lạt, thì chúng tôi không được biết đến. Nhưng sở dĩ có những việc ấy, là vì quân Pháp bắt đầu tàn sát nhân dân. Đây là một vài chứng cứ : trong những ngày 14, 15... tháng tư, máy bay Pháp ném bom giết năm mươi người và làm bị thương một số lớn người, đốt cháy nhiều nhà. Kể ra hết thì vô cùng ! Vậy chúng tôi yêu cầu ngừng hẳn đánh nhau".

Max André dàn xếp qua loa. Rồi Nguyễn Tường Tam nói nên bàn sang mục thứ hai trong chương trình nghị sự hôm nay : trao đổi ý kiến về các đề nghị đã trao đổi giữa hai Phái bộ.

Như trên đã kể, trong khi chờ đợi họp buổi Đại hội này, hai bên vẫn tiến hành trao đổi những đề nghị Kinh tế và Quân sự. Về mục các tài sản, kĩ nghệ của Pháp hiện có ở đất Việt Nam, Pháp đã đề nghị phải để y

nguyên tất cả. Ta đã phản nghị rằng về một vài ngành cốt thiết cho sự sinh hoạt của toàn dân thì chủ nhân cũ phải nhường lại cho nhà nước ta.

Sau lời ôn hòa của Tam, Bousquet lại đại tấn công. Rằng : "Đề nghị ngày mồng 2 tháng 5 của Phái đoàn Việt Nam về các công nghệ của Pháp làm cho Phái đoàn Pháp rất ngạc nhiên. Đó là một thủ đoạn lược đoạt (spolier). Từ bữa sang đây đến nay, chúng tôi gặp gỡ một vài phái viên Việt Nam một cách thân mật. Chúng tôi đã không ngờ rồi có đề nghị này. Các anh sẽ mất cảm tình của một vài bạn các anh. Cũng thuộc lí tưởng ấy, các anh đã chiếm đoạt Viện Pasteur".

Sự can dự một cách hung tợn của hai ông "bạn anh Giáp" làm tôi khá ngạc nhiên. Họ đã thành thực có cảm tình với anh Giáp mà nay thành thất vọng nên đổi thân ra ghét chẳng ? Hay trước họ giả dối lấy tình để nhử rồi nay lật rõ bản tướng chẳng ? Tôi lại nghĩ : đối với dân Việt Nam, thì những người này là người mới, của nước "Pháp mới". Chắc họ không có những thành kiến xấu của những kẻ thực dân

bám hại dân ta từ trước. Vì vậy trong khi hoãn Hội nghị mười lăm phút, chúng tôi đã đoán rằng Phái đoàn Pháp đã dùng một chiến lược tranh luận không đúng mức hôm nay mà thôi. Chắc họ tưởng rằng sau khi Hội nghị sắp bế tắc, thế nào ta cũng tấn công dữ, cho nên họ đã cắt công việc cho những Phái viên chính trị can trọng, từ Pháp gửi sang, ra phản công kịch liệt. Họ đem những sự kiện rất bất lợi cho thanh thế ta để buộc tội ta đã dùng ám sát, phá hoại, lược đoạt để phá Hội nghị và cuộc điều đình. Họ đưa ra những người mà họ coi là thân tả, để tỏ rằng các tả đảng ở Pháp cũng mất cảm tình đối với ta, và để bảo trước rằng đừng mong khi sang Pháp sẽ có các đảng ấy giúp nữa. Họ đã không đoán trước thái độ rất ôn hòa của Phái bộ mình, thái độ mà chúng tôi đã bàn định trước. Vì vậy, họ đã "bắn đại bác quá xa !", theo lời bình luận của anh em. Họ đã làm cho những người nhà báo ngồi nghe cũng ngạc nhiên. Nghe nói có nhà báo Pháp đã nói hoặc viết rằng tụi trẻ kia đã giá ngự, lung lạc, trong khi tranh luận, già giặn như các cụ râu xồm đảng Cấp tiến !

Trong khi nghỉ, chúng tôi lại cất đặt công việc ai trả lời câu nào. Sau khi tái nhập Hội đồng, Trịnh Văn Bính mở đầu trả lời cho những câu buộc tội của Bousquet. Bính nói : "Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên lúc nghe ông Bousquet nói đến chữ *spolier*. Chúng tôi đã đọc đi đọc lại bài đề nghị của chúng tôi, thì tuyệt nhiên không thấy chỗ nào có thể làm Phái đoàn Pháp có thể hiểu như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng hoặc vì hai chữ *cession obligatoire* chẳng ? - nhường một cách bắt buộc - Nếu đúng vì thế, thì xin hiểu câu ấy có nghĩa là *cession onéreuse obligatoire* - nhượng với bồi thường nhưng bắt buộc - Nhưng thôi ! Xin để Ủy ban Kinh tế sẽ bàn giải".

Bousquet vẫn ra mặt giận dữ, nói lúng túng mấy câu : "... giao kết như thịt với nĩa ! - *entente entre le bifteak et la fourchette...* Đưa tao đồng hồ của mày rồi tao bảo giờ cho ! - *donne ta montre et je te dirai l'heure...*" Nhưng rồi cũng chịu để sang phiên Ủy ban dự định lập lại các Viện Pasteur ở lãnh thổ Việt Nam, rồi tôi nói :

"Việc ông Bousquet đã đề cập là việc Viện

Pasteur Hà Nội. Việc ấy như sau. Ngôi nhà viện ấy, nguyên là của chính quyền cũ ở Bắc bộ cho viện thuê. Hiện nay về quyền sở hữu ấy chưa giải quyết. Vả Viện ấy đã bỏ giao kèo làm thuốc. Vì vậy, chính phủ Việt Nam đã phải tạm chiếm lấy Viện để tiếp tục làm thuốc cho nhân dân. Nhờ vậy, trong mùa dịch thiên thời năm 1945, đã có đủ thuốc cứu dân cả Việt và Pháp ở Bắc bộ.

"Vả sau mấy lời ông Bousquet đã nói, tôi phải xin bày tỏ ý nghĩ chung của Phái bộ Việt Nam.

"Chúng tôi lên Đà Lạt cốt ý để rèn dây liên lạc lâu dài nối Việt Nam và Pháp. Nhưng chúng tôi phải trọng sự tự chủ của Việt Nam và bảo toàn sự liên hệ kinh tế với Liên bang Đông Dương. Chúng tôi đã mừng được gặp Phái bộ Pháp gồm những vị thuộc phong trào Kháng chiến đã giải phóng nước Pháp. Chúng tôi cũng đã từng mong gặp nhau sớm hơn, trong khi còn hòa bình giữa chúng ta. Lên đến đây, chúng tôi những tưởng được làm việc trong bầu không khí êm đềm và lặng lẽ. Những sự xảy ra tại Nam bộ làm chúng tôi thất vọng,

và nhất là sau khi thấy Phái bộ Pháp không thể bỏ qua những kĩ xảo thủ tục để tránh giải quyết vấn đề Đình chiến, mà ai cũng coi là công bình và nhân đạo.

"Vì các lẽ ấy, Hội nghị Đà Lạt khai mạc đã nửa tháng nay mà còn nằm trong bầu không khí khó chịu, tuy nhờ sự nhã nhặn của các Phái viên Pháp đã làm nó bớt đi nhiều. Nhờ sự giao thiệp giữa các cá nhân, cho nên công việc điều đình vẫn tiến hành. Nhưng những đề nghị Pháp đã không khỏi làm cho chúng tôi lo. Những điều yêu sách về mọi phương diện, Chính trị, Kinh tế, Quân sự, cho cả đến Văn hóa, sẽ tạo ra một cơ quan nó sẽ *bóp chết sự tự chủ* mà chúng tôi mới cứu vãn lại.

"Phái bộ Việt Nam đã tỏ thái độ thân thiện và hòa giải. Chúng tôi đã nhận để văn hóa Pháp tự do truyền bá ở đất chúng tôi. Chúng tôi đã nhận nguyên tắc hợp nhất quan thuế ; và tuy rằng chúng tôi lấy làm đau đớn thấy kéo dài sự khổ sở cho tất cả đồng bào chúng tôi ở Nam bộ, chúng tôi cũng chỉ đành nhận "một Hội đồng để khảo cứu và đề nghị những phương pháp đình chiến" mà thôi.

"Chúng tôi mong rằng Phái đoàn Pháp hiểu chúng tôi.

"Ừ ! Chúng tôi cũng muốn đem quyền lợi của một dân tộc có hơn hai mươi triệu người và hơn một nghìn năm độc lập, liên kết với quyền lợi của nước *Pháp mới*. Nhưng chúng tôi không có quyền tiêu hủy bản lệnh quốc gia của chúng tôi. Đây là một dân tộc mới hồi sinh và chỉ muốn sống. Chúng tôi quyết không có quyền tái lập những điều kiện làm cho nó có thể bị bóp nghẹt.

"Phái đoàn Pháp có lẽ trách chúng tôi đa nghi. Không phải thế đâu. Mặc dù những sự xảy ra ở Nam bộ, chúng tôi cũng đã gắng gây một bầu không khí tin nhau ; mà nếu không có nó, thì không hiệp định nào có thể bền chặt, và tôi lo sợ, "*Liên hiệp Pháp quốc*" cũng không thể lâu dài".

Tôi đã nói khá lâu, nói thông thả, giọng trầm trọng. Càng nói, tôi càng cảm động, giọng lại càng trầm trọng, có lúc như muốn tắt. Nhìn xuống cử tọa, các Phái viên Pháp và các nhà báo và các tùy viên, phần lớn cúi đầu. Nguyên những lời suy nghĩ trên, tôi đã soạn trước, vì

tôi cảm thấy ý chí Chính quyền Pháp ở đây như hồi thuộc địa trước, đã định phá hủy cái quốc gia Việt Nam để không khi nào tái lập lại nữa, cho nên cái cọ những chi tiết không thể đem đến đâu. Vậy tôi đã đề nghị với anh em để tôi bày ý nghĩ chung cho Phái đoàn mà cũng là chung cho cả đồng bào. Họa là sẽ có tiếng dội xa hơn cái cọ chi tiết.

Không khí sừng sỏ của Phái đoàn Pháp ban đầu buổi họp đã tan. Max André trả lời hòa nhã về ba điểm. Một là về việc Viện Pasteur thì ông khuyên nên giải quyết cho xong. Ông kể rằng : "Trong hồi Paris bị chiếm đóng, người Đức vẫn kính trọng Viện Pasteur, và mỗi lúc họ vào đó, họ cũng cầm mũ ở tay. Vậy nếu đem việc này ra quốc tế dư luận, thì chỉ thiệt cho Việt Nam". Hai là "Kĩ xảo thủ tục", ông nói : "Nếu chỉ vì thủ tục mà thôi, thì Phái bộ Pháp có thể vượt qua khó khăn được. Nhưng về đường thực tiễn thì Phái bộ Pháp không giải quyết được". Điểm thứ ba là câu "Cơ quan bóp nghẹt bản lệnh quốc gia Việt Nam" thì ông nói rằng cơ quan ấy sẽ không bóp nghẹt, nhưng nó cũng không phải chỉ có tính cách kinh tế mà thôi.

Nguyễn Mạnh Tường trả lời Max André về việc Viện Pasteur, trên lập trường pháp luật quốc tế ; rồi kết rằng : "Nếu đem chuyện ra dư luận quốc tế, thì chúng tôi cũng không sợ thiệt đến thanh danh", Pignon chêm vào rằng: "Người Pháp đã không làm việc được ở Viện lúc ấy, thì lỗi tại ai ?" Tường trả lời : "Đừng quên rằng lúc quân Nhật mới đảo chánh Chính quyền thuộc địa".

Max André thấy phe Pháp thất lí trong việc này, bèn nói : "Chúng ta nên nghĩ đến tương lai. Thôi ! bỏ qua quá khứ" Rồi đề nghị với Tam bế mạc Đại hội. Mọi người đứng dậy ra về. Trong không khí cởi mở ồn ào, có viên giáo sư Davée, tùy viên báo chí Pháp lại gần tôi và ân cần nói : "Tôi hiểu ông lắm. Tôi chắc nhiều đồng bào chúng tôi cũng hiểu". Pignon và Torel cũng cùng lại bắt tay tôi. Pignon bảo: "Ông đã nói rất hay !" Torel nói : "Ông đã nói giản dị nhưng rất cảm động". Hai ông này là hai viên cố vấn chính trị của Cao ủy và là những nhân viên cao cấp trong ngành cai trị thuộc địa. Lời khen của họ nghe ra không phải lời sáo, vì không gì bắt buộc họ phải nói. Sự ấy làm tôi mát lòng vì tưởng đã đạt mục đích ít

nhiều ; nhất là khi ra qua cửa phòng Hội nghị, tướng Salan ngực ưỡn, mắt xanh lạnh ngắt, mà cũng khều bàn tay tôi, nắm nhẹ và bảo khẽ : "Chúng tôi hiểu ông".

Tôi thì tự thấy trong người khá mệt, về phòng, kiểm điểm, thấy phiên Đại hội lần này khó cho ta, nhưng các Phái viên ta đã làm tròn bổn phận và trả lời cũng đúng mức. Tuy những dấu cảm tình của một vài người Pháp làm bớt bức bối, nhưng chúng tôi đều hiểu rằng nếu không có binh lực và tinh thần đồng nhất chống cự chính sách tàn thực của Thực dân, thì lời nói chỉ là trò suông. Vì vậy Võ Nguyên Giáp cảm thấy mình cần có mặt ở Hà Nội hơn ở đây. Anh đã ra vẻ tư lự dăm dăm và đang liệu cách cáo về như Gourou đã đi và Max André cũng sắp rút lui.

*

Ngày hôm sau, thứ bảy mồng 4 tháng 5, nghỉ họp, để soạn sửa sự hội họp quan trọng về tất cả những vấn đề Chính trị, Kinh tế, Tài chánh và Quân sự, làm sao cho xong cuối tuần sau. Cuối cùng Giáp phải ở lại.

Buổi sáng, ngồi thong thả, tôi ôn lại những chuyện cũ của mình. Nhớ lại ba năm trước đây, trong vụ hè năm 1943, tôi đã lên đây dạy khoa Toán học cho một số sinh viên, phần đông người Pháp, dự bị thi vào lớp võ bị Saint Cyr. Hồi ấy là hồi phồn thịnh bậc nhất cho đô thị Đà Lạt. Không những đô đốc Decoux thích trưng thế oai vệ để gây ấn tượng cho người Nhật và dân ta, mà các viên chức cao cấp Pháp lúc bấy giờ không thể hưu hoặc nghỉ ở Pháp, đều lên Đà Lạt. Tuy vật liệu hiếm, mà nhà cửa đang xây cất nhiều, và xây bằng những kiểu đẹp. Lúc bấy giờ có người Pháp hài hước đã gọi Đà Lạt mà một "Nghĩa địa Voi" - *Cimetière des Eléphants* - vì có truyền tưởng rằng những voi khi về già, ốm thì tới một nơi độc nhất vắng vẻ để chết tại đó. Ở Âu châu, quân Mỹ đã đổ bộ lên đất Ý, và thống soái Badoglio đã đầu hàng. Các nước bị Đức Ý chiếm đã có cơ được giải phóng. Ở đây, dư luận thêm kín lao nhao. Người Pháp bắt đầu hí hửng, còn người Việt, thì vẫn bị công an chính trị thực dân đè áp ; và về đời sống, phải cung cấp cho hai bộ đội và hai nhóm

ngoại nhân : Pháp và Nhật. Lúc bấy giờ, tôi có ghi tâm sự trong một bài Đường luật :

*Nhìn xem thế cuộc rồi tôi bởi
Đà Lạt, ta nào có nghĩ nơi
Giảng dạy công toi gà ấp vịt
Tri tro chuyện hảo vẹt đua người
Lên cao mới thấy trời trong trẻo
Hương mát càng thương chốn nắng nôi
Hoa suối, Thông rừng, thôi nín trách !
Đợi ngày thông thả trở lên chơi*

Năm nay, đã trở lên Đà Lạt nhưng với trường hợp khác hẳn, và bi đát hơn nhiều. Cho nên, khi khuây việc, tôi lại nổi mấy vần *Cảm khái* :

*"Thông rừng, Hoa suối, nhớ ta không ?
Lỗi hẹn cùng nhau luống ngại ngừng
Non nước còn vương cơn bối rối
Tâm tình đâu đến lúc thung dung
Chào Hoa luống sợ Hoa cười gượng
Ngắm Núi dường e Núi lạnh lùng
Tắc lười giờ đem đền nợ nước
Khúc mừng mong có lúc ca chung"*

Mà cảnh đô thị Đà Lạt thì đẹp thật, đối với những người quen với cảnh đồng bằng thán thán, thì cảnh tượng bày ra trước mắt, khi ngồi trong phòng cao khách sạn trông ra, thật vừa xinh, vừa êm, vừa biến thái. Trông gần thì hồ bày bên đồi cỏ, nhà cửa ẩn nấp trong những lùm cây ; trông xa thì những dãy núi cao thấp kéo vòng quanh, thỉnh thoảng màu lục lại xen rừng thông xanh thắm. Lối đi đất đỏ quanh hồ rồi ngoắt ngoéo trườn lên đồi cỏ lục chung quanh. Tôi lăm lúc ngồi lâu, thu hình ảnh nước non vào ảo mộng.

*

Bữa cơm tối xong, tôi sang phòng *Vũ Văn Hiền*, ngồi xem buổi *Hiền "khảo thí" bác sĩ Luyện*. Các việc tài chính tỉ mỉ sắp phải đem ra bàn ở Ủy ban trong tuần tới. Hai bên đã trao đổi đề nghị. Phái viên ta, theo lệ, tìm kiếm lí lẽ của đối phương rồi tìm cách đối phó của mình. Như tôi đã nói ở trên, anh em lại chia nhau làm địch, làm thân, mà "tập trận" ; đứng giữa lại có trọng tài. Không khí làm việc rất vui, vì nhiều khi vừa đóng tuồng vừa làm việc. Mang danh sai sứ, mà sống với nhau như một nhóm sinh viên, âu yếm nô đùa.

Tối hôm ấy, Vũ Văn Hiền, bác sĩ Luyện và Trịnh Văn Bính đang soạn sửa về vấn đề tiền tệ. Pháp đã đề nghị đồng bạc Đông Dương chung, ta phản nghị sẽ có thêm nội tệ, theo Hiệp định sơ bộ. Hiền đóng vai Pháp để tìm bịa đặt câu hỏi của phe Pháp. Luyện đóng vai ta, tìm câu trả lời.

Trong bộ quần áo ngủ lụa mỏng, ngoài còn khoác thêm áo gi-lê, vì trời khá lạnh, Hiền mình béo ỗn ỗn, hình dáng như một nhà tài chính ketch xù xoay ra nghề bán thịt lợn quay! Ảnh ngồi, hoặc nói cho đúng thì ảnh nằm giữa trong chiếc ghế bành, hai chân co xếp lên trên ghế. Tay cầm xấp giấy chép những điểm đề nghị của Pháp về Tiền tệ. Trước mặt Hiền, Luyện đứng, mặt trong như trăng rằm, có mấy làn mây đen bơi vệt : đó là hai đường mày và râu. Tóc lung tung, mắt trướng trập, miệng áp úng, đầu nghiêng đi nghèo lại. Bác sĩ đang bị Hiền hỏi vặn. Về người ông trịnh trọng với cuồng mắt thâm, ăn mặc quần áo chỉnh tề. Nhưng ông đã hóa ra một cậu học trò, học bài tuy thuộc, nhưng đang trả lời lúng túng trước một lão quan trường tò mò thốc mách.

Hiền bắt chước giọng nói của Gonon, một phái viên chuyên môn kinh tế và tài chánh Pháp, mà hỏi dồn rằng : *"Về việc các anh đề nghị có hai đồng bạc khác nhau cùng xài, thì theo luật GRESHAM, rồi sẽ ra sao ?"* Gresham là một nhà tài chính Anh, đã nổi tiếng vào thế kỉ thứ 16 ; y đã xướng ra định luật tài chính bất hủ nói rằng : *tiền tệ xấu đuổi tiền tệ tốt*. Nghĩa là nếu trong một xứ và trong một lúc dùng hai tiền tệ, ví dụ đồng bạc thật và đồng bạc giấy, thì người ta cất giấu tiền tệ tốt mà chỉ xài tiền tệ xấu mà thôi ; vậy trên thị trường hình như tiền tệ xấu đã trực xuất tiền tệ tốt.

Luyện trả lời : *"Chưa biết đồng nào xấu, đồng nào tốt"*.

Hiền : *"Nhưng cả hai đồng cùng lưu hành hay sao ?"*

Luyện : *"Rất dễ trả lời..."*

Hiền : *"Trả lời đi !"*

Luyện : *"Không ! Chúng tôi đã có cách chỉ để một đồng lưu hành trong xứ mà thôi"*.

Ý Luyện muốn nói để một đồng, đồng bạc Việt Nam lưu hành trong nước mà thôi ; còn

đồng bạc Đông Dương thì dùng vào ngoại thương. Hiền càng hỏi vặn, thì Luyện càng nói rằng rất dễ trả lời, mà ông càng lúng túng, cổ càng nghèo đi nghèo lại.

Bính, trọng tài ngồi bên cạnh ; ăn bận rất chỉnh tề, áo màu đen, quần đen rọc dọc, trông như các vị đại lí tài ; mày rậm, mắt to, làm bộ rất nghiêm. Nhưng cuối cùng, Bính không khỏi nhe răng trắng, bung miệng mà cười. Tôi đứng nghe cũng không thể nào nín cười được. Rồi cả chúng tôi đều cười rinh. Luyện phải phân trần rằng đã bị lúng túng vì Hiền hỏi gấp quá ! Bác sĩ Luyện là một người khá tự ái, nhưng rất thành thật đối với người rất nông hậu. Vì làm thuốc giỏi, gia tư khá. Ông đã từng khuyến khích những nhà tài tử, như họa sĩ, văn sĩ. Nghe nói Nhóm *Phong hóa*, *Tự lực Văn đoàn* lúc ban đầu được ông giúp rập ; và về sau, khi những nhóm chính trị xã hội được công khai, ông cũng đã cụ thể ủng hộ. Sau ngày khởi chiến tranh Việt Pháp ở Hà Nội, ngày 19 tháng chạp 1946, viên quản ngục Hỏa Lò ở Hà Nội báo cho chúng tôi bị giam giữ ở đó, hay rằng hai cha con bác sĩ đã bị bắn chết, vì có

làn đạn từ trong nhà ông, ở cạnh sở Mật thám và Hỏa Lò, bắn ra ngoài...

*

Trong anh em phái bộ, bây giờ *Nguyễn Tường Tam* đứng địa vị rất khó. Danh là Bộ trưởng Ngoại giao cầm đầu phái bộ điều đình. Nếu phải nhượng bộ những điều mà từ trước trong đảng mình đã gọi là việc bán nước của Việt Minh thì đồ đảng không theo ; nếu phải dùng can lực để che chở độc lập, thì đảng mình bị lẻ loi ; mà nếu muốn bám vào sức quần chúng thì phải tranh thủ với Mặt trận Việt Minh, như thế cũng không làm được. Vì thế, tuy ra Hội trường, ảnh làm tròn phận sự, nhưng ảnh ít dự vào những sự soạn bàn. Có hôm tôi sang thăm ảnh đang bị ốm. Tôi nói đến chuyện chính trị, thì ảnh nói : "Những việc Chính trị, thôi để các anh làm. Còn tôi thì về văn hóa mà thôi".

Hôm nay, ảnh ốm đã khỏi. Mặt gầy, trán cao, mắt lố. Chút râu trên mép chìa ra trước làm cho cằm càng kéo lại sau. Tôi lại thăm ảnh. Sau khi trò chuyện về chính trị, Tam nói :

"Tôi có câu chuyện triết lí. Lúc ban chiều,

tôi ngồi một mình uống trà. Một con thiêu thân đớp tới, hút giọt nước đường ; trông bộ khoái lăm, quắp râu này rồi quắp râu kia. Thành linh có một con nhện nhảy tới vô thiêu thân".

Tam lại tự hỏi : "Vì có điều gì mà nhện lại ăn thiêu thân, chứ không cùng thiêu thân uống nước đường !?"

Tôi ngồi lặng nghe, nhưng không dám hỏi ảnh đã nghĩ đến sự đảng tranh hay đến sự Việt Pháp tương tranh.

Tam lại kể chuyện rằng :

"Khi tôi đau, nằm trong giường, dưới chăn, có lúc co một chân ; đầu gối đội chăn lên, trông như núi Fuji ở Nhật. Co chân kia nữa, lại thành hai núi. Rồi dựng bàn chân lên, thành ba núi. Hút thuốc phà hơi, trông thật như mây tỏa trên ngọn núi".

Ảnh đang nằm trong giường, bèn tái diễn thực hiện câu chuyện trên kia : núi Phú Sĩ, cửa Thiên Môn, núi Ba Vì, mây cuốn la đà. Con mắt mệt mỏi của anh đã theo cơn mộng. Tôi phải nghĩ ảnh nhiều trí tưởng tượng mà thật là nhà thơ.

Ảnh thường cũng hay nói khôi hài, một cách ngộ nghĩnh. Một hôm tôi đến thăm bệnh tình. Thấy có mấy anh em Phái đoàn ngồi nói chuyện bông đùa. Rồi trở sang chuyện binh bị: Tam điềm đàm thông thả lí luận, rằng :

"Muốn mạnh, phải có súng. Muốn có súng, phải có tiền. Bây giờ ta không có tiền, thì phải làm bạc giả. Như vậy thì lòi thôi. Chỉ bằng... làm súng giả !

"Vậy ra sắc lệnh : Mỗi nhà phải sắm vài cây súng giả".

Cả tọa cười ồ, mà ảnh chỉ cười hơi hơi trên cặp môi thâm.

Câu chuyện ngộ nghĩnh ấy thật đúng với trào phúng trong báo *Phong Hóa* ngày xưa. Trong trường hợp bây giờ, ảnh đưa ra làm vui nhưng cũng mỉa mai lắm. Nghe những câu chuyện của ảnh, tôi đã hiểu, một phần nào sự xung khắc giữa những người Mác-xít với ảnh.

*

Trưa thứ bảy mồng 4 tháng 5 ấy, nhân Max André về Pháp để ứng cử quốc hội, Phái đoàn ta đãi tiệc Phái đoàn Pháp để đáp bữa

mời khi mới tới Đà Lạt. Đặt bàn dài trong phòng khách khách sạn Hoa viên (Hotel de Parc). Bữa cơm dọn món Việt Nam. Món chả giò rất được hoan nghênh. Các phái viên Việt, Pháp, ngồi xen nhau : tôi ngồi giữa tướng Salan và kỹ sư cầu cống Bourgoïn. Đôi bên nói chuyện ồn ào và rất vui vẻ. Nhóm các anh Tam, Giáp ngồi giữa với Max André, Messmer bông đùa cười ồn rất hồn nhiên. Thấy quang cảnh không ai dám đoán những người trong cuộc đã vật lộn hăng trong hội trường và biết đâu, nếu Hội nghị thất bại, sẽ thành những kẻ cừu địch.

Ngày hôm sau, chủ nhật mùng 5 tháng 5, là ngày dân Pháp bỏ phiếu trưng cầu dân ý về hiến pháp của *nước Pháp Mới*. Ở Pháp, dư luận đang sôi nổi giằng co. Chính vì không đồng ý với Quốc hội, hiến pháp mà tướng De Gaulle đã từ chức Thủ tướng từ ngày 20 tháng giêng. Trong tiệc, các Phái viên Pháp nói chuyện về việc trưng cầu dân ý ấy rất nhiều. Không hiểu ai bắt đầu, mà nhiều đại biểu Pháp đã nói lớn mình sẽ bỏ phiếu ra sao. Max André nói sẽ bỏ phiếu MRP, Messmer nói sẽ bỏ phiếu Xã hội vì tin tưởng, Salan cũng nói

bỏ phiếu Xã hội và tin tưởng vì kỉ luật. Không ai nói bỏ phiếu Cộng sản. Nhiều người bỏ phiếu Xã hội. Sự ấy không lạ gì. Bây giờ đảng Xã hội mạnh nhất ở Pháp. Thủ tướng Gouin ở Paris thuộc đảng ấy.

Khi gần xong tiệc, Tam đứng dậy nói mấy câu chúc Max André về, đi đường bình yên, và về Pháp sẽ được trúng cử. Ai cũng hân hoan ; nếu không thành thực thì cũng vì xã giao. Max André mở miệng trả lời. Sau một câu ngắn ngủi cảm ơn, ông bắt sang chuyện điều đình, rồi nói :

"Những người đã xúi giục giết Trần Văn Thạch là kẻ sát nhân. Phái đoàn Việt Nam chớ có ảo vọng về sự điều đình ở đây nữa. Nước Pháp đã nhường nhiều. Nước Pháp bây giờ không phải là nước Pháp thời Munich đâu..."

Ai nghe cũng sững sốt. Trong bữa tiệc mà mình là khách, là chủ tịch của một Phái bộ đại biểu một nước có tiếng thanh nhã như nước Pháp, sao lại có cử chỉ ngôn ngữ lạ lùng như thế ? Phái viên Việt Nam tức tối, ghen ngào, nhưng cũng làm ngơ nói sang chuyện khác. Chúng tôi cũng biết rằng Max André là người

thân tín của các đại tư bản thực dân, đảng viên đảng MRP, đại diện của bộ trưởng Ngoại giao Bidault rất bảo thủ về chính trị và rất có óc thực dân. Tuy bên Pháp, đảng Cộng sản tham dự chính quyền, nhưng họ cũng chẳng rộng rãi gì hơn phái bảo thủ. Mà chính những người đồng chí trong chính phủ Việt Nam cũng đã biết phải tự liệu lấy, chứ không mong gì họ giúp. Nhưng bấy giờ trong nội bộ chính phủ Pháp, thủ tướng Gouin đang xung đột với các bộ trưởng Cộng sản. Dưới áp lực của viện trợ Mỹ, ông đang ép họ phải từ chức. Phái viên Pháp biết rõ những điều ấy, cho nên Max André mới có thái độ như trên.

Sáng hôm sau, chủ nhật mùng 6 tháng 5, có cuộc họp riêng. Max André trao cho Giáp một bức thư để chuyển cho cụ Chủ tịch Việt Nam. Bức thư là một tuyên ngôn với giọng trích thượng tốt bụng. Thư rằng :

"Nước Pháp Mới không tìm cách đô hộ Đông Dương, nhưng nhất quyết có mặt tại đó. Không cho rằng công cuộc của mình ở đó đã xong. Không chịu từ bỏ nhiệm vụ văn hóa của mình. Tự thối rằng chỉ có mình là có thể đảm

bảo sự kích thích, sự điều hòa về kỹ thuật, kinh tế, ngoại giao và phòng thủ. Cuối cùng, bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của những dân nước mình.

"Làm các việc này mà vẫn kính trọng hoàn toàn bản lệnh quốc gia và với sự hiệp tác cần mẫn và hiếu hữu của dân Đông Dương".

Đà Lạt ngày mồng 5 tháng tư

(có lẽ tháng 5) 1946

Kí tên : MAX ANDRÉ

Nguyên Pháp văn :

La France Nouvelle ne cherche pas à dominer l'Indochine.

Mais elle entend y demeurer présente. Elle ne considère pas son oeuvre comme terminée. Elle refuse d'abdiquer sa mission culturelle. Elle estime qu'elle seule est en mesure d'assurer l'impulsion et la coordination de la technique et de l'économie, de la diplomatie et de la défense.

Enfin elle sauvegardera les intérêts moraux et matériels de ses nationaux.

Tout ceci, dans le plein respect de la personnalité nationale et avec la participation active et amicale des peuples indochinois.

Dalat le 5 Avril (sic) 1946

MAX ANDRÉ

Tuần cuối hội nghị Đà Lạt bắt đầu từ ngày mồng 6 tháng 5. Trong tuần phải bàn qua hầu hết các điểm lớn đã nêu ra từ đầu. Ủy ban chính trị, thứ hai bàn về Ngoại giao, thứ tư bàn về Liên hiệp Pháp, thứ sáu về Liên bang Đông Dương và ngày cuối, thứ bảy, 11 tháng 5, thì bàn về dân Thiểu số và vấn đề Trưng cầu dân ý. Còn hai ngày, thứ ba mồng 7 và thứ năm mồng 9, thì dành cho Ủy ban Quân sự và Ủy ban Tài chính và Kinh tế.

Việc Đình chiến đã bị gạt ra, các phiên họp này đều tiếp tục êm đềm hơn, chỉ trừ hôm cuối. Nhưng lập trường hai bên vẫn giữ khác hẳn. Chung qui chỉ đều là những buổi đấu khẩu giằng gai cho đến lúc hai chủ tịch ban kí nhận *"đồng ý về những điểm không đồng ý"* mà thôi.

Về Kinh tế và Tài chính, Hiền, Luyện, Bính bàn cãi rất hăng. Nhưng tôi không dự buổi họp này, cho nên tôi không ghi gì vào sổ tay.

Về buổi họp Ủy ban Quân sự, vẫn như mọi lần, phần lớn là một buổi hội đàm giữa Giáp và Salan. Thỉnh thoảng Tạ Quang Bửu

xen vào ít câu. Về nội dung, không tiến được bước nào lớn, ngoài sự nước Pháp sẽ huấn luyện, trang bị quân đội Việt Nam. Nhưng ý của Phái đoàn Pháp là các việc ấy sẽ làm qua Liên bang Đông Dương. Về các cứ điểm trên vĩ tuyến thứ 16 thì có thể thỏa thuận. Còn ở dưới vĩ tuyến ấy, thì Salan không chịu nói đến.

Những điểm chính trị là quan hệ hơn hết. Họp ba hôm mà cũng phải bỏ qua nhiều vấn đề. Phái đoàn Pháp đã cố ý để vấn đề Trưng cầu dân ý về Thống nhất vào cuối cùng, hoặc họ mong không có thời giờ bàn lâu tới ; hoặc họ biết thế nào Hội nghị cũng bị tan vỡ nếu đem điểm ấy ra sớm hơn.

Vấn đề *Ngoại giao* được đem bàn ngày mồng 6 tháng 5. Là một buổi đấu khẩu giữa Clarac và Nguyễn Mạnh Tường, thỉnh thoảng có Pignon và Hiền xen vào một ít. Clarac bình phẩm dài về đề nghị ta. Tóm tắt đã nói rằng: "Các anh đòi độc lập hoàn toàn. Nhưng đừng quên rằng Hiệp định mồng 6 tháng 3 không có tính cách quốc tế, bởi vì nước Pháp đã được quyền trở lại đây, mà nước Pháp chỉ nhận lời nhường lại cho Việt Nam một ít quyền mà

thôi : đó là quyền tự trị. Vả Liên bang Đông Dương là một *Liên bang chính trị*, chứ không phải Liên bang Kinh tế. Ấy vì hai phần tử kí ước - *parties contractantes* - là hai quốc gia, tức là hai cá nhân chính trị, cho nên Liên bang ấy là chính trị. Nếu Việt Nam được có chính trị ngoại giao riêng, thì nó làm hỗn loạn ngoại giao của Liên hiệp Pháp... Tuy chính phủ Việt Nam đã vận động để các nước ngoài nhận, nhưng chưa ai nhận cả".

Clarac đã ngụ ý đến bức điện mà chính phủ ta đã gửi cho Tổng thống Mỹ báo tin Hiệp ước mong 6 tháng 3 và yêu cầu Mỹ nhận Việt Nam là một nước tự do. Tôi còn nhớ rằng trước lúc có Hiệp định ấy, đài Phát thanh Mỹ đã truyền lời tuyên bố của thứ quốc vụ khanh Hoa Kỳ ⁽¹⁾, bằng tiếng Pháp, rằng : *Les Etats-Unis ne mettent pas en question les droits de la France en Indochine* (Hoa Kỳ không chối cãi gì đến quyền của Pháp tại Đông Dương). Vì vậy Chính phủ ta gửi bức điện này để bảo rằng Việt Nam cũng là một nước.

(1) Hình như tên là Vincent.

Sau nửa giờ nghỉ, Mạnh Tường trả lời Clarac. Tóm tắt rằng : "Hiệp định mông 6 tháng 3 có tính cách quốc tế, vì là một qui ước giữa *hai nước tự do*. Sự các nước chưa nhận Việt Nam không làm cho Việt Nam không có tính cách quốc tế. Còn nói rằng vì hai quốc gia, cá nhân chính trị, kí nhận Liên bang thì Liên bang phải là chính trị, như vậy thật là vô lí. Nếu đúng như thế, thì hai quốc gia kí với nhau một hiệp ước kinh tế, hiệp ước ấy sẽ biến ra chính trị hay sao ? Còn việc Liên hiệp, không phải vì vào Liên hiệp mà Việt Nam mất quyền ngoại giao. Còn có những nước khác cũng ở trong Liên hiệp khác, mà vẫn có ngoại giao.

"Sự cốt yếu là làm cho ngoại giao hai bên đi đôi cùng nhau. Khi Việt Nam đã có ngoại giao rồi, thì có thể dung hòa với ngoại giao Pháp... Bây giờ chúng ta như hai trai gái sắp cưới nhau mà vẫn cãi nhau. Cuối cùng, chàng trai trả lại bắt cô gái mang cái "đai bảo trinh" hay sao !?"

Các phái viên Pháp cười ngất nga ngất nghèo. Clarac đáp lại một vài câu lúng túng.

Ngày mồng 8 tháng 5 họp bàn về vấn đề *Liên hiệp Pháp*, mà ngày hôm trước cuộc trưng cầu dân ý ở Pháp đã không nhận Hiến pháp mà Quốc hội Lập hiến đã soạn, ưng thuận và trình bày. Dự án Hiến pháp vừa bị bãi bỏ, tất nhiên gồm Hiến chương Liên hiệp Pháp. Vậy thật ra không ai biết Liên hiệp Pháp là gì. Chính quyền Pháp đã phái D'Arcy thay thế Max André. Trong buổi họp này, D'Arcy đã can thiệp nhiều và trình bày Liên hiệp Pháp theo Hiến chương vừa bị chối từ : "Liên hiệp Pháp sẽ gồm các nước thuộc địa và bảo hộ cũ, có Hội đồng tối cao Liên hiệp và Hội đồng thứ hai của nước Pháp. Nước Pháp có cao ủy đại diện ở các nước".

Mạnh Tường chỉ nhận tính cách liên lạc quốc tế giữa Pháp và Việt Nam, tuy Việt Nam vào Liên hiệp, vì có hiệp định giữa hai nước tự do. Messmer trả lời rằng sự liên lạc ấy chỉ có tính cách hiến pháp tức là nội qui. Tường nói Việt Nam chỉ nhận Liên hiệp văn hóa, kinh tế và binh bị mà thôi.

D'Arcy nêu ra những nguyên tắc của Liên hiệp : trọng nhân quyền, phụ nữ quyền, cá

nhân quyền. Bousquet nhấn mạnh về vấn đề cố vấn và kĩ thuật gia dùng trong các nước Liên hiệp. Cần đến những người này thì phải nhận người Pháp trước. Messmer thêm : nhất là những cố vấn quân sự. Giáp nhận nguyên tắc, nhưng nói : "Việt Nam có quyền từ chối và chọn lọc, và nếu Pháp không có người đảm đương được thì có thể dùng người ngoài" Phái viên ta kết luận rằng Việt Nam không chịu vào một Liên hiệp tiên tạo, và có quyền dự bàn hiến chương Liên hiệp ấy.

*

Vấn đề Liên bang Đông Dương là vấn đề then chốt của Phái đoàn Pháp. Qua Liên bang, chính quyền thực dân Pháp sẽ quản trị Đông Dương như xưa, với một vị Toàn quyền đổi tên ra Cao ủy, và các công chức chuyên môn cao cấp hợp thành một thứ nội các Liên bang chỉ gồm những Quốc vụ khanh không trách nhiệm chính trị, và chỉ trách nhiệm trước Cao ủy. Sẽ có một Hội đồng Liên bang, nhưng Cao ủy không có trách nhiệm trước Hội đồng. Torel cho biết rằng Cao ủy không làm chủ tịch Hội đồng. Chủ tịch sẽ được bầu bởi Hội viên.

Những Hội viên sẽ chọn thế nào thì không rõ, nhưng dấu sao thì cũng chỉ có trách nhiệm biểu quyết về ngân sách, pháp luật của Cao ủy lập ra, nghĩa là chỉ có trách nhiệm cố vấn mà thôi.

Phái đoàn ta đã tỏ rõ ý từ đầu rằng không nhận một Liên bang chính trị, và chỉ nhận một Liên bang Kinh tế mà thôi. Bourgoïn trả lời rằng trong hoàn cầu, không có thứ Liên bang như vậy. Muốn làm cho ta bớt sợ, ông lại bảo rằng Liên bang không có Chính phủ ; chỉ có những vụ trưởng mà thôi, chứ không có bộ trưởng.

Chúng tôi nghĩ rằng Liên bang như vậy lại còn chặt hơn một Liên bang chính trị trong đó chỉ có dân trong nước Liên bang dự quyền. Liên bang này chỉ là một Liên bang hành chính trong đó người cầm quyền hành chính lại không phụ thuộc Liên bang. Cái cộ cũng vô ích. Vả thời giờ còn rất ít, mà chúng tôi muốn bàn cãi về vấn đề Thống nhất một cách rộng rãi. Tôi bèn nói rằng chúng tôi chỉ đặt một số câu hỏi để thương xac một vài điểm, rồi báo cáo lên Chính phủ. Còn sự bàn luận thì để Hội đồng Paris.

Trong mục Liên bang, Phái đoàn Pháp còn nêu một điểm rất sâu hiểm là vấn đề bảo vệ những dân Thiểu số, nghĩa là về thực tế, là sự quản trị vùng Thượng Tây nguyên ở Trung bộ và cả các vùng cao bọc Trung du Bắc bộ. Nhưng không còn thời giờ, họ đề nghị để lại hôm sau.

*

Hôm sau, thứ bảy, 11 tháng 5, là ngày cuối cùng của Hội nghị Đà Lạt. Cũng là ngày mà Phái đoàn Pháp chịu nhận đem vấn đề *Thống nhất Ba Kỳ* ra Hội nghị. Ta đã thấy Chính phủ Pháp không chịu để Việt Nam độc lập. Còn về vấn đề Thống nhất thì sao ? Chúng tôi đã biết rằng Chính phủ Pháp vẫn giữ bí thuật Thực dân "*chia để mà trị*", mà họ đã dùng, nhất là ở trên đất Việt Nam. Nhưng chúng tôi cũng cố gắng đánh thức những người mê muội và những kẻ vong bản phiêu lưu phụng sự chính sách Thực dân ấy.

Từ tám giờ sáng chúng tôi đã hẹn nhau sớm tới ở phòng làm việc tại Khách sạn Hoa viên để bàn riêng, cắt công việc trước lúc vào hội. Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Tường,

Nguyễn Văn Huyền và tôi bàn đề nghị để các Phái viên gốc Nam bộ, Hồ Hữu Tường và Dương Bạch Mai can thiệp nhiều và bảo tôi, là phụ trách tiểu ban Chính trị, nói cuối cùng. Nguyên, khi thảo đề nghị về vấn đề Trưng cầu dân ý, tôi đã bàn với các anh em ra rằng : "Mình phải nghĩ đến sự thực hiện. Mà thực hiện thì Nam bộ bị người Pháp chiếm cứ với một binh lực khá mạnh, cho nên họ dễ lung lạc mà dùng nhóm *Nam Kỳ tự trị*. Trong bọn người này, tất nhiên có tội Việt gian vì lợi riêng mà làm tay sai, nhưng cũng có những phần tử hoặc sợ Cách mạng vì tài sản, vì tính mệnh, hoặc đã bị những hành động quá khích của Cách mạng khi khởi đầu làm tổn thương đến người thân, ruột thịt người ta. Chính cụ Chủ tịch cũng đã nói : con dân một nước có người tốt người không, *như bàn tay có ngón ngắn ngón dài*. Vậy ta nên đề nghị một phương sách trưng cầu mà tất cả có thể nhận được. Vậy ta đề nghị rằng cuộc Trưng cầu dân ý sẽ tổ chức ở Nam bộ bởi một cơ quan hành chánh lâm thời gồm ba mươi người Việt Nam. Chính phủ Việt Nam chỉ cử mười người, Chính

quyền Pháp cử mười người. Còn mười người nữa thì cử theo thỏa thuận của hai bên".

Phái đoàn ta đã bằng lòng đề nghị ấy, mà ta đã trao cho Phái đoàn Pháp.

Chín giờ rưỡi, bắt đầu họp. Buổi họp này là buổi cuối, trước Đại hội bế mạc tối nay. Các đại biểu Pháp sắp được về Sài Gòn hay Paris, đều vui vẻ. Vả chẳng đối với họ, sự dự Hội nghị Đà Lạt chỉ là một sai kịch đặc biệt trong đời công chức của một nước lớn mà thôi. Còn tất cả Phái viên ta thì nét mặt tư lự, khổ tâm vì thấy sự điều đình đã thất bại hoàn toàn, và chính hôm nay, sự thất bại về vấn đề Thống nhất sẽ làm đau đớn nhất.

Messmer chủ tọa buổi họp, ngồi ghế giữa cuối phòng khá rộng. Tôi ngồi đối diện đầu phòng, Giáp ngồi sát phía phải tôi. Các Phái viên Việt Nam ngồi thành dãy dài phía phải tôi, và đối với phía cửa vào. Còn các Phái viên Pháp ngồi đối diện với dãy Phái viên ta. Các cố vấn và những bàng quan hôm cuối tới khá đông.

Messmer nói : "Hôm nay đem bàn hai vấn đề : *Dân Thiểu số* và *Trung cầu dân ý*".

Một viên công sứ cũ đứng dậy giảng giải lâu vấn đề dân nào là thiểu số, có phong tục riêng, không thuộc Việt Nam. Nước Pháp phải bảo hộ che chở. Trong khi bàn chuyện với người Pháp hôm qua, tôi đã rõ thâm ý của Cao ủy là tách phần đất Tây nguyên thành một nước riêng trực thuộc nước Pháp, để dành cho sự thực dân của Pháp. Với nước *Tây kì* ấy, nước Pháp có một chân trong Liên bang. Trước chiến tranh, chánh quyền Đông Dương cũng đã hạn chế sự di dân Việt lên vùng ấy.

Tôi đoán ý Phái đoàn Pháp đem việc này ra, một mặt thì tuyên truyền mạnh để biện chứng cần có Chính quyền Pháp ở Đông Dương, một mặt thì để làm hết thời giờ buổi hội, khiến không bàn gì được về vấn đề Trưng cầu dân ý. Vì vậy tôi không xin tạm dừng họp để bàn với anh em, và trả lời lập tức rằng : "Chúng tôi đã rõ ý của Phái đoàn Pháp. Chúng tôi sẽ đem trình Chính phủ. Hội nghị Paris sẽ bàn lại".

Không ngờ rằng các anh em không hiểu ý. Đang hăng máu vì những lời rất khó nghe của chuyên viên Pháp, Giáp nói : "Việc ấy là việc nội

trị của chúng tôi. Chính phủ đã có chương trình và đã thi hành chương trình chính trị ấy."

Nhân thế, các Phái viên Pháp lần lượt đứng dậy tấn công. Bourgoïn nói rằng : "Việc này là bốn phận của nước Pháp. Nước Pháp có trách nhiệm trước mặt hoàn cầu."

Rồi Torel, Bousquet cũng nói hùa vào. Cho đến Ner là một người dự thính cũng can thiệp trực tiếp. Giáo sư Ner, thạc sĩ triết học, đã có lên ở xứ Thượng trong một thời gian để nghiên cứu về xã hội học. Ner bảo : "Việt Nam cũng phải nhận có cuộc Trưng cầu dân ý riêng về các dân Thiểu số."

Giáp càng tức, càng hăng, muốn trả lời thêm. Tôi phải biên mảnh giấy nhỏ đẩy sang, Giáp mới thôi. Tôi nói : "Xin để trả lời tại Paris. Nay ta hãy bàn sang điểm Trưng cầu dân ý".

Messmer nói xin dừng một lúc để đợi đánh máy cho xong lời đáp của Phái đoàn về điểm cuối này. Mười giờ rưỡi, ủy ban họp trở lại. Torel đọc lời đáp ấy, khinh miệt cái hoài vọng thiên nhiên của dân tộc ta, một cách không thể tưởng tượng. Đại ý rằng :

"Nước Việt Nam không phải gồm ba xứ. Thành phần nó là tùy theo kết quả của cuộc Trưng cầu dân ý.

Cuộc Trưng cầu dân ý sẽ chỉ tổ chức ở Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Chính phủ Việt Nam không được dự vào chính trị của hai xứ ấy trước khi kết quả cuộc Trưng cầu dân ý ấy thuận.

Phái bộ Việt Nam không có quyền bàn gì đến nội trị các xứ ấy.

Nước Pháp sẽ tổ chức cuộc Trưng cầu dân ý và sẽ rất công bằng.

Tôi xin hoãn buổi họp nửa giờ. Anh em họp riêng trong phòng nhỏ. Uất khí lên đây cổ, trước câu *"Vous n'avez rien à dire sur cette question* - Các anh không có điều gì được nói trong vấn đề này" của một Phái viên Pháp làm nhiều anh tức cực điểm. Nếu cãi nhau liên, thì có lẽ đến to tiếng. Chúng tôi bàn nên bình tĩnh trả lời, miễn là tỏ được quyết tâm của toàn dân mong mỗi thống nhất, tỏ cho nước Pháp rằng họ đang đi lầm đường, và báo cho những phần đồng bào phải sống dưới Chính quyền Thực dân, tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc.

Phái đoàn ta dự định, sau khi vào, các đại biểu Nam bộ nói trước, các Phái viên khác tùy tiện trả lời những lẽ mà phe Pháp sẽ đưa ra, và dành cho tôi kết luận.

Khi vào hội lại, trong phòng im lặng lạ thường. Dương Bạch Mai đứng dậy. Khác hẳn mọi khi, anh thông thả cất tiếng nói, nhẹ nhàng, trầm tĩnh, nhưng rất buồn rầu. Tôi tiếc đã không chép lại trong sổ tay những câu tuyên bố của các người trong phiên họp cuối cùng này, vì buổi chiều và buổi tối hôm ấy còn họp hai lần, và phải soạn sửa để ngày sau rời Đà Lạt.

Nhưng tôi còn ghi qua rằng Mai đã nói rằng Việt Nam gồm ba kì, kể lại lịch sử khai thác Nam Trung bộ và Nam bộ, lịch sử thống nhất dân tộc Việt, và vạch thiếm ý của chính sách Thực dân đã chiếm và chia rẽ đất nước ra làm ba để ngự trị. Rằng sau ngày giải phóng, dân Nam bộ đã tỏ lòng cương quyết thà chết hơn mất độc lập và thống nhất.

Pignon đem chuyện Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ không chịu nhận điểm *Thống nhất Ba Kỳ* và đánh điện cho Sainteny về chuyện ấy ; lại nói đến đề nghị của bác sĩ Thịnh. Rồi ông kết luận

rằng : "Vấn đề Thống nhất Ba kì rõ ràng không phải là một vấn đề hành chánh, mà thật là một vấn đề chính trị."

Giáp trả lời. Ý là Việt Nam vốn chia đất ra ba kì để tiện việc cai trị. Vậy nay hợp lại chỉ là một vấn đề cai trị, nghĩa là hành chánh.

Messmer nói rằng một nước phải gồm những người cùng sống chung. Nếu có kẻ không muốn, thì chỉ có cách hỏi ý kiến họ. Rồi Hiền, rồi Bousquet, đem các lời lẽ pháp lí chọi nhau để tỏ ai có quyền tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

Về vấn đề Nam bộ, Giáp đã có câu *"Nếu Nam bộ mất thì dân Việt Nam chiến đấu cho đến khi đòi lại được"*. Mạnh Tường đã có câu *"Nam bộ là thịt của thịt chúng tôi, máu của máu chúng tôi mà sau này nhiều người đã dùng làm biểu ngữ"*. Huyền có câu có lẽ thâm trầm hơn, là *"Không phải Nam bộ là của Việt nam, mà Việt Nam là của Nam bộ."* Sau cuộc cãi nhau hồi lâu, không khí rất là nghiêm trọng. Các phái viên Việt đều tức giận, xót xa. Tôi xin nói để kết luận. Tôi nói khá dài, thật ra thì tôi đã gắng đọc một bài tuyên ngôn soạn sẵn, mà tôi tiếc đã mất nguyên văn. Tôi

cảm động cho nên đọc khó ra lời. Tôi nhắc lại sự nhấn nhục của Phái đoàn Việt Nam để tìm một giải pháp công bình cho mọi phe về vấn đề then chốt của vận mệnh nước mình, và vạch rõ sự nhấn tâm của Thực dân dùng hết mọi cách để ngăn cản anh em một nhà sum họp.

Nhìn xuống phòng, thấy các hội viên đôi bên đều cúi mặt, như bị bầu không khí nặng nề đè nén trên đầu. Phút chốc Hồ Hữu Tường đứng dậy, hai mắt đỏ ngầu, đi vòng quanh các ghế, qua trước bàn tôi. Ai cũng nhìn theo đến lúc anh ra cửa. Giáp ngồi bên cạnh tôi cạy cửa, coi chừng không thể nín giận được nữa. Bèn đứng phắt dậy, ôm cái cặp nặng, đi chổng ra cửa, trước mặt tất cả Hội viên sững sốt. Khi ra khỏi cửa rồi, anh đóng cửa cái sầm !

Trong khi các Phái viên ta lần lượt bỏ Hội phòng, tôi phải dừng đọc. Tôi thấy thoáng qua cái tương lai không những đen tối, mà còn rất bi thảm cho sự giao thiệp Việt Pháp. Cái tiếng đóng cửa cái sầm của Giáp có đánh thức lòng mê muội của những người có cao kiến đến chính trị Liên hiệp Pháp không ? Còn đối với tôi, thì đó là tiếng sấm đầu tiên trong cơn giông tố nó sẽ lôi cuốn dân Việt vào một cuộc

chiến tranh bắt buộc để giành Độc lập và Thống nhất cho Tổ quốc. Những hình hàng vạn nhà tan, hàng triệu dân chết hiện thoáng qua mắt mờ vì cảm động.

Nhưng tôi phải cố gắng đọc rõ mấy câu kết luận :

"Nếu Nam bộ bị bạo lực phải chia lìa với Tổ quốc, thì dân Việt đời đời sẽ tranh đấu để nối lại. Ý nước Pháp có lẽ muốn dùng việc Nam bộ để làm một cái "định ung" - *abcès de fixation*, nghĩa là một cái nhọt mà y khoa đã cố ý gây ra tại một chỗ nào trên mình bệnh nhân, để dồn nọc bệnh vào đó, kéo nó xâm chỗ khác - Nhưng hãy coi chừng ! Với sự tranh đấu không dừng của dân tộc Việt Nam, cái định ung sẽ hóa ra nhọt thối thịt, nó ăn lan tràn, làm mục nát khối Liên hiệp Pháp.

"Mặc dầu những kẻ, vì ghét một người hay một chủ nghĩa, mà phản bội xứ sở mình, Nam bộ không chóng thì chầy, sẽ trở về trong lòng Tổ quốc." ⁽¹⁾

(1) Nguyên văn : Malgré ceux qui, pour avoir haï un homme ou une idéologie, trahissent leur pays, le Nam bộ reviendra au sein de notre Mère Patrie.

Tôi nói xong, mọi người đứng dậy ra phòng, không ai nhìn ai, không ai nói chuyện với ai. Tôi không biết ý nghĩ của các thánh giả Pháp ra sao. Hình như họ đã cố bưng bít cái buổi họp cảm kích thương tâm nầy, nhưng họ cũng thấy rằng vấn đề Nam bộ sẽ là khối nặng buộc chân, mà nước Pháp phải kéo lê lâu dài.

*

Phái viên ta ai nấy về phòng mình nghỉ ngơi một chốc cho nguôi cơn cảm kích. Xuống ăn cơm trưa rồi ra phố xem có gì Hà Nội hiếm có thể sắm mang về. Cuối cùng mỗi người mua được một đôi dép cao su ! Hai mươi tờ giấy bạc Đông Dương một trăm đồng còn nguyên, sẽ được mang về nộp Chính phủ.

Bốn giờ chiều, anh em Phái đoàn họp riêng để kiểm điểm công tác đã làm.

Nguyễn Tường Tam nói :

"Tuy Hội nghị Đà Lạt đã không đem đến một sự thỏa thuận nào giữa Việt Nam và Pháp, nhưng đã có một kết quả tốt đã là đoàn kết tất cả anh em chúng mình, như đã hứa cùng Chính phủ trước khi lên Đà Lạt. Sáng nay, Đà Lạt đã thấy một cảnh tượng đáng ghi:

từ anh Cộng sản đến kẻ Quốc gia, cùng rơi lụy trước sự sợ mất một mảnh đất nước nhà.

"Lịch sử đi đến chỗ đoàn kết có ba thời kì: Bắt đầu đánh nhau ; đó là thời kì đau đớn ; sau đến thời kì đoàn kết gương để thành lập một Chính phủ đoàn kết ; cuối cùng là thời kì đoàn kết tự do, không ai bắt buộc.

"Chúng ta phải đoàn kết. Các người phụ trách có thể làm cho đoàn kết mà không làm thì có tội. Chúng ta phải hẹn cùng nhau đoàn kết trong một giai đoạn ít ra cũng mười năm..."

Võ Nguyên Giáp nói lời :

"Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh cũng chủ trương toàn dân đoàn kết. Trong một hội nghị Việt Minh, đã có đề nghị giúp Quốc dân đảng lập lại và mở rộng để có thể lôi cuốn tất cả toàn dân."

Giáp và Tam hứa hẹn cùng nhau rằng sau khi về sẽ giải thích cho đảng phái mình sự ấy. Giáp đã tin rằng mình sẽ đem hết tâm lực làm việc ấy và sẽ lượm được kết quả.

Giáp kết luận rằng : "Ngoài các đảng phái, anh em khác cũng phải đoàn kết. Ngoại giao phải làm từ gốc rễ."

Tam lại kiểm điểm thái độ chung của Phái đoàn. Rằng : *"Chúng ta đã theo đúng chỉ thị của Chính phủ, là phải gắng nhưng không đứt, là gạt bỏ những vấn đề bất hợp ý nguyện mình, chứ không làm liên can đến Chính phủ"*.

Riêng tôi xét thì cá nhân Tam và Giáp bây giờ rất thành tâm muốn bắt tay nhau thật thà mà làm việc. Qua ba tuần tiếp xúc với Phái đoàn Pháp, ai cũng thấy rõ rằng vận mệnh nước ta nay chỉ còn mong ở sự kháng cự của dân ta và nhất là của Chính quyền ta. Những người Mác xít ta có lúc tưởng rằng với thắng thế của hai đảng Xã hội và Cộng sản Pháp sau khi Đức thua, nước Pháp sẽ thả Việt Nam nếu ta cũng đồng chí hướng. Bây giờ họ cũng đã thấy rằng những cuộc điều đình hoặc ở Hà Nội, hoặc ở Đà Lạt đều đã tiến triển với Chính phủ gồm các đảng ấy ở Pháp. Những đảng ấy tuy đông, nhưng không can nổi, hoặc không muốn can những nhóm Thực dân dùng võ lực để chia xẻ nước ta ra nhiều mảnh, cắt xéo những phần cốt yếu về phòng thủ và kinh tế để dần dần tiêu tán hoàn toàn cái quốc gia Việt Nam, dùng nhóm người vong bản để nô lệ hóa nhân

dân. Vì đều thấy rõ sự ấy, cho nên trước cái họa diệt vong, Tam và Giáp đã thấy ý tưởng Đảng là nhẹ mà ý tưởng Quốc gia là nặng. Tôi những tâm nguyện các anh giữ được chí hướng ấy lâu dài.

Với những ý nghĩ ấy, tôi cùng tất cả Phái đoàn vào dự phiên họp Đại hội đồng bế mạc lúc bảy giờ rưỡi tối.

Bourgoin chủ tọa, nói tóm tắt mấy lời, một phần nào tả sự thực. Rằng :

"Hội nghị đã làm cho hai bên biết rõ lập trường của đối phương. Những vấn đề đều được nêu ra rõ ràng chính xác. Những đề nghị của Pháp đã tôn trọng sự tự do dân chủ của Việt Nam. Cả hai bên đã không mà cả điểm nào cả..."

Tam trả lời cũng vắn tắt : "Trước hết cảm ơn Phái đoàn Pháp đã tiếp đãi trong thời gian Hội nghị. Phái đoàn Việt Nam cũng đồng ý rằng hai bên tỏ rõ lập trường nhau và không mà cả. Những đề nghị Việt Nam là vừa muốn liên hiệp với Pháp vừa bảo vệ sự tự do của mình. Sự định đoạt sẽ dành cho Hội nghị Paris."

Thế là xong Hội nghị Đà Lạt. Hơn ba tuần tranh đấu. Phái viên Pháp có lẽ coi như là một cuộc vừa nghỉ vừa làm việc. Còn Phái viên ta thì coi đó là cuộc bảo vệ sự sinh tồn cho dân tộc và cho cá nhân mình. Tối ấy, ngủ đêm cuối cùng ở Đà Lạt, mà không chắc gì còn có thể trở lại ngắm cái cảnh xinh đẹp của trung tâm miền Thượng này.

*

Rạng ngày sau, chủ nhật 12 tháng 5, ô tô Pháp đem Phái bộ đi đến sân bay. Có lẽ tiễn tống gì không, tôi không ghi gì lại. Có lẽ chuyến về rất sơ sài giản dị.

Chín giờ bốn mươi, tàu bay cất cánh, bay thẳng về Bắc. Tàu bay đi chuyến này cửa mờ kín, nên khó trông ra ngoài. Anh em có lấy một số báo ở phòng Báo chí mang về. Ngồi trong tàu, chia nhau đọc cho khuây.

Từ mười hai giờ, hình như trông thấy biển mù xanh. Máy bay bay cao, trông xuống thấy nhiều đám mây trắng nhỏ trôi dưới.

Cù Huy Cận, người nhỏ tuổi nhất, tính rất vui ; pha trò làm anh em đỡ buồn. Cận ra câu đối :

Việc nước mười hai ông phái bộ

Có anh hỏi : "Câu đối như thế thì khó ở đâu ?"

Cận bảo là câu đối tức cảnh và có ghép những tiếng *mười hai* và tiếng *nước*. Tôi phải giải thích thêm cho các anh không hiểu rằng : "Tục ngữ có câu : *phận con gái, mười hai bến nước*. Mười hai bến trở ý cách xa nhau ; đây trở ý con gái đi lấy chồng phải lìa nhà mình, làng mình".

Có anh đối đùa rằng : "*Đợi nhà, ba bảy á K. T.*" K. T. là xóm Khâm Thiên, ngày trước là xóm cô đầu ở Hà Nội. Cận bẻ rằng còn thiếu phần ghép chữ. Tôi cũng đùa theo, xin chữa ra:

"Đêm mai ba bảy á K.T."

và giải thích với về Kiều : "*Quê mai ba bảy đang vừa*", trở con gái đến tuổi kén chồng.

Đại loại, các thơ đùa cũng đã làm trò vui cho quên cái buồn cái mệt đã tích trong mình trong hơn ba tuần lễ. Cận làm thơ Vô đề dùng tên hoặc đặc điểm gì của một vài phái viên :

Đà Lạt hoa kia biết nói cười

TƯỜNG nam, TƯỜNG bắc, biết theo ai

*Trưởng đoàn, Đoàn trưởng đều cao cả
Thang một làm sao bắc cả hai*

Đoàn trưởng là Trịnh Văn Bính giám đốc vụ quan thuế. Trưởng đoàn là Nguyễn Tường Tam. Hai người này đều cao. Thơ chẳng có nghĩa gì, nhưng bạn đồng hành vẫn họa chơi. Tôi cũng có họa :

*Đà Lạt hoa em mới ngậm cười
Theo làng KHOA, GIÁP chứ theo ai
HÒE, MAI vậy ngọn cao khôn với
TAM cấp thang đành bước được hai*

Thấy các thơ họa cũng vô duyên như thơ xướng. Tôi mới đem bài thơ, mà tôi đã làm một hôm nghỉ họp trên Đà Lạt, ra cho các anh em xem, rồi mời họa, hoặc làm thơ ghi cảm tưởng hay tình tứ. Thế là các anh em ngồi im lặng khá lâu. Hòe, Cận, Hiền có thơ họa đưa tôi xem. Tôi tiếc đã không chép lại. Tôi đã chỉ ghi lời bình phẩm : Hòe thơ già giận, Cận lời bóng bẩy, Hiền chịu khó nhưng chưa quen làm thơ.

Rồi các hành nhân dần dần ngủ gà ngủ

gật. Tiếng chong chóng tàu như sấm bão, làm cho không nghe người ngồi bên cạnh nói. Cửa sổ gương mờ, chỉ có một lỗ nhỏ ở giữa. Phải ghé mắt gần sát mới thấy mây, đất, núi sông. Gió lọt qua khe hở thổi lạnh cả lưng. Trong lúc tai không bưng mà điếc, mắt không bịt mà mù, tôi chỉ còn cách nhìn quanh trong tàu mà ngắm các anh em : anh ngủ ngon lành, anh đọc nhật trình, anh ra vẽ mơ màng, anh ra dáng mệt mỏi. Lại có bốn anh quay quần đánh bài ở phía sau tàu.

Trong khoảng không gian chật hẹp ấy, mà tôi thoát thấy như đang cô quạnh ở chốn thanh u. Mơ màng nhớ cảnh núi hồ Đà Lạt, ngắm lại những lúc cảm kích vì phải nghe những lời đối phương lấn ép, phải nỗ lực lấy lẽ phải luận bàn. Tôi nhẩm nghĩ một bài *hát nói* để ghi lại cảnh vật và tâm tình.

Bài hát HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT ấy như sau :

*Núi Đà Lạt xa quanh mình uốn éo
Lưng lưng đồi, ai khéo vẽ rừng thông
Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc*

Ngắm cảnh tay người, thêm tấm tức
 Gẫm mình việc nước vẫn đeo đai !
 Giữ non sông, thao lược đã không tài
 Nêu sứ mệnh, một vài câu biện luận
 Thấy lẽ mạnh ép hèn, sôi nổi giận
 Tuốt gươm thù, toan quyết trận phong ba
 Nhớ ra... đã có nghị hòa !

Làm xong, tôi viết vào giấy, rồi trao cho
 Cận ngồi bên cạnh xem. Cận ngâm nga lắm
 nhảm ; rồi nhà thi sĩ tặng tôi một câu bình
 phẩm : *le poète n'est pas celui qu'on pense* -
 thi sĩ không phải kẻ mà người ta tưởng. Lời
 tán thán là quá, nhưng đó là lời của một bạn
 văn thông cảm với người "*một hội một thuyền*".
 Hai nụ cười hóm hỉnh của Tạ Quang Bửu khi
 đọc vế "Gẫm mình việc nước vẫn đeo đai" và
 vế cuối, tỏ rằng anh đã hiểu thấu tâm lí tôi, và
 khiến tôi thêm cảm động.

Máy bay đã tiến gần về đất Bắc. Có lúc,
 bay thấp xuống, để thấy bờ biển, sông núi ;
 đoán chừng vào chặng Nghệ An. Rồi dần dần
 vào thiên phận Nam Định, Hà Nam. Phía tây
 thấy dãy núi lên Nam Công, Hương Tích. Tàu

càng xuống thấp. Nầy núi Đọi, nầy sông Châu Cầu. Rồi núi Tam Đảo đã hiện đầu chân trời.

Máy bay hạ cánh xuống Gia Lâm. Bây giờ mới một giờ rưỡi, ngày chủ nhật 12 tháng 5. Phái đoàn về đến Hà Nội, anh em chia tay nhau sau khi hẹn ngày hôm sau lại họp để phục mệnh với Chính phủ.

*

Mười giờ sáng hôm sau, ngày 13, các phái viên tề tựu đến dinh Chủ tịch. Có đủ mặt các bộ trưởng.

Nguyễn Tường Tam nói : "Phái bộ xin ra mắt Chính phủ".

Cụ Chủ tịch : "Hoan nghênh Phái bộ Hội nghị Trù bị. Tuy kết quả chưa đủ, nhưng Phái bộ đã làm cho nước Pháp và ngoại quốc biết rõ rằng người nước ta biết tranh đấu, biết công tác và biết đoàn kết..."

Tam báo cáo về tính cách của công tác Phái đoàn. Đại cương, có những ý sau này :

- Tranh đấu gắng, thì lúc nào cũng gắng ; nhưng không để phá liệt ;
- hết sức làm việc ;

- chuẩn bị kĩ càng các buổi họp ;
- hành động cá nhân không làm mất thanh danh cá nhân và tổ quốc ;
- ngoài sự đàm phán, các anh em hiểu rõ nhau hơn, và chắc đã đoàn kết nhau hơn.

Võ Nguyên Giáp nối lời, nói cũng đồng ý với Tam và báo cáo rằng Hội nghị đã làm ta rõ lập trường của Pháp. Lập trường ấy không khác gì cái mà mình đã thấy trước : lập lại chính quyền thuộc địa qua Liên bang Đông Dương, dùng tay sai mà trực trị Nam phần Việt Nam, dùng quân đội hạn chế quyền tự chủ của ta ở Bắc phần.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng nói : "Mừng đoàn kết trong Phái đoàn và tất cả toàn dân phải đoàn kết để đánh đổ âm mưu chiếm đoạt của thực dân".

Cụ Chủ tịch nói : "Phải tiếp tục tranh đấu tại Hội nghị Paris".

Năm giờ chiều hôm ấy, Phái đoàn cũ lại họp buổi cuối cùng để kiểm điểm những khuyết điểm của sự làm việc, và để rút kinh nghiệm cho Phái bộ sẽ đi Paris.

Phần lớn Phái viên đã nhận rằng về tình

thần thì Phái đoàn đã làm tròn nhiệm vụ một cuộc đàm phán trù bị, bày tỏ ý chí mình và dò xét mưu ý đối phương. Nhưng về phần tổ chức vật chất thì có khuyết điểm.

Giáp kể những khuyết điểm về giao hữu giữa nhân viên Phái đoàn, về tổ chức văn phòng, tổ chức những tiểu ban và liên lạc giữa phái viên và cố vấn.

Hiền nhấn về sự anh em thường để ý nhiều về những tiểu tiết, còn về những việc lớn thì không bàn đến. Hiền cho thí dụ việc bàn luận về Liên bang.

Mạnh Tường trách rằng về khoản thù tiếp với các tư nhân ngoại, với các nhà báo, ta không dự định. Đáng lẽ phải có ngân quỹ nhất định.

Tam thêm rằng : "Nếu cần thì phải ngoại giao..."

Cuối cùng *Giáp* nói về phương pháp làm việc trong các cấp đàm phán : trong buổi họp Ủy ban, trong buổi họp Đại hội, trong khi trao đổi văn kiện và trong khi tiếp xúc cá nhân.

Thế là nhiệm vụ của các phái viên đã chấm dứt buổi tối hôm ấy.

Dư ba của Hội nghị là bữa cơm Chính phủ đãi anh em Phái đoàn. Tất cả các bộ trưởng, phái viên, cố vấn, hành nhân ngồi chung quanh cái bàn dài trang hoàng bằng những cụm hoa đỏ xen vàng. Hai cụ Huỳnh, Hồ ngồi giữa. Chuyện trò ồn ào náo nhiệt, hầu như ai cũng đã quên những buổi tranh đấu tổn thương cân não. Có một lúc Cụ Chủ tịch hỏi các Phái viên : "Cảnh Đà Lạt có đẹp không ?"

Cù Huy Cận tả, khoe cái đẹp thiên nhiên của Đà Lạt.

Cụ lại hỏi : "Thế thì các chú có làm thơ không ?"

Cận trả lời : "Anh Hân có làm"

Cụ bảo : "Đọc cho nghe nào" Rồi cụ ngảnh tìm tôi. Tôi ngồi khá xa. Vốn không thích đem văn thơ kể tâm sự ra làm trò chơi ở tiệc công; nhưng buổi họp này ; dù có các Cụ, các bộ trưởng, có không khí rất gia đình. Tôi không thể chối từ, nhưng còn lưỡng lự nên đọc bài Đường luật hay là bài Hát nói. Lại nghĩ rằng về kết của bài Hát nói ; *Nhớ ra đã có nghị hòa*, có thể nghe ra đáng trách Chính phủ đã kí Hiệp định sơ bộ, tôi đành đọc lại bài kia, tuy

rằng nó tả cái đẹp của Đà Lạt không đủ bằng bài Hát nói.

Nghe xong, Cụ hỏi đùa rằng : "Thế thì Hoa có biết nói không ?" Rồi Cụ lại hỏi có ai làm thơ Đà Lạt nữa không.

Không ai trả lời. Thấy sự im tiếng khá lâu, tôi lại lên tiếng, nói vọi rằng : "Nhân chuyện tranh luận ở Hội nghị Đà Lạt, tôi đã nhớ đến bài thơ Tết của Cụ".

Cụ ngoái cổ lại, coi vẻ ngạc nhiên, và cùng cả cử tọa chờ.

Tôi nói tiếp : "Bữa Tết, tôi đã đọc bài thơ *Khai bút* của Cụ cho các Cụ ở trong quê Hà Tĩnh nghe. Các Cụ đều khen thơ Cụ rất hay, khen lời thật mà hay. Nhưng có Cụ lo..."

Ai cũng ngảnh lại phía tôi với đôi mắt tò mò, mà chắc không ai đoán được tôi muốn nói điều gì.

Tôi nối câu : "... vì trong thơ có lời sái." *Sái* trở một lời nói hoặc câu văn, tuy tác giả vô tình, nhưng thính giả có thể xoay hiểu ra nghĩa không tốt. Người ta thường tin đó là điềm gở.

Cụ hỏi : "Lời sái ở chỗ nào ?"

Tôi đáp : "Thưa Cụ, ở câu thực :

Độc lập đầy vui ba chén rượu

Tự do vàng đỏ một chòm hoa

"Vì có bốn chữ *Độc lập đầy vui*"

Cụ hiểu ý liền. Nhanh ý, Cụ hỏi lập tức :
"Thế thì các Cụ chữa lại ra sao ?"

Chuyện các Cụ Hà Tĩnh bàn tán thơ Khai bút trên có thật. Tôi đáp : "có Cụ đã xin đổi vế trên ra : *Độc lập say sưa ba chén rượu*"

Cụ không nói gì. Cử tọa lao xao nói chuyện khác.

Hậu quả cuối cùng, đối với tôi, của Hội nghị Đà Lạt là đã phải theo cụ Chủ tịch đón Đô đốc D'Argenlieu, ngày 19 tháng 5, trước thêm dinh Chủ tịch.

Sau bữa cơm kể chuyện trên, tôi được rút lui về chăm việc văn hóa. Thành linh có điện thoại văn phòng chủ tịch gọi lên phủ gấp, vì có Đô đốc tới thăm. Chủ tịch nghĩ nên có một người thay Phái đoàn Đà Lạt ra đón với Cụ.

Tôi theo Cụ trong phòng khách đi ra cửa. Xe Đô đốc dừng dưới thang cấp trước dinh. Đô đốc lên khỏi bậc thang. Chủ tịch tiến nhanh

nhện ra, ôm lấy Đô đốc mà hôn má ; rồi bắt tay những vị tùy tùng. Cụ giới thiệu tôi, rồi chủ khách vào phòng khách uống trà, nói chuyện tươi cười.

Đô đốc chúc thọ Chủ tịch, vì ngày ấy là ngày sinh nhật Cụ.

Tôi ngồi một góc, nhìn hai chủ khách mà ngán cho cái trò diễn lễ ngoại giao. Một bên đắc thế, muốn bóp cổ người, mà vẫn làm như thân thiện. Một bên biết vậy, mà phải có thái độ hồn nhiên.

Cụ Chủ tịch hồi ấy khí sắc trông đã vững. Kinh nghiệm đưa đón của một quốc trưởng đã khiến cụ có dáng điệu chừng chàng tuy giản dị. Cái trách nhiệm bảo vệ nền tự chủ bấp bênh đang đè nặng trên vai. Mà Cụ không tỏ vẻ lo âu bức tức chút nào.

Cuối tháng, Cụ và Phái đoàn mới sẽ đi Paris. Tương lai thế nào ? Nhân dân Pháp và các chính khách bạn Cụ có sẽ làm nhẹ gánh cho Cụ được phần nào chăng ? Đó là những ý nghĩ của tôi trong khi phải "bồi thị". Nhưng tôi đã tự hỏi : Võ Nguyên Giáp đi đâu, không có mặt ở đây ? Chắc rằng từ sau khi trên Đà Lạt

ảnh bỏ ra ngoài hội phòng và đóng cửa cái sầm, ảnh rất bận vì phải gây dựng thực lực để đối phó tương lai.

*

Tương lai ? Tương lai gần sát là :

– Ngày mồng 1 tháng 6, một ngày sau khi Chủ tịch và Phái bộ điều đình lên máy bay đi Paris, đô đốc D'Argenlieu "cho phép" Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ lập một *Chính phủ Lâm thời Nam Kỳ* có quyền tự trị, nhập vào Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

– Ngày mồng 6 tháng 7, Hội nghị Việt Pháp đáng lẽ mở ở Paris, nhưng chính phủ Pháp "đày" ra Fontainebleau.

– Mồng 2 tháng 8, Đô đốc D'Argenlieu nhóm đại biểu các Chính phủ Mên, Lào, Nam Kỳ, và đại biểu Nam Trung bộ, miền Thượng và mở Hội nghị Đà Lạt lần thứ hai để lập Liên bang Đông Dương. Đại tá Pháp, gốc Việt, *Nguyễn Văn Xuân* cầm đầu phái bộ Nam Kỳ, cùng với một đại diện Pháp.

– Ngày hôm sau, mồng 3 tháng 8, xung

đột đầu tiên giữa hai quân Pháp Việt xảy ra ở Bắc, tại Bắc Ninh.

– Hội nghị Fontainebleau tự giải tán ngày 12 tháng 9.

– Tối 14 tháng 9, riêng Chủ tịch kí với bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet một Tam ước, tạm nhận những điều yêu sách của Pháp, để chờ mở lại điều đình. Trừ việc Chính phủ Nam Kỳ tự trị thì bỏ lơ không nói đến.

– Ở Bắc, quân đội Pháp chiếm biên thùý Đông Bắc để mở những nhóm tự trị thiểu số. Chiếm lại phủ Toàn quyền, sở Tài chính. Lập lại quan thuế ở Hải Phòng.

– Ngày 20 tháng 11, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

Nói tóm lại, chương trình lập lại Chính quyền Thực dân ở Đông Dương được dần dần thực hiện, bằng mọi cách : điều đình, áp bức, nội công, chiếm đoạt bằng binh lực.

Những điều Phái đoàn Đà Lạt đã dự đoán đều đúng.

"Sự đã rõ ràng, chỉ còn cách đánh nhau giữa chúng ta" Đó là lời đáp của Tướng Salan

cho Hoàng Minh Giám tại Paris.

"Chim còn hay dựng hâu cất mớ ⁽¹⁾

Thú còn hay giơ vó nhả nanh

Sao ta chịu nhục cho đành ?

So loài cầm thú thẹn mình lắm thay !"

Đó là lời kêu gọi của hồn những người ái quốc liệt sĩ.

Tám giờ rưỡi tối 19 tháng 12, bắt đầu cuộc chiến tranh giải phóng.

Cái mộng nước Việt Nam giải phóng với sự thỏa thuận của nước *Pháp mới* đã tan. Lời cảnh cáo của tôi nói ra hai lần trước Phái viên Pháp rồi cũng nghiệm. Sự chiến đấu giành độc lập của dân tộc Việt Nam đã đánh thức một số dân thuộc quốc khác, làm khối Liên hiệp Pháp dần dần mòn đi. Nó cũng đánh thức những chánh khách có tầm mắt trông xa trên trường chính trị Pháp. Nhờ vậy, ngày nay nước Pháp không những về tinh thần đã chiếm lại được nhiều thanh danh đối với các nước, mà cả về vật chất, kinh tế Pháp khỏi ách quân sự, đã

(1) Bài A tế á (Tặng Bạt Hồ ?)

phát triển mạnh trên xứ sở ; và quyền lợi Pháp trên các nước ngoài, kể cả các nước cố thuộc, đã mở mang rất chóng.

Còn đối với nước ta thì hậu quả của sự ngoan cố của phái Thực dân đến nay còn cay độc. Chiến tranh còn dày xéo đất và dân ta. Nhưng chiến tranh cũng có ngày hết. Nước Việt Nam độc lập, hòa bình sẽ thân thiện với các nước chuộng hòa bình.

Nay nước ta còn như

Thịt một miếng trăm dao xâu xé ⁽¹⁾

dao Mĩ, dao Úc, dao Triều Tiên, dao Thái Lan. Nhưng dao Pháp trước cắm sâu như vậy, mà cũng hầu trở thành bàn tay thân thiện, thì những dao kia cũng rút đi.

Bấy giờ, những điều hòa bình, độc lập và cả thống nhất mà Phái đoàn Đà Lạt đã hết sức tranh đấu trong các buổi họp, sẽ bởi dân ta tự định đoạt. Nếu tất cả mọi người còn nhớ hai tiếng

ĐOÀN KẾT

(1) Bài *Trần tình* (Cao Bá Nhạ)

như tiếng vọng của dĩ vãng nước nhà mỗi lúc lâm nguy, thì có lẽ, với lòng ái quốc của mọi người thành thật, những điều ấy sẽ đạt.

*

*Tỉnh giấc mộng ngâm câu kí vãng
Trải mấy thu ngày tháng như thoa* ⁽¹⁾

Từ hội nghị Đà Lạt đến nay đã một phần tư thế kỉ. Đứa con ra đời lúc tiếng súng Điện Biên dừng nổ, nay đã thành nhân. Chuyện Đà Lạt kia chỉ là chuyện *Đời xưa*. Những người dự cuộc ở phái ta đã một phần không ít quá cố. Tôi đã thành thật gắng chép ra những điều tôi đã chứng kiến và đã ghi, hoặc nhớ lại. Chỗ sót chắc nhiều, điều sai gắng tránh. Mục đích không ngoài ôn chuyện cũ, góp phần cho những nhà viết sử mai sau.

Nếu độc giả ngày nay có thể rút được một vài kinh nghiệm để trở hướng hành động của mình cho nước cho dân, thì lại càng làm thỏa lòng tôi thâm nguyện.

Lòng thâm nguyện ấy chắc cũng là chung

(1) Bài *Trần tình* (Cao Bá Nhá).

cho hầu hết đồng bào, mà nhân tiện câu chuyện Đoàn kết trên đây, tôi xin tặng mấy câu tôi đã viết theo lối phong dao, sau khi Hội nghị Genève cắt đôi đất nước :

PHONG DAO

*Ngày xưa NGUYỄN TRỊNH phân tranh
Chia đôi đất nước, sông GIANH là bờ
BẮC NAM chia nước bây giờ
Thì lấy Bến Hải làm gờ phân tranh*

*Xưa kia lối chỉ tại mình
Bây giờ xui dại là anh chực ngoài
Chớ nghe miệng chúng đông dài
Chúng chờ ta vật lộn cho nhòai... rồi
chúng xoi !*

*Lạng Sơn cho đến Cà Mau
Tổ tiên gây dựng biết bao công trình
Người Thượng cho đến người Kinh
Cũng chung đất nước, cũng tình anh em*

*Ai ơi ! Gẫm lại mà xem
Lẽ nào thân mẹ, con đem chia phần ?*

*Từ Mác xít đến Giáo dân !
Bớt phần lí tưởng, thêm phần yêu đương
Bớt nghi kỵ, bỏ lọc lờng
Cùng nhau siết cánh lên đường vinh quang"*

Thiết tưởng những lời ấy, thời này cũng
chưa lỗi.

Viết tại Paris tháng 10, 1971

HOÀNG XUÂN HÂN

Sau đây là hai bài của GS Hoàng Xuân Hãn đăng trên báo *Dư luận* về các vấn đề chính trị và vấn đề văn hóa đã trình bày tại Hội nghị Đà Lạt như tác giả đã viết trong *Lời nói đầu*.

I

VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

A.- NGUYÊN TẮC

Hai phái bộ Việt Pháp đều căn cứ vào Hiệp định sơ bộ tháng ba 1946 mà đàm phán. Hiệp định ấy có những điều sau này :

1.- Chính phủ Pháp nhận nước Việt Nam là một nước tự do, có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chính, dự vào Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Nói về hợp nhất ba kỳ thì chính phủ Pháp cam đoan sẽ thừa nhận sự định đoạt của các dân sau cuộc trưng cầu ý kiến.

2.- Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng đón tiếp binh đội Pháp một cách thân thiện...

3.- Những điều nói trên sẽ được thi hành lập tức. Sau khi trao đổi chữ ký, mỗi bên sẽ dùng các phương tiện cần thiết để ngừng chiến lập tức, giữ quân mình ở chỗ đóng hiện tại và gây nên một bầu không khí thuận tiện cần cho sự mở cuộc điều đình thân mật và thực thà. Cuộc điều đình sẽ bàn về :

a) sự liên lạc ngoại giao của Việt Nam với ngoại quốc ;

b) quyền pháp tương lai của Đông Dương;

c) những quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt Nam.

Các cuộc thảo luận ở Đà Lạt đã là cuộc giải thích hiệp định trên về mọi phương diện : chính trị, kinh tế và tài chính, văn hóa, binh bị. Nhưng

sự giải thích của Việt và Pháp khác nhau. Nếu có chỗ giải thích giống nhau, sự nhận định nặng nhẹ cũng khác nhau. Cuộc hội nghị Đà Lạt đã đưa đến một kết quả là hai bên hiểu lập trường nhau hoặc về nguyên tắc, hoặc về trình độ. Sau đây, tôi sẽ tóm tắt các điều ấy.

B.- NGHĨA CHỮ VIỆT NAM

1.- Lãnh thổ

Chúng ta chỉ có thể hiểu rằng nước Việt Nam gồm có ba kỳ và sự hợp nhất ba kỳ nêu ra trong hiệp định là sự hợp nhất cai trị. Bây giờ Trung kỳ và Bắc kỳ đã có một cách cai trị chung rồi, chỉ cần hỏi Nam kỳ có muốn cùng chung một cách cai trị ấy không ?

Bên Pháp, họ cho rằng nước Việt Nam chưa có giới hạn nhất định, rằng chỉ có kết quả của cuộc trưng cầu ý kiến ở Trung và Nam kỳ mới sẽ định đoạt giới hạn ấy. Sự hợp nhất nói trên là hợp nhất về chính trị, nghĩa là nếu dân hai xứ ấy không bằng lòng hợp nhất thì sẽ có nước tự do Trung kỳ và nước tự do Nam kỳ.

Trước khi trưng cầu ý kiến, Pháp nói rằng chính phủ ta không được dựa vào những nơi mà đã mất chủ quyền. Muốn giành trước chủ quyền ấy, cho nên quân đội Pháp vẫn tiếp tục đánh quân ta ở Nam kỳ và ở vùng nam Trung kỳ, nhất là về vùng Mọi ⁽¹⁾. Như vậy nước Pháp đã làm trái với hiệp định sơ bộ, trái với điều ước đình chiến và lập một bầu không khí thuận tiện cho sự điều đình. Khi phái bộ ta yêu cầu đình chiến thì phái bộ Pháp bảo họ không có quyền bàn, vì đó là công việc của chính phủ. Khi ta yêu cầu gây bầu không khí thuận tiện thì họ bảo không những phải đình chiến mà cũng phải ngừng các cuộc tuyên truyền công kích Pháp bằng báo chí và truyền thanh, và các việc tẩy chay Pháp ở Bắc kỳ và Trung kỳ.

Sau khi bàn cãi gần hai tuần, ta đã nhận lập một "Ủy ban Việt - Pháp để tìm tòi và đề nghị những phương tiện để ngừng chiến và gây bầu không khí thuận tiện cho sự điều đình".

(1) Tức vùng cao nguyên Trung Bộ (BT).

2. Nhân dân

Chúng ta cho rằng những dân tộc ở trong địa phận ba kỳ đều là dân ta. Đối với các dân tộc thượng du, chính phủ ta đã có những chính sách không phân chia nòi giống nhưng có tính cách thích hợp cho họ.

Pháp đã nêu ra vấn đề dân tộc thiểu số và nói rằng Liên bang cần phải che chở các dân tộc ấy. Về nhóm Thổ Nùng, Pháp yêu cầu lập một "Nha thanh tra dân tộc thiểu số" đặt ở Hà Nội. Về nhóm Thái Mường, Pháp yêu cầu cho hành chánh tự trị và đặt dưới quyền kiểm sát Liên bang. Về các dân tộc Mọi ⁽¹⁾, Pháp yêu cầu tách riêng ra một lãnh thổ tự trị và giao cho Liên bang quản trị : đó là lãnh thổ Liên bang.

Nói tóm lại, Pháp đã nêu ra vấn đề ấy và sẽ đi đến chỗ kiểm soát tất cả các miền thượng du của nước ta.

3.- Nội trị

Pháp nhận cho ta tự ý lập chính phủ, bầu

(1) Tức các sắc dân sống trên cao nguyên Trung Bộ (BT).

quốc hội, định Hiến pháp và luật lệ bầu cử, tính ngân sách, định thuế khóa và quản lý sự tiêu dùng, đặt hành chánh và định quy tắc công chức, ban bố luật lệ, nghĩa là "có tất cả mọi quyền mà hiệp ước không dành cho Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp" (lời công hàm Pháp).

Đó là quyền mà hiệp định sơ bộ đã nhận cho ta có. Nhưng nó sẽ bị cắt xẻo nhiều, vì Pháp sẽ tranh thủ để dành nhiều quyền cho Liên bang và Liên hiệp (xem C và D).

C.- NGHĨA CHỮ LIÊN HIỆP

Chúng ta hiểu danh từ Liên hiệp Pháp là các nước trước đây chịu quyền Pháp mà nay đã thành tự do hoặc còn bị quản thúc : các nước ấy bằng lòng ký kết thành một nhóm. Sự giao thiệp cùng nhau sẽ theo luật quốc tế. Chỗ chung nhau sẽ thuộc về phương diện văn hóa và phòng thủ.

Pháp cho rằng sự giao thiệp cùng nhau trong Liên hiệp sẽ thuộc luật nội bộ. Họ đã đi đến chỗ nói rằng hiệp định ngày 6 tháng ba

năm 1946 không có tính cách quốc tế. Chỗ chung nhau sẽ thuộc về phương diện văn hóa, phòng thủ, ngoại giao, và tinh thần liên hiệp sẽ thực hiện bằng một vài hình thức.

1.- Hình thức Liên hiệp

Pháp yêu cầu ta viết vào Hiến pháp nước ta lời tuyên ngôn về dân quyền của Hiến pháp nước Pháp. Họ mời ta dự vào Hội nghị cao cấp Liên hiệp Pháp (Conseil supérieur de l'Union Française). Họ đặt một ông Cao ủy (haut commissaire) ở Đông Dương và ông đại lý của cao ủy ở nước ta ; hai ông ấy là hai công chức Pháp, chứ không phải hai viên chức ngoại giao. Họ lại muốn bắt buộc ta phải xin phép họ mỗi lúc muốn dùng các nhà cố vấn hoặc chuyên môn ngoại quốc.

Vì Hiến pháp nước Pháp bây giờ chưa định, nên ta đã không thể trả lời dứt khoát hai điều yêu sách đầu. Về việc đại diện nước Pháp thì sau này sẽ rõ. Đến như việc cuối cùng, thì ta chỉ nhận bằng lòng người Pháp trước những người ngoại quốc, nếu điều kiện dùng giống nhau.

2.- Ngoại giao

Cũng vì sự nhận định chữ Liên hiệp là quốc tế hay nội bộ, cho nên quan niệm của Việt và Pháp về vấn đề này khác hẳn nhau. Trong các đề nghị Pháp chỗ này lại có điều mâu thuẫn : trong đề nghị về Liên bang thì nói ngoại giao thuộc quyền Liên hiệp, nhưng trong đề nghị về ngoại giao thì lại để nó vào Liên bang. Sau này phân ra ba mục.

a) Đại diện.- Pháp chỉ nhận cho Đông Dương (chứ không phải là Việt Nam) có người đại diện ở các nước nào mà Đông Dương có lợi đặt đại diện ở đó, nhưng người đại diện ấy thuộc dưới quyền người sứ quán trưởng Pháp. Còn ở trong Liên hiệp thì không đặt đại diện nào cả.

Trái lại ta yêu cầu có đại diện ở Liên hiệp quốc (O.N.U) và ở khắp các nước tự do trong hay ngoài Liên hiệp Pháp. Ta lại yêu cầu có quyền nhận đại diện của các nước ấy. Còn đối với các nước chưa được tự do như Mên và Lào thì ta sẽ đặt những lãnh sự. Tuy đòi ngoại giao độc lập, ta cũng nhận rằng phải tìm cách điều hòa hành động của đại diện ta cùng các đại

diện khác của các nước trong Liên hiệp Pháp.

b) Hiệp ước.- Pháp đề nghị rằng Liên bang soạn sửa những hiệp ước với nước ngoài sau khi hỏi ý kiến các nước liên bang, rồi đại diện Pháp ở ngoại quốc ấy điều đình sau khi nhờ đại diện Đông Dương ở đó giúp việc. Xong, các hiệp ước ấy phải được Hội đồng cao cấp Liên hiệp Pháp và Hội đồng các nước ở Liên bang thông qua. Nếu hiệp ước chỉ liên can tới một nước ở Đông Dương thì phải có Hội đồng các nước liên bang và Quốc hội nước ấy thông qua.

Bên ta thì yêu cầu có quyền tự do ký hiệp ước cùng các nước, chỉ trừ những hiệp ước binh bị chống với các nước trong Liên hiệp Pháp. Ta lại đòi rằng, nếu muốn cho một hiệp ước ký bởi Liên hiệp Pháp có thể thi hành trong nước ta, thì ta phải được có quyền dự cuộc điều đình và thông qua.

c) Hội nghị quốc tế.- Pháp không nói gì đến Việt Nam trong các hội nghị quốc tế. Còn ta, ta đòi có đại diện độc lập mỗi lúc có hội nghị Liên hiệp quốc ; còn trong các hội nghị khác thì tùy cơ mà định đoạt : hoặc cả Liên hiệp Pháp có một đại biểu chung, hoặc có một

phái đoàn chung gồm có cả đại biểu Việt Nam, hoặc có phái đoàn Việt Nam riêng.

3.- Phòng thủ

Pháp muốn có quân đội Liên hiệp Pháp đóng vĩnh viễn ở xứ ta, nhất là ở các căn cứ hải và không quân ; muốn binh đội ta tổ chức, binh khí, luyện tập như quân đội Pháp ; muốn chỉ có cố vấn Pháp giúp ta luyện tập ; lúc thời bình cũng muốn biết rõ số quân ta, vị trí của quân ta và lập bộ tham mưu chung dưới quyền chỉ huy ông Cao ủy.

Ta chỉ nhận có quân đội Pháp ở các căn cứ và đóng trong một thời hạn nhất định ; đòi tự do lập quân đội. Ta không chịu có bộ tham mưu chung lúc thời bình, mà chỉ nhận có chỉ huy chung lúc nào Đông Dương bị xâm lấn.

4.- Văn hóa

Pháp đòi bắt học trò trung học ta đều học tiếng Pháp, đòi tự do mở các trường Pháp ở xứ ta và đòi chính phủ ta để quốc dân tự do đi học các trường ấy. Ta chỉ nhận tiếng Pháp là

sinh ngữ chính ở trung học ; bằng lòng để Pháp mở trường công tự do và để quốc dân theo học trường ấy.

Ta chỉ yêu cầu các học trò ta, trong khi học trường Pháp, phải học văn chương, sử ký, địa dư Việt Nam. Ta cũng nhận cho Pháp lập các cơ quan nghiên cứu ở xứ ta.

D.- NGHĨA CHỮ LIÊN BANG

Từ khi lên Đà Lạt, ta đã ngộ thái độ rằng không khi nào ta nhân một "*nước liên bang*" trùm trên nước Việt Nam. Còn bên Pháp thì tuy nhiều đại biểu và ông Cao ủy cũng hứa rằng không có, nhưng trong các phiên nhóm đầu ta đã thấy hiện ra những cơ quan binh bị, ngoại giao Liên bang, những đại diện Liên bang bên cạnh chính phủ Việt Nam. Lúc ông Max André sắp về Pháp, ông cũng nói rõ rằng Liên bang Đông Dương sẽ là một Liên bang chính trị. Sau khi bàn luận kỹ càng cùng nhau, phái bộ Pháp đã đề nghị ra một Liên bang có bề ngoài hầu như chỉ kinh tế. Họ nói rằng "sự

phòng thủ và ngoại giao đều thuộc quyền Liên hiệp Pháp", nhưng trái lại ta đã thấy trên kia rằng Đông Dương có đại diện ở ngoại quốc, Liên bang sẽ soạn sửa hiệp ước ở ngoại quốc, Hội đồng các nước liên bang sẽ thông quá các hiệp ước ấy.

Liên bang ấy có một chính phủ không chịu trách nhiệm gì trước các cơ quan lập pháp của Liên bang hay là của các nước trong Liên bang, thế mà lại cầm hết các quyền kinh tế và tài chính. Quyền chính phủ Liên bang ấy, sâu và rộng, sẽ làm cho nội trị ta tuy có tiếng là tự do, nhưng sẽ bị chi phối chặt chẽ.

1.- Chính phủ Liên bang

Pháp đề nghị rằng quyền Liên bang sẽ giao cho một Hội đồng các nước (Assemblée des Etats) và cho ông chủ tịch Liên bang.

Hội đồng các nước gồm có 30 đại diện Việt Nam, 10 đại diện Lào, 10 đại diện Mên và 10 đại diện quyền lợi Pháp. Hội đồng biểu quyết ngân sách, các món vay, luật lệ Liên bang ; thông qua các hiệp ước ký bởi Liên hiệp Pháp; và cùng chủ tịch Liên bang đề nghị luật lệ.

Ông chủ tịch Liên bang là ông cao ủy (haut commissaire) do chính phủ Pháp bổ. Ông chỉ là một người công chức của Liên hiệp Pháp, chứ không chịu trách nhiệm gì trước Hội đồng các nước, hoặc trước Quốc hội ta. Ông có thể cử một ông phó ủy và tự ý chọn các ông *vụ khanh* (chefs des services) và tất cả các công chức liên bang. Ông sẽ điều hòa, điều khiển mọi công vụ và ông giữ quyền thi hành luật lệ. Xem thế thì thấy rằng, tuy Hội đồng các nước có quyền có quyền biểu quyết, nhưng nếu không biểu quyết, hoặc nếu có biểu quyết mà ông cao ủy không chịu thi hành thì ông chủ tịch Liên bang, tức là ông cao ủy, và các ông vụ khanh đều vẫn bất di bất dịch.

Bên ta đề nghị rằng ông cao ủy chỉ là đại diện Pháp ở Việt Nam và ở Liên bang Đông Dương.

Còn quyền tối cao ở Liên bang sẽ thuộc một Hội đồng các nước, gồm có 30 người Việt, 10 người Lào, 10 người Mên, và 10 người Pháp. Hội đồng ấy bầu ra một ban thường vụ gồm có ba người Việt, một người Lào, một người Mên và một người Pháp. Chủ tịch ban thường vụ

thì cắt phiên nhau. Ban ấy thay Hội đồng trong khi Hội đồng không họp. Hội đồng hoặc ban thường vụ quyết nghị các luật lệ. Nhưng luật lệ sẽ phải có các Quốc hội thông qua rồi giao cho các nước thi hành. Hội đồng lại đặt ra các ủy ban chuyên môn để điều hòa sự thi hành và thu thập các tài liệu, và đề nghị các phương sách. Lúc phải điều đình với các nước ngoài về một việc liên quan đến Hội đồng các nước, thì phái bộ phải gồm có đại diện Việt Nam và phải hỏi ý kiến chính phủ Việt Nam.

2.- Hành chính Liên bang

Theo lời Pháp đề nghị thì chính phủ Liên bang sẽ gần giống chính phủ toàn quyền cũ với tất cả các công sở, trừ công sở chính trị. Chính phủ Liên bang ấy sẽ có tòa án Tây Liên bang; các sở y tế, cứu tế ; sở thương mại ngoài sở thống kê ; các sở vận tải bằng đường thủy, lục, không ; các hải cảng lớn ; các sở bưu điện, vô tuyến điện sở kiểm soát kiều dân ; các sở tài chính gồm : sở ngân sách, ngân khố, ngân hàng, thương chánh ; quan thuế ; sở phát hành và hối đoái (in và phát giấy bạc và thu phát tiền tệ ngoại quốc).

Trong các việc kể trên, có việc thì Liên bang điều khiển hoàn toàn, có việc thì Liên bang chỉ điều hòa mà thôi. Trong những việc bị điều khiển hoàn toàn, có tư pháp Liên bang, một phần vận tải, bưu điện, kiểm soát kiều dân, ngân sách, tài chính, quan thuế, phát hành và hối đoái.

Với quyền rộng và sâu như vậy, hành chánh Liên bang sẽ lấp hết hành chánh Việt Nam và Quốc hội ta sẽ mất hầu hết quyền một quốc hội.

Trái lại, ta đã đề nghị chỉ giao cho Liên bang những việc này : chính trị quan thuế, điều hòa các tiền tệ dùng trong Liên bang. Và, như đã nói trên, những luật lệ biểu quyết bởi Hội đồng các nước sẽ phải được Quốc hội các nước thông qua và sẽ giao cho chính phủ các nước thi hành. Hội đồng các nước chỉ có các cơ quan điều hòa mà thôi.

3.- Liên lạc trong Liên bang

Pháp đề nghị một tòa án tối cao (Cour suprême) để xử các việc xích mích ở giữa các nước hoặc ở giữa một nước và Liên bang, để

xử các sự tranh quyền ở giữa chính phủ Liên bang và chính phủ các nước ; nhất là để xét xem một đạo luật của một nước ban ra có trái với Hiến pháp Liên bang không. Quyền tòa án ấy to quá và có điều lo ngại nhất là nó lại thuộc vào tay những người chi phối bởi ông cao ủy.

Bên ta đề nghị một ủy ban, chia cân phần, để xử những sự bất hòa trong khi giải thích hay thi hành những hiệp ước hoặc luật lệ của Liên bang.

4.- Ngân sách Liên bang

Theo đề nghị Pháp thì Liên bang có ngân sách rất to, do Hội đồng các nước định và do các món thu lớn như quan thuế, thương chánh, cung cấp.

Còn theo ta thì ngân sách ấy bé và sẽ chia ra và bổ về từng nước trong Liên bang chịu.

5.- Kinh đô Liên bang. Ngôn ngữ công dụng

Pháp đề nghị rằng kinh đô liên bang sẽ ở

trong một lãnh thổ Liên bang cai trị và cảnh bị.

Về ngôn ngữ công dụng, Pháp đề nghị rằng ở giai cấp Liên bang thì chỉ dùng tiếng Pháp, còn về giai cấp mỗi nước thì dùng cả tiếng Pháp cả tiếng nước ấy.

Về vấn đề này thì ta chưa bàn đến, nhưng giả thử ta nhận tiếng Pháp là tiếng Liên bang và nhận các sở Liên bang nhiều và to như Pháp yêu cầu, thì hầu hết công văn sẽ làm bằng tiếng Pháp, rồi ra dân ta lại phải trở lại học bằng lối "kiếm gạo" như xưa.

Đ.- KẾT LUẬN

Trên đây là tóm các ý ở trong đề nghị của hai phái bộ Việt và Pháp ở Đà Lạt. Các ý không được đưa ra theo thứ tự trên. Phương pháp làm việc đưa từng vấn đề chi tiết ra bàn dần. Các vấn đề ấy, theo thứ tự thời gian, là:

- 1.- Ngừng chiến và gây bầu không khí chính trị thuận tiện.
- 2.- Ngoại giao của Việt Nam.
- 3.- Liên lạc Việt Nam với Liên hiệp Pháp.

4.- Vấn đề Liên bang (Pháp nêu vấn đề dân tộc thiểu số ở đây).

5.- Hợp nhất ba kỳ, trưng cầu ý các dân.

Vấn đề đầu bàn mất mười bốn ngày (20 tháng tư - 3 tháng năm) ở hai kỳ tiểu ban, và hai kỳ toàn ban.

Vấn đề ngoại giao do ta khởi xướng bằng công văn ngày 26 tháng tư, Pháp trả lời ngày 30 tháng tư và trả lời lại ngày 2 tháng năm, đưa ra bàn ngày 6 tháng năm.

Vấn đề Liên hiệp Pháp do Pháp khởi xướng bằng công văn ngày 29 tháng tư, ta trả lời ngày 2 tháng năm, và đem ra bàn ngày 8 tháng năm.

Vấn đề Liên bang do Pháp và ta trao đổi công văn ngày 10 tháng năm và đem ra bàn ngày 10 tháng năm.

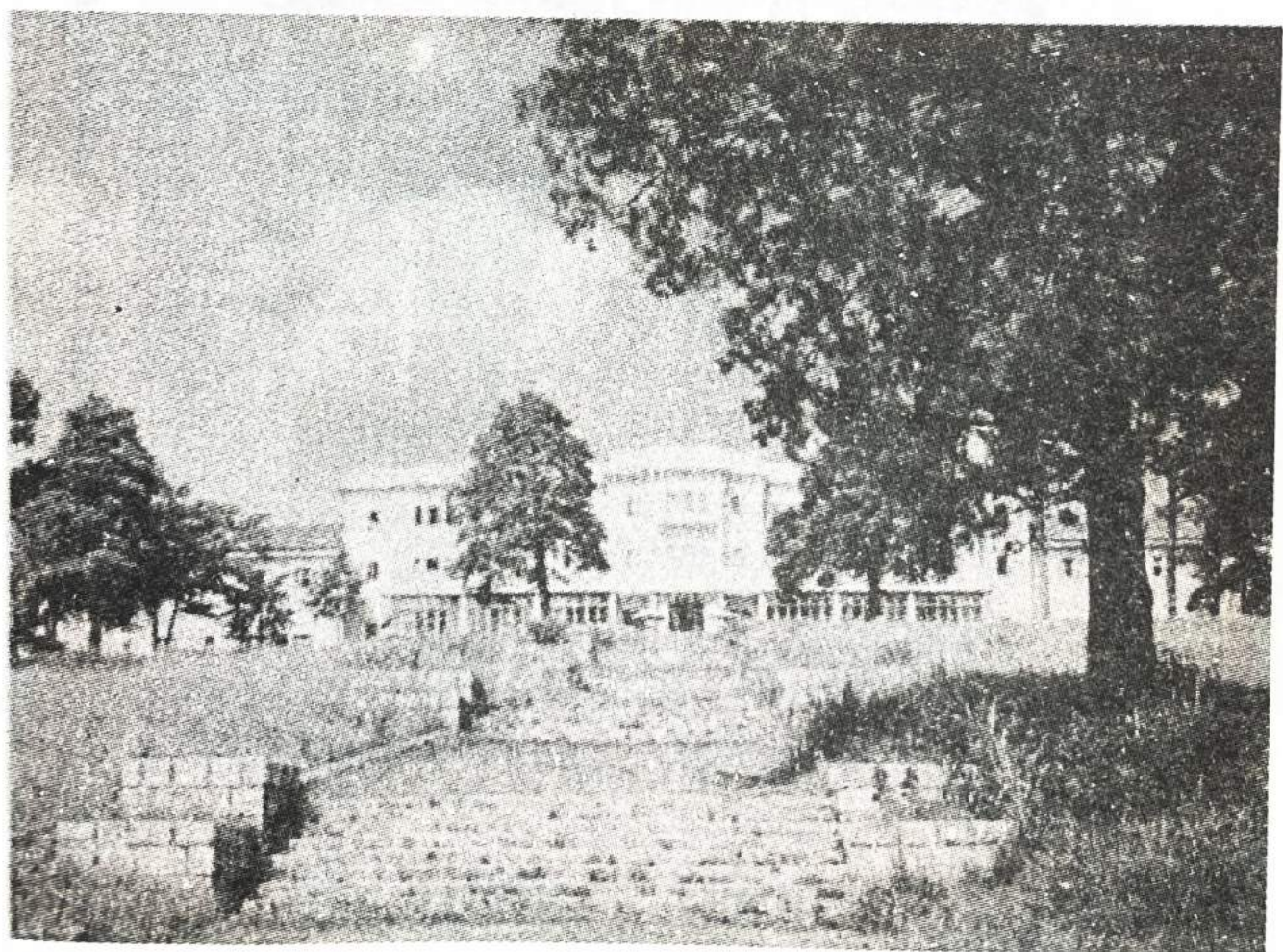
Vấn đề hợp nhất ba kỳ do ta khởi xướng bằng công văn ngày 10 tháng năm, Pháp trả lời ngày 11, và đưa ra bàn ngày 11 tháng năm.

Lập trường hai bên, nay đã rõ ràng. Sự khác nhau về nguyên tắc tuy nhiều, nhưng lúc đã giải quyết được thì sẽ dễ tìm đường gặp gỡ

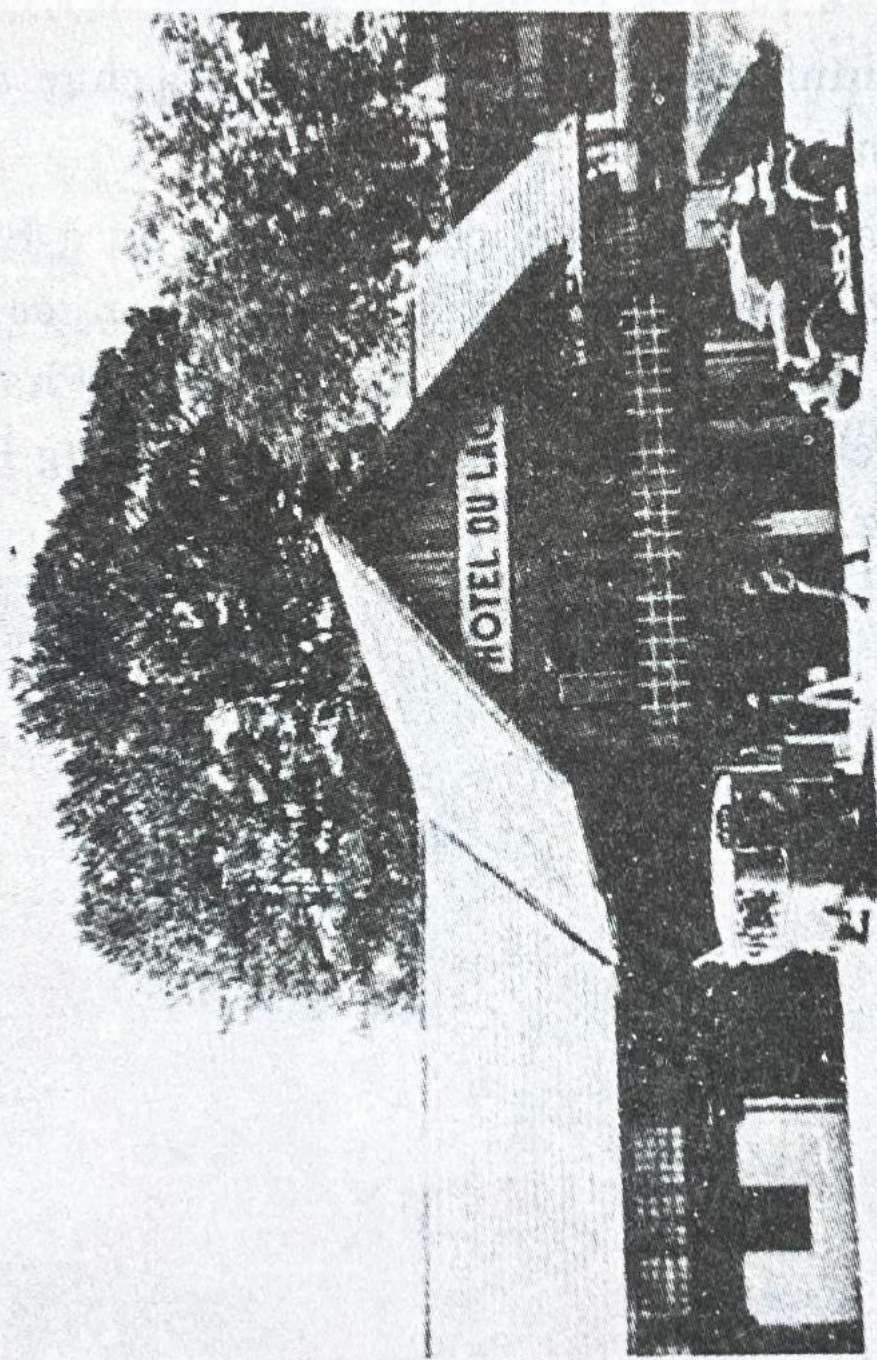
ở chi tiết. Sự khác nhau về trình độ thì nếu vui lòng thương lượng, sẽ cũng tìm ra chỗ nối.

Chính đó là công việc của nhà chức trách sẽ làm ở Hội nghị Ba Lê.

Ta chỉ mong sao cho hiệp ước ký ở Ba Lê sẽ dành quyền và lợi xứng đáng cho nước Việt Nam, một nước tự do trong Liên hiệp Pháp và có trách nhiệm lớn nhất trong Liên bang Đông Dương.



Khách sạn Palace (năm 1921)



Hotel du Lac (khách sạn đầu tiên tại Đà Lạt).

II

VẤN ĐỀ VĂN HÓA

Có năm vấn đề được nêu ra :

- 1.- Tiếng Pháp trong giáo dục Việt Nam.*
- 2.- Các trường Pháp ở Việt Nam.*
- 3.- Sự Pháp tham dự vào giáo dục Việt Nam.*
- 4.- Sự liên lạc về văn hóa.*
- 5.- Địa vị của các cơ quan khoa học lớn.*

A.- TIẾNG PHÁP TRONG GIÁO DỤC VIỆT NAM

1.- Tiếng Pháp tiếng công dụng

Phái đoàn Pháp đề nghị : "Tiếng Pháp sẽ là tiếng công dụng thứ hai ở nước Việt Nam".

Phái đoàn tra không chịu bàn và hai bên thỏa thuận đem vấn đề ấy ra tiểu ban chính trị.

2.- Sự dạy tiếng Pháp ở Việt Nam

Pháp đề nghị : "Sự dạy tiếng Pháp sẽ bắt đầu sớm để cho lúc lên các cấp trên, sinh viên mới biết đủ tiếng Pháp. Sẽ ký cùng đại diện Pháp ở Việt Nam những ước định bắt buộc dạy tiếng Pháp từ cấp nào".

Ta không nhận. Pháp lại đề nghị bớt như sau : "Tiếng Pháp sẽ dạy cho tất cả học trò từ năm đầu cấp trung học. Nếu có nhiều ngoại ngữ bắt buộc, thì tiếng Pháp sẽ là tiếng chính".

Ta không thay đổi đề nghị của ta đặt từ đầu là : "Tiếng Pháp sẽ là một trong những ngoại ngữ chính dạy ở trung học. Nếu trong một lớp nào có hai ngoại ngữ bắt buộc thì tiếng Pháp là tiếng chính".

Hai bên thỏa thuận.

B.- CÁC TRƯỜNG PHÁP Ở VIỆT NAM

Hai bên thỏa thuận về năm mục sau này :

1.- Nước Pháp có quyền tự do mở trên đất Việt Nam các trường tiểu, trung, đại học và kỹ nghệ (Theo lời đề nghị Pháp)

2.- Những trường ấy chỉ thuộc quyền kiểm soát của nước Pháp và người đại diện Pháp. Chính phủ Việt Nam chỉ kiểm soát phần chương trình dành riêng cho học sinh Việt Nam (Đề nghị Pháp ta chữa lại).

3.- Những chương trình công sẽ được áp dụng trong các trường Pháp mở (Đề nghị Pháp). Nhưng đối với học sinh trong mọi lớp, sẽ có chương trình phụ, về ngôn ngữ và văn chương. Việt Nam dạy một tuần lễ hai giờ, và chương trình sử ký và địa dư dạy một tuần một giờ (Ta thêm).

4.- Các trường Pháp cấp bằng Pháp (Đề nghị Pháp).

5.- Người Việt Nam được tự do học các trường ấy (Đề nghị Pháp).

Hai bên thỏa thuận về hai vấn đề sau

1- Pháp đề nghị : Nước Việt Nam bằng lòng để cho nước Pháp dùng một số nhà trường Pháp hồi trước.

Phái bộ ta nói không đủ tư cách nhận điều đó (vì đó là việc của chính phủ Việt Nam).

2- Ta đề nghị : Những trường Pháp được chính phủ Việt Nam cho phép mở ở Việt Nam phải dạy chương trình công của nước Pháp cùng chương trình phụ, đã nói trên, dành cho học trò Việt Nam. Nếu muốn dạy chương trình riêng gì thì chương trình ấy phải được chính phủ Việt Nam xem trước và cho phép, và chương trình ấy không được trái tinh thần của chương trình công của Pháp và Việt Nam.

Phái đoàn Pháp chưa thỏa thuận.

C.- SỰ PHÁP THAM DỰ VÀO GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hai bên thỏa thuận về hai điểm sau này :

1.- Nước Pháp để Việt Nam dùng những giáo sư Pháp, thuộc ngạch Pháp. với những điều kiện mà hai chính phủ sẽ định sau (Đề

ngợi Pháp). Phái đoàn ta thêm vào ở đầu câu: "Khi nào chính phủ Việt Nam yêu cầu".

2.- Nhất là hai chính phủ sẽ thương lượng để định có mấy môn và những gì để giao cho giáo sư Pháp (Đề nghị Pháp).

Pháp lại đề nghị : "Nước Pháp sẽ để Việt Nam dùng một người cố vấn giáo dục. Người ấy sẽ cùng với người đương chức Việt Nam xét những vấn đề quan liên đến liên lạc giáo dục của hai nước, và sẽ bày tỏ ý kiến đối với những vấn đề thuộc phạm vi mình mà người đương chức Việt Nam cho xét".

Phái đoàn Việt Nam đề nghị đổi chữ cố vấn ra *tùy viên* (attaché) và đưa vấn đề này sáp nhập vào vấn đề 7 của mục sau.

Hai bên chưa thỏa thuận.

D.- SỰ LIÊN LẠC VỀ VĂN HÓA

Hai bên thỏa thuận về bảy vấn đề sau này:

1.- Người Việt Nam đủ điều kiện của người Pháp, sẽ được vào học tất cả các trường đại học và viện khảo cứu của Pháp của Liên Hiệp Pháp. Người Việt Nam sẽ được thi các

bằng Pháp và thi các kỳ thi thạc sĩ. Người Việt Nam sẽ được vào các trường chuyên môn lớn Pháp (Đề nghị Pháp).

2.- Một bên chính phủ Pháp và một bên chính phủ Việt Nam có thể cấp lương du học ở Pháp. Những viện khảo cứu Pháp có thể cho phụ cấp khảo cứu cho những người Việt Nam xứng đáng (Đề nghị Pháp).

3.- Hai bên sẽ rất dễ dàng cho các nhà khảo cứu Pháp ở Việt Nam và nhà khảo cứu ấy sẽ do chính phủ mình giới thiệu (Ta chưa đề nghị Pháp). Pháp sẽ làm dễ dàng cho Việt Nam có thể mượn các nhà bác học Pháp giúp trong những cuộc khảo cứu khoa học. Các nhà bác học ấy có thể, nếu cần, đi làm việc ở Việt Nam. Những viện khảo cứu Pháp sẽ vui lòng nhận các điều mà Việt Nam nhờ khảo cứu (Đề nghị Pháp).

4.- Nước Pháp sẽ quan tâm đến việc lập các thư viện khoa học ở Việt Nam. Về phương diện chuyên môn, Pháp sẽ giúp Việt Nam tìm tòi và mua những từng thư khoa học. Pháp sẽ làm dễ dàng cho các trường Việt Nam có khí cụ khoa học, nhưng hai bên phải trao đổi lẫn nhau (Đề nghị Pháp).

5.- Về trao đổi văn hóa, hai bên sẽ làm cho thuận tiện bằng cách : sinh viên nước này sang du lịch nước kia, tổ chức những cuộc triển lãm để làm cho nước này hiểu văn hóa nước kia. Cũng trong mục đích ấy một ghé văn hóa Việt Nam có thể đặt tại Paris bởi chính phủ Việt Nam (Đề nghị Pháp). Chính phủ Việt Nam sẽ để cho chính phủ Pháp dùng những giáo sư Việt Nam dạy ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam (Đề nghị ta).

6.- Hai bên sẽ nghiên cứu về vấn đề tương đương của các bằng cấp Việt và Pháp.

7.- Pháp sẽ đặt một tùy viên văn hóa (attaché culturel) ở bên chính phủ Việt Nam, và chính phủ Pháp. Những người ấy thi hành các dự định nói trên (Đề nghị Pháp).

Phái đoàn Việt Nam đề nghị thêm : "Mỗi chính phủ có thể đặt một tùy viên giáo dục bên chính phủ kia để giải quyết những vấn đề về liên lạc giáo dục" ; đề nghị để thay đổi đề nghị Pháp số 2 ở mục C, phái bộ Pháp không bằng lòng.

Hai bên không thỏa hiệp.

D.- ĐỊA VỊ CỦA CÁC CƠ QUAN KHOA HỌC LỚN

Các cơ quan này chia làm ba hạng :

1.- Viễn Đông bác cổ và viện Pasteur.

2.- Sở lưu trữ công văn và các Thư viện. Sở địa học. Sở nghiên cứu nông lâm. Sở thiên lượng và đài thiên văn trung ương. Viện Hải học ở Nha Trang.

3.- Đại học Hà Nội.

Hai bên không thỏa thuận được một điểm nào cả. Phái đoàn Việt Nam nói rằng các vấn đề, các sở nói trên, phần nhiều là vấn đề nhà cửa, khí cụ, và sẽ do hai chính phủ thương lượng sau.

1.- Viễn Đông bác cổ và Viện Pasteur.

Về hai viện này phái đoàn Pháp viện lẽ rằng viện đầu thì thuộc quyền kiểm soát của Hàn lâm Pháp, viện sau thì sở hữu của viện Pasteur Paris, cho nên hoàn toàn đòi lại cả quyền tinh thần lẫn vật chất như xưa.

Phái đoàn Việt Nam bằng lòng lập lại

quyền tinh thần của các viện ấy, nhưng về vật chất, nhà cửa, khí cụ, thì đề nghị rằng Pháp và Việt Nam đều có quyền tới và được dùng chung. Ta viện cứ rằng, ngân sách viện bác cổ trước thuộc Đông Dương, sách vở, khí cụ, đồ cổ đều là của lấy ở Đông Dương phần lớn.

2.- Lưu trữ công văn và thư viện, v.v...

Phái đoàn Pháp nói rằng các công sở ấy, các nhà cửa, khí cụ, đều là của Liên bang, vậy phải được lập lại, ít nhất cũng bằng trước ngày 9 tháng ba 1945. Riêng về thư viện, thì Pháp hứa sẽ để sách ở Hà Nội.

Phái đoàn ta nói Sở lưu trữ công văn và Thư viện sẽ thuộc Việt Nam và sẽ dùng chung, còn các sở kia thì sẽ bàn ở tiểu ban kinh tế.

3.- Đại học Hà Nội

Phái đoàn Pháp nói : "Đại học ấy trước thuộc Liên bang, tổ chức theo đại học Pháp và do Đại học Paris kiểm soát. Việt Nam tự ý bỏ chế độ ấy. Chúng tôi sẵn sàng để ý đến những yêu sách của các ông, nhưng chúng tôi yêu cầu

các ông cho biết ý định về vấn đề ấy thế nào, để chúng tôi có thể tổ chức một nền đại học Liên bang".

Phái đoàn ta trả lời rằng trường Đại học Hà Nội sẽ vẫn là đại học Việt Nam. Còn về phương diện đại học Liên bang thì nghĩ rằng nên lập những viện khảo cứu tối cao, như thế sẽ hay cho ảnh hưởng của văn hóa Pháp hơn là lập lại đại học.

E. KẾT LUẬN

Trên đây tôi đã tóm tắt sự thỏa hiệp hay không thỏa hiệp của hai phái đoàn Pháp Việt ở Đà Lạt. Nét đại thể thì thấy không những nước Pháp muốn duy trì và bành trướng văn hóa Pháp ở Đông Dương, mà còn, về phương diện vật chất, làm một cách không tốn kém lắm (đòi các trường, các công sở). Phái đoàn Pháp lại muốn quên hẳn sự biến ngày 9 tháng ba 1945 (vin vào quyền ở hữu hay thuộc quyền mà đòi). Phái đoàn ta đã muốn dung hòa sự hiệp tác về văn hóa với nước Pháp và quyền sở hữu của một nước mới khác nước Việt Nam thuộc địa xưa.

Nói tóm lại, về phương diện tinh thần, ta đã nhận cho văn hóa Pháp hoàn toàn bành trướng ở xứ ta. Nhưng cái điều mà ta không bằng lòng là chỗ nó chạm đến chủ quyền một nước tự do. Ông chủ tịch tiểu ban văn hóa Pháp là ông Gourou đã nhiều lần nói : "*pour les questions culturelles, nous sommes des demandeurs*", nghĩa là : về vấn đề văn hóa, chúng tôi là những người xin. Ta cũng hiểu như vậy.

Thực ra Pháp còn có nhiều cách chi phối văn hóa ta rất mạnh, mà họ thừa biết, là về mặt kinh tế và chính trị, nhất là cách tổ chức Liên bang. Liên bang mạnh chừng nào thì nó sẽ hấp dẫn ta vào khối văn hóa Pháp mạnh chừng ấy. Cho đến chương trình giáo dục của ta lập cho một nước độc lập, cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của chế độ chính trị và kinh tế của Liên bang.

Ta mong đợi phái đoàn ở Pháp về, để biết thêm rõ những điều "xin" cuối cùng của Pháp.



Trương nữ Trung học Couvent des Oiseaux.

PHỤ LỤC

*Phần **Phụ lục** này nguyên là các bài báo của Luật sư Vũ Văn Hiến, Trần Văn Tuyên đăng trên báo **Dư luận** ngày 9-5-1946, Hà Nội, **Tập san Sư Địa** 23-24 năm 1971, Sài Gòn và bài diếu văn của GS Trần Văn Khê đọc tại lễ cầu siêu GS Hoàng Xuân Hãn tại chùa Trúc Lâm - Paris.*

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

VŨ VĂN HIẾN

Tại Hội nghị Đà Lạt, phái đoàn Pháp và phái đoàn ta đã đồng ý sẽ đem ra thảo luận những vấn đề kinh tế và tài chính sau đây :

- 1.- Vấn đề quan thuế.
- 2.- Vấn đề tiền tệ.
- 3.- Vấn đề các doanh sở của Pháp hiện có ở Việt Nam.

Phái đoàn Pháp còn nêu ra vấn đề "liên lạc tài chính giữa Việt Nam và Liên bang Đông Dương", nhưng ta báo vấn đề đó cần phải bàn cùng một thể với vấn đề Liên bang, nên tạm gác bỏ ra ngoài công việc của tiểu ban kinh tế và tài chính.

A.- VẤN ĐỀ QUAN THUẾ

Hai phái đoàn bàn cãi rất lâu về cách đặt vấn đề này : Pháp thì muốn bàn rộng tất cả vấn đề quan thuế và ngoại thương, còn ta thì cho rằng hội nghị chỉ có thể bàn đến sự giao thiệp về quan thuế và thương mại giữa Việt Nam với nước Pháp và giữa Việt Nam với Mên, Lào mà thôi.

Hai bên đã trao đổi ba công văn và đã thảo luận trong bốn phiên họp ngày 19, 20, 22, và 29 tháng tư 1946 của tiểu ban kinh tế và tài chính.

Pháp đề nghị rằng Việt Nam và các nước khác ở Liên bang sẽ hợp thành một khối liên hiệp quan thuế ; các nhà chức trách Liên bang sẽ điều khiển chính sách quan thuế và ngoại thương của khối ấy, định đoạt thuế xuất nhập cảng và tổ chức các sở thuế quan. Đại biểu Pháp nói rằng chính phủ Pháp không có ý lập lại một chế độ đặc biệt về quan thuế

cho Pháp quốc như xưa nữa và sẽ giao trả lại quyền quyết định cho chính phủ Liên bang ; nhưng trong những đề nghị của Pháp ta đã nhận thấy rõ ràng ý định của phái đoàn Pháp là giao cho tổ chức Liên bang điều khiển tất cả việc giao dịch của ta với nước ngoài.

Họ có nói rằng trong cách tổ chức Liên bang ta sẽ có "phần", nhưng phần đó là thế nào ta đã thấy rõ trong bản đề nghị của Pháp về Liên bang ⁽¹⁾, và trước khi nhận được bản đề nghị ấy ta cũng đoán được trước.

Lập trường của ta là phải dành quyền định đoạt về quan thuế và ngoại thương cho nước Việt Nam, nhưng ta vẫn sẵn sàng đặt những cơ quan liên lạc với Lào, Mên để cho chính sách của ba nước về quan thuế được nhất trí và để đặt ở giữa ba nước một chế độ đặc biệt khiến cho sự giao dịch được dễ dàng.

Sau cùng, hai phái đoàn cùng công nhận rằng nên để cho người và hàng hóa được tự do thông thương giữa Mên, Lào và Việt ; nên tìm cách để lập một luật lệ duy nhất về quan thuế và theo đuổi một chính sách quan thuế chung; mỗi khi có hiệp ước về quan thuế hay thương mại thì nên điều đình chung.

Nhưng ta không nhận giao cho Liên bang quyền tổ chức một sở quan thuế chung cho ba nước ; giao cho ngân sách Liên bang thu dụng thuế thương

(1) Xem "Vấn đề chính trị tại Hội nghị Đà Lạt" của Hoàng Xuân Hãn, *Dư Luận* số 6, ngày 26-5-1946 (ở phần trên).

chính. Hai bên cũng không đồng ý về quyền hạn và lối tổ chức cơ quan trung ương về quan thuế ; còn cách thức về sự điều đình chung các hiệp ước thương mại thì dành lại cho tiểu ban chính trị xét khi bàn đến vấn đề ngoại giao.

B.- VẤN ĐỀ TIỀN TỆ.

Công văn ngày 26 tháng tư 1946 của Pháp đề nghị :

1.- Một cơ quan phát phiếu của Liên bang (Institut fédéral d'émission) sẽ thay cho nhà Đông Dương Ngân hàng để phát hành một thứ giấy bạc chung cho Đông Dương ; Việt Nam sẽ tham dự vào sự quản lý cơ quan ấy.

2.- Đồng bạc Đông Dương hiện hành vẫn giữ nguyên làm đơn vị tiền tệ ; đồng bạc ấy sẽ ở trong khu vực đồng franc Pháp, nhưng sẽ không có sự liên lạc nhất định với đồng franc; các nhà chức trách Liên bang và chính phủ Pháp sẽ thỏa thuận để định giá đồng bạc tùy theo tình hình kinh tế và tài chính ở Đông Dương.

3.- Cả xứ Đông Dương sẽ chỉ có một sở hối đoái (office des changes) thuộc quyền Liên bang ⁽¹⁾

(1) Nhiệm vụ chính của một *office des changes* là đổi tiền trong nước ra tiền ngoại quốc và đổi tiền ngoại quốc ra tiền trong nước ; do đấy office des changes điều khiển giá cả của đồng tiền quốc gia và điều khiển tất cả sự giao dịch với nước ngoài.

4.- Sẽ đặt một Ngân khố Liên bang để quản lý và tập trung công việc về ngân khố giúp các nước trong Liên bang.

Phái đoàn Pháp viện những lý lẽ về chuyên môn để nói rằng như thế thì lợi cho ta và có như thế thì mới gây được sự thịnh vượng chung cho Liên bang Đông Dương. Nhưng ý định của họ cũng rõ ràng : tổ chức Liên bang sẽ giữ lấy cả quyền hành về tiền tệ và quyền điều khiển việc giao dịch với nước ngoài ; nhà Đông Dương Ngân hàng sẽ thay bằng một sở phát phiếu Liên bang.

Ta trả lời rằng những lý lẽ "chuyên môn" viện ra chỉ là những "cớ" không chắc chắn ; cái giá trị của nhà chuyên môn là phải tìm cách giải quyết một vấn đề mà không bỏ sót một dữ kiện (données) nào, chứ không phải là chọn một cách giải quyết giản dị mà gác bỏ ra ngoài những dữ kiện quan trọng.

Trong vấn đề này một điều kiện quan trọng cần phải để ý là : "Nước Việt Nam tự do, có nền tài chính riêng, thì phải có tiền tệ riêng và phải có quyền điều khiển tiền tệ của mình". Gác bỏ điều ấy ra ngoài và dùng những danh từ mới để giữ nguyên một tình thế cũ rích không phải là cách giải quyết vĩnh viễn vấn đề quan trọng đó. Mà nếu nước Việt Nam muốn có tiền tệ riêng, điều đó cũng dễ hiểu lắm : nước Việt Nam không muốn người ta lại có thể dùng đồng tiền của mình để trả lương quân lính đánh lại nước Việt Nam như bây giờ.

Phái đoàn ta không nhận Ngân khố Liên bang có quyền tham dự vào công việc của Ngân khố Việt Nam.

Còn về vấn đề tiền tệ thì ta đề nghị thanh toán số giấy bạc của nhà Đông Dương Ngân hàng hiện đương lưu hành. Pháp quốc hay cơ quan nào thế chân cho Đông Dương Ngân hàng sẽ tính và giao lại Việt Nam số giấy bạc của người Việt Nam theo thể thức sẽ thỏa thuận định sau.

Còn về tương lai, nước Việt Nam sẽ có tiền tệ riêng và sẽ tổ chức lấy cơ quan phát phiếu của mình.

Nhưng có sự liên lạc mật thiết về kinh tế giữa Mên, Lào và Việt, nên ba nước có thể thỏa thuận để giữ cho tiền tệ ở ba nơi cùng có một giá trị như nhau hay có một giá trị nhất định (đối với vàng) ; để hạn chế sự phát hành giấy bạc ; và ấn định số trữ kim hay đảm bảo khiến cho giá bạc ở ba nước so với nhau được vững. Còn đối với ngoài thì nước nào có sở hồi đoái riêng của nước ấy, nhưng nước nào cũng sẽ cam đoan theo một chính sách hồi đoái khiến cho tiền mình được ổn định.

Nói tóm lại, Pháp thì muốn tiền tệ độc nhất và hồi đoái độc nhất (*unicité de la monnaie et du change*), còn ta thì chỉ bằng lòng liên hiệp về tiền tệ mà thôi (*union monétaire*).

Ta gửi cho Pháp hai công văn, và ngoài công văn ngày 26 tháng tư 1946, Pháp còn trả lời ta bằng công văn ngày 2 tháng năm 1946. Sau khi đã thảo

luận ở tiểu ban kinh tế và tài chính trong hai phiên ngày 4 và ngày 7 tháng năm 1946, hai bên đã công nhận rằng không thỏa thuận được về khoản nào, để vấn đề lại cho Hội nghị Paris.

C.- VẤN ĐỀ CÁC DOANH SỞ CỦA NGƯỜI PHÁP HIỆN CÓ Ở VIỆT NAM

Về vấn đề này, ngày 2 tháng năm 1946, phái đoàn Việt Nam đưa cho phái đoàn Pháp một công văn nói rằng ta muốn đề nghị với Pháp lấy các doanh sở này để làm căn bản cho sự hợp tác chặt chẽ giữa hai dân tộc Pháp Việt về mai sau. Vì không muốn giữ cho sự hoạt động kinh tế của Pháp trên đất Việt Nam cứ phân tách thành một khối riêng biệt như từ trước tới nay, và vì muốn thanh toán những sự lạm dụng của quá khứ để mở một tương lai mới, nên ta yêu cầu :

- 1.- Xét lại quyền sở hữu về một số của cải đã chiếm đoạt một cách bất hợp pháp ;
- 2.- Bán lại cho người Việt một phần vốn đã đặt vào những doanh sở hiện có của người Pháp.
- 3.- Để người Việt Nam tham dự vào việc điều khiển và quản lý những doanh sở ấy ;
- 4.- Đặt một sự kiểm soát riêng để thi hành dần những điều kể trên ;
- 5.- Để quốc gia Việt Nam hưởng một phần lãi trong một số doanh sở như đồn điền, mỏ và công vụ.

Số vốn cần phải nhường lại cho người Việt, địa vị của người Việt trong sự quản lý và thời hạn để thi hành những điều ấy, v.v... sẽ do hai bên thỏa thuận.

Về phương diện ấy, ta sẽ đặc biệt chú ý đến hai thứ doanh sở : một là các đồn điền, mỏ, các sở có tính cách công vụ mà chủ quốc gia hóa ; hai là các kỹ nghệ then chốt và các sở quan trọng vì vốn nhiều, nhân công đông hay dùng nhiều động lực.

Mới đầu, phái đoàn Pháp có vẻ phân uất về đề nghị của ta và hôm họp toàn ban ngày 3 tháng năm 1946 họ kêu ta là muốn "bóc lột" người Pháp, ta muốn chiếm không của cải của họ, trái với luật quốc tế.

Trong công văn ngày 7 tháng năm 1946 họ lại công kích một lần nữa và yêu cầu :

1- Chính phủ ta phải trả lại nguyên vẹn như trước (*statu quo ante*) những của cải của người Pháp ; đền cho người Pháp những sự thiệt hại trừ những sự thiệt hại do oanh tạc Đồng Minh và do người Nhật gây ra thì không kể :

2- Chế độ những doanh sở và của cải của người Pháp chỉ có chính phủ Pháp mới có quyền thay đổi ; về phương diện này chính phủ Pháp sẽ vui lòng nhận những đề nghị của chính phủ Việt Nam ;

3- Người Pháp ở trên đất Việt Nam không thể chịu một cách trực tiếp hay gián tiếp một luật lệ, khe khắt hơn người Việt Nam hay chịu một sự phân biệt gì trong sự áp dụng luật lệ ấy.

Sau khi trao đổi ý kiến ở hai phiên họp tiểu ban kinh tế ngày 7 và 8 tháng năm 1946, mỗi phái đoàn vẫn giữ riêng lập trường của mình, nhưng hai bên đã hiểu nhau hơn về vài chỗ :

1.- Ta kể rõ cho Pháp biết một vài mảnh khoe của một số thực dân Pháp đã chiếm đoạt ruộng đất của dân quê ta ; vì thế nên phải xét lại quyền sở hữu của họ. Phái đoàn Pháp cũng đồng ý về chỗ đó nhưng bảo rằng đó là quyền riêng của chính phủ Pháp và sự xét lại ấy không được là một lệ chung mà chỉ áp dụng cho vài trường hợp riêng mà thôi. Ta đề nghị hai bên sẽ xét chung. Chưa thỏa thuận.

2.- Pháp không có ý yêu cầu lập một chế độ đặc biệt cho của cải của người Pháp trên đất Việt

3.- Ta không có ý chiếm đoạt của cải của tư nhân Pháp, và đối với tư nhân Pháp cũng như đối với người ngoại quốc khác ta sẽ áp dụng những nguyên tắc luật pháp mà các nước tân tiến vẫn áp dụng.

Riêng về vấn đề những sự thiệt hại của người Pháp thì ta không nhận nguyên tắc bồi thường, vì ta cũng bị thiệt hại như họ ; ngoài ra ta còn hai triệu người chết đói vào đầu năm 1945 vì chính sách đã áp dụng trước đây. Vả chẳng những sự thiệt hại kia chỉ là kết quả của chiến tranh giữa người Pháp với người Việt mà thôi.

Phái đoàn Pháp nhắc đi nhắc lại rằng về kinh tế, họ không muốn ta tìm cách "bẫy" (évincer) người Pháp ra ngoài và muốn giữ nguyên địa vị sẵn có của

họ, còn về những doanh sở sẽ lập về sau thì họ sẵn lòng hợp tác với ta.

D.- VẤN ĐỀ PHÁP THAM DỰ VÀO SỰ KHUYẾT TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Vấn đề này thỏa thuận chóng nhất : Pháp gửi cho ta công văn ngày 8 tháng năm 1946. Ngày hôm sau vấn đề đem ra bàn ở tiểu ban kinh tế và tài chính.

Pháp đề nghị giúp ta những nhà chuyên môn bằng lòng nhận người Việt vào các trường chuyên môn theo cách bình đẳng với người Pháp ; giúp ta để tìm thị trường ; chính phủ Pháp sẽ tìm mọi cách dễ dãi để tư bản Pháp sang kinh doanh ở xứ ta ; chính phủ Liên bang sẽ tổ chức một thị trường tài chính để huy động tư bản Việt Nam và các nước khác ở Đông Dương và lập các cơ quan tiết kiệm bình dân, v.v...

Trong bản đề nghị này, có nhiều chỗ nói đến quyền hành của chính phủ Liên bang.

Ta trả lời sẵn lòng nhận sự giúp đỡ của nước Pháp về chuyên môn, tài chính và kinh tế, nhưng chỉ nhận sự giúp đỡ ấy trong phạm vi luật lệ của Việt Nam và trong phạm vi các tổ chức của nước ta. Ta không chịu công nhận cho chính phủ Liên bang những quyền hành đặc biệt về phương diện này, vì hai bên vẫn chưa thỏa thuận về quyền hạn của Liên bang.

Đ.- KẾT LUẬN

Cũng như về phương diện chính trị, văn hóa và quân sự, về phương diện kinh tế và tài chính, trừ vài điều đại cương về vấn đề quan thuế, còn thì hai phái đoàn đã không thỏa thuận được về một khoản nào thiết thực.

Nhưng hai bên đã hiểu rõ ràng hơn lập trường của nhau. Đó là kết quả của Hội nghị trù bị Đà Lạt.

Ta phải công nhận rằng hai lập trường ấy còn rất xa nhau.

Muốn đi tới sự thỏa hiệp, tại Hội nghị đàm phán ở Paris còn phải làm việc và hai bên còn phải cố gắng nhiều nữa.

Phái đoàn Việt Nam đã luôn luôn cố gắng để có tới một vài điều thỏa thuận thiết thực hơn tại Đà Lạt.

Nhưng ta cũng phải thành thực công nhận rằng sự cố gắng ấy thường chỉ có ở bên phía chúng ta mà thôi.

Phái đoàn Pháp, nhất là trong những buổi họp sau cùng, đã luôn luôn giữ một thái độ cứng ngắt, không nhân nhượng.

Ông Max André, trước khi từ giả Hội nghị để về Paris, đã không ngần ngại mà tuyên bố rằng nước Pháp đã nhân nhượng rồi, bây giờ không thể nhân nhượng thêm được nữa, và những đề nghị của Pháp,

nếu có cần thay đổi, cũng sẽ chỉ có thể thay đổi về chi tiết mà thôi, chứ không thể thay đổi về toàn thể được.

Ta mong rằng lời tuyên bố ấy chỉ là một lời tuyên bố trong một hội nghị khi hai bên còn đương hăng hái bàn cãi.

Ta mong rằng "*nước Pháp mới*" hiểu biết tình thế ở đây hơn như thế, và nhất là hiểu biết rằng bây giờ cả hai mươi triệu dân Việt đã cùng đứng dậy để đòi quyền tự quyết.

Hiện nay dân Việt mong nước Pháp sẽ giữ lời hứa và coi nước Việt Nam như là một nước bạn gom sức với nước Pháp để tìm cách tổ chức lâu dài sự hợp tác giữa hai dân tộc.

Dân Việt không phải là một dân tộc chịu nhận những điều kiện một sự khuất phục nào.

Riêng về phương diện kinh tế và tài chính, sự hợp tác ấy chỉ có thể xây đắp trên sự hoạt động và tổ chức ở trong nước và chủ quyền của Việt Nam trong sự giao dịch với nước ngoài.

V.V.H

ÍT DÒNG NHẬT KÝ VỀ HỘI NGHỊ TRÙ BỊ ĐÀ LẠT 1946

TRẦN VĂN TUYÊN *

NGÀY ĐI

16-4-1946. Khởi hành ở Gia Lâm, 7 giờ 45 sáng.

Pháp cho mượn 2 chiếc máy bay JUNKER, 3 máy, cũ kỹ. Hai anh trưởng và phó phái đoàn (Nguyễn Tường Tam và Võ Nguyên Giáp) cùng đáp một chiếc, cất cánh sau. Bọn tôi đi chuyển đầu gồm Tạ Quang Bửu, Dương Bạch Mai, Kiều Công Cung tất cả 12 người.

* Luật sư Trần văn Tuyên là Đồng lý Bộ Ngoại giao của chính phủ Liên hiệp "Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa", khi Bộ Trưởng Ngoại giao là Nguyễn Tường Tam, ông phụ trách về nội vụ và lễ nghi cho Phái Đoàn.

Gần tới Paksé, gặp bão, nhưng trời nắng đều.

Tới Paksé lúc 11 giờ 20. Không ra thăm thành phố. Máy bay hai anh Tam, Giáp tới sau 20 phút.

12 giờ 30, máy bay chúng tôi cất cánh trước để đi Đà Lạt.

Tới trường bay Liên Khàng lúc 3 giờ chiều.

Có các ông Pignon, Davec, Brisson, và anh Lê Văn Kim, lúc đó đang làm tùy viên báo chí cho Đô Đốc D'Argenlleu Cao ủy Pháp, ra đón.

Thêm một nhà nhiếp ảnh Tiệp Khắc, một phóng viên Bỉ, cô Anna Lê Trung Cang, chủ nhiệm nhật báo *Điện Tín* ở Sài Gòn.

Đói, khát - Không có gì ăn uống. Ông Davec kiếm được mười quả "thanh lý" và một ấm nước con.

Chờ chuyến bay thứ hai đến để cùng về Đà Lạt. Nhưng mãi không thấy đến. Nhiều người lo ngại đã xảy ra chuyện gì bất trắc. Không liên lạc được với Paksé, cũng như không liên lạc được với Sài Gòn. Lo ngại càng tăng.

Đã có người lo sợ một "thủ đoạn" ác độc của người Pháp. Trời đã về chiều, chờ không được, sợ tối nguy hiểm, đành phải về Đà Lạt trước.

30 cây số đường rừng, giữa đồi núi và rừng thông trùng điệp.

Xe hỏng máy cách Đà Lạt 5 cây số.

Trăng mọc trên ngàn thông, bao phủ bởi sương trắng. Cảnh vật thật tuyệt diệu !

8 giờ tối mới về tới Đà Lạt.

Thành phố vắng tanh. Tối đen và yên lặng.

Mọi người về Hôtel "Du Parc". Riêng hai anh Trịnh Văn Bính và Dương Bạch Mai sang Hôtel Lang Blang.

Cơm đã dọn sẵn cho trên 30 người ăn. Nhưng mọi người chỉ ăn qua loa.

Mệt...

Hoang mang...

Bắn khoản về số phận của toán thứ hai, phần chủ yếu của phái đoàn.

Ăn cơm xong, các anh em họp lại trong buồng tôi. Đa số tỏ ý lo ngại.

Một số cho rằng, người Pháp chơi xấu, có thể hi sinh một chiếc máy bay và hai phi công, đâm máy bay vào núi. Thế là hết chuyện đàm phán. Vì họ đã thủ tiêu được những người lãnh đạo mà họ lo sợ nhất : Nguyễn Tường Tam, Ngoại trưởng chính phủ Liên hiệp, lãnh tụ cách mạng chống Pháp cực đoan (V.N.Q.D.Đ) và Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh quân đội giải phóng, Chủ tịch Quân ủy hội kháng chiến chống Pháp.

Có anh lo sợ cho số phận những người trong phái đoàn đã tới Đà Lạt. E ngại người Pháp bắt luôn tất cả và mang đi cầm tù. Anh Kiều Công Cung, đề nghị với tôi đưa cho mỗi người 100\$, xuống chợ mua mỗi người một chiếc xe máy, ngay đêm hôm ấy, băng về Phan Rang.

Một giờ sáng mới được tin chiếc máy bay thứ hai bị hỏng máy quạt, phải ở lại Paksé, chờ hôm sau dưới Saigon đem máy quạt lên thay mới tới được.

Hỏng máy thực hay là đòn tâm lý.

KHAI MẠC

18-4-1946. 9 giờ sáng, Phái đoàn Việt Nam họp sơ khởi để định cách làm việc và chỉ định người vào bốn tiểu ban : (Chính trị, Kinh tế, Tài chính, Quân sự).

Anh Hoàng Xuân Hân nghe phong thanh rằng Pháp sẽ cử Max André làm trưởng phái đoàn. Mọi người bất mãn ra mặt vì cho rằng Max André không đáng nói chuyện với ta, nhất là trước đó đã có tin Trưởng Phái đoàn Pháp sẽ là Cao ủy D'Argenlieu.

Thực ra Pháp vẫn chưa chánh thức mời Việt Nam họp, tuy rằng báo chí đã được Pháp thông báo sẽ có một phiên họp cộng đồng chánh thức, giữa hai phái đoàn vào hồi 10 giờ sáng.

11 giờ sáng : nhận được thiệp mời phái đoàn ăn cơm trưa.

11 giờ 55, Tướng Salan, cố vấn Pignon, Tổng thư ký phái đoàn Pháp Brisson, tới gặp Phái đoàn Việt Nam để đưa một thông điệp :

"Chiếu theo tập quán Quốc tế, Đô Đốc D'Argenlieu, Cao ủy Pháp tại Đông Dương phải chờ

đội phái đoàn Việt Nam đến vào hồi 10 giờ 45 để giới thiệu trưởng phái đoàn Pháp. Nay đã 11 giờ 45 mà không thấy Phái đoàn Việt Nam tới...

Trăng tráo quá ! Xỏ xiên quá ! Pháp có mời mình đâu mà mình đến. Thế là họ trách, có vẻ cho rằng mình không hiểu gì về tập tục "Ngoại giao Quốc tế"

Ba đại biểu Pháp chờ thư trả lời bên ngoài phòng họp.

Ta gửi thông điệp trả lời cho Pháp biết là phái đoàn Việt Nam lấy làm lạ mà thấy rằng Phái đoàn ta chưa hề được hỏi ý kiến về việc triệu tập buổi họp, cũng như về việc Max André thay thế Đô Đốc D'Argenlieu ở chức vụ trưởng phái đoàn Pháp.

Phái đoàn Việt Nam cũng cho Pháp biết tới 1 giờ sẽ đến ăn cơm, theo như giấy mời.

Khi đưa thông điệp trả lời cho người Pháp thì đã 1 giờ kém 10.

Tại bữa cơm, Đô Đốc D'Argenlieu tiếp đãi tử tế. Ăn cơm xong, ông ta móc túi lấy bản diễn văn ra đọc. Ông nói rất nhiều về chủ trương Liên bang Đông Dương của Pháp.

Theo quyết định của anh em, anh Nguyễn Tường Tam trả lời bằng tiếng Việt Nam. Anh Nguyễn Văn Huyền⁽¹⁾ làm thông ngôn.

(1) Ông Nguyễn Văn Huyền, và Nguyễn Mạnh Tường đều cùng phụ trách thông ngôn cho phái đoàn.

Vụ nói bằng tiếng Việt này làm cho Pháp hết sức ngạc nhiên. Sau này, trong một buổi họp khác, Đô Đốc D'Argenlieu đã mỉa mai những người Việt Nam vô ơn bạc nghĩa, ăn bánh mòn cả răng ở Paris, nay lại làm bộ không biết nói tiếng Pháp.

Thực ra, chúng tôi đã quyết định như vậy vì nhiều lý do thực tế :

- 1.- Tinh thần Dân tộc.
- 2.- Để người nói có thì giờ suy nghĩ.
- 3.- Và nếu cần, để người thông dịch viên sửa chữa những sơ hở của người nói.

Anh Tam ngỏ lời cảm ơn vị Cao ủy Pháp về sự đón tiếp, không trách móc về việc trực trực mời họp lúc ban sáng, tránh dùng chữ Liên bang Đông Dương, chỉ nói phớt qua vấn đề Liên hiệp Pháp.

Anh cũng khôn khéo nhắc tới việc Max André làm trưởng phái đoàn, ngỏ ý đòi hoặc để Đô Đốc D'Argenlieu làm trưởng phái đoàn hoặc nếu để Max André làm thì ông này sẽ không bị lệ thuộc Cao ủy Pháp (sợ ảnh hưởng của phe thực dân).

Pháp nhượng bộ chút ít, nhận đề nghị đó, hẹn vài hôm sau sẽ triệu tập một buổi họp khoáng đại tại trường trung học YERSIN và trưởng phái đoàn Việt Nam sẽ chủ tọa phiên họp đầu tiên, còn việc lôi thôi mời mọc ban sáng họ sẽ cử người dàn xếp.

ĐÀM PHÁN

24-4-46. Anh Phạm Ngọc Thạch một nhân viên của phái đoàn bị Pháp bắt ngày hôm qua. Ngay trước trụ sở phái đoàn Việt Nam, lúc một giờ trưa. Pháp cho rằng họ đã bảo trước cho chính phủ Hà Nội là không chấp nhận Thạch trong phái đoàn Việt Nam.

Anh Nguyễn Văn Sâm và Bùi Quang Tung ⁽¹⁾ bị trục xuất về Sài gòn. Pháp lấy cớ về vô tuyến riêng để liên lạc với Hà Nội.

Trước đó, người Pháp đã bảo cho phái đoàn Việt Nam biết rằng "Xin các ông đừng lấy làm lạ" khi thấy những chiếc xe hơi mà họ đã cho mượn tự nhiên ngừng chạy, vì muốn tiết kiệm dầu xăng.

Xe của phái đoàn chỉ được dùng trong một phạm vi nhất định (nghĩa là từ hôtel Du Parc tới hôtel Lang Blang cách nhau chừng 50 thước).

Để trả lời thái độ trẻ con đó, tôi đã bảo trả hết xe cộ lại cho họ.

Tôi phàn nàn với anh Trịnh Văn Bính, người giúp chúng tôi liên lạc không chính thức với phái đoàn Pháp. Anh Bính bảo : "Các anh cứ yên tâm,

(1) Trong bài của mình, GS Hoàng Xuân Hãn viết nhân vật này tên là "Bác sĩ Tung", nhưng Bùi Quang Tung không phải là Bác sĩ mà ông Tung là một nhà khảo cứu văn học, em ruột kĩ sư Bùi Quang Chiêu (BT).

đừng để cho họ thấy mình lấy làm ngạc nhiên và chú ý tới những việc chầm chọc này. Trước sau chúng ta vẫn bảo đây là trò hề kia mà ?"

9 giờ sáng, họp phiên khoáng đại. Pháp đề nghị giải quyết vấn đề Nam Bộ bằng cách lập một hội nghị khác mà nhiệm vụ chánh yếu là nghiên cứu việc đình chiến (Khi đó chỉ mới có Nam Bộ kháng chiến).

Phái đoàn Việt Nam tuyên bố ngưng họp để chờ hội ý Chính phủ.

— Có tin Pháp gửi đại tá Nguyễn Văn Xuân sang Pháp.

Báo chí ở Paris và Saigon công kích phái đoàn Việt Nam dửng dối về việc vi phạm "Nghị lễ" và việc "Học đại học Paris mà giả bộ không nói được tiếng Pháp", và cho đó là một thái độ trẻ con. Họ còn kêu rao "Không biết Việt Nam muốn gì?"

Báo chí Pháp cũng công kích chánh sách của Pháp, cho là khiếp nhục. Các báo *Populaire*, *Avenir* ở Saigon thóa mạ những "Yêu sách hỗn xược" (Revendications insolentes) của bọn : Bắc Kỳ (Tonkinois), đòi Pháp cho Nam Kỳ tự trị, chửi bới cố vấn Vĩnh Thụy (được chính phủ Việt Nam chỉ định cầm đầu một phái đoàn sang Trùng Khánh, gọi ông là một tên "phản bội hoàn toàn (le parfait des traitres).

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

3-5-1946. 3 giờ chiều họp đại hội cộng đồng, 2 phái đoàn Việt - Pháp.

Anh Hồ Hữu Tường ngao ngán ghé tai tôi nói "Khổ lắm" !

Anh Nguyễn Văn Huyền cười và bảo với tôi "Thắng lợi rồi".

Anh Nguyễn Tường Tam cho rằng Pháp đã "chịu nhượng bộ".

Pháp nhượng bộ ?

Nhượng bộ đó, là việc thành lập một ủy ban hỗn hợp ở Đà Lạt rồi sau đó về Hà Nội làm việc, nhưng không được vào Nam. Nhiệm vụ của ủy ban sẽ là : nghiên cứu vấn đề đình chiến và tạo không khí thân thiện.

Phía bên ta chỉ định ba người tham dự :

Dương Bạch Mai

Tạ Quang Bửu

Kiều Công Cung

Thắng lợi ?

Thắng lợi gì ?

Mình đòi cử một "ủy ban đình chiến" vào trong Nam để dàn xếp và thảo luận mọi thể thức ngưng chiến.

Họ chỉ chấp nhận một "ủy ban nghiên cứu" tại Hà Nội.

Nếu cứ thắng lợi như thế này thì chắc đâu có thể dàn xếp gì được !

Anh Tam kể chuyện nằm mộng thấy, một con thiêu thân và một giọt nước đường.

Con thiêu thân muốn hút nước đường, nhưng ngập ngừng không dám. Một con nhện sa xuống nuốt con thiêu thân.

Không thấy một con chim sa xuống nuốt con nhện, và người cầm nỏ bắn con chim !

Giấc mộng, oái oăm thay !

Buổi trưa, anh Võ Nguyên Giáp mời ăn cơm. Đã từ lâu chúng tôi không gặp riêng nhau để nói chuyện. Kể chuyện cũ, nhắc tới những người bạn chung còn hay đã mất, nhắc lại những kỷ niệm về chị Minh Thái (Vợ anh Giáp, chết trong tù của Pháp, trong khi anh sống ở Trung Hoa).

Anh thực thà nhận có phần lỗi vì không thường gặp tôi để biết rõ tình thế, để đến nỗi có những chuyện "hồ nghi". Anh khuyên tôi hãy trở về hàng ngũ các anh em tranh đấu, và biết tôi thích đọc sách, anh hứa sẽ cho mượn ít quyển sách vừa mới nhận được.

Câu cuối cùng của anh là câu tiếng Pháp "Alors, tu restes mon ami ?" (Anh vẫn là bạn tôi chứ ?)

Chúng tôi siết tay nhau, lần chót. Từ đó, mỗi kẻ một đường !

T.V.T

***Thương tiếc G.S Hoàng Xuân Hãn
Một người Thầy, sau trở thành
bạn vong niên.***

TRẦN VĂN KHÊ

Tôi biết tên G.S Hoàng Xuân Hãn từ lúc còn là sinh viên Đại học Hà Nội. Lúc ấy, tôi chỉ biết Giáo sư đậu bằng Thạc sĩ toán học, Tốt nghiệp trường Bách khoa Paris, một "đại trí thức" thời bấy giờ...

Về con người trong chánh giới, cũng như về nhà văn hóa lớn của Việt Nam rất có công trong việc nghiên cứu và biên soạn những sách về *Danh từ khoa học*, về văn học lịch sử, chắc có những chánh khách, văn nhân và sử gia sẽ viết lại. Tôi chỉ muốn ghi lại đây, công ơn của G.S Hoàng Xuân Hãn giúp tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu âm nhạc, và nhiều

thành quả tôi thu thập được phần lớn nhờ sự dìu dắt, chỉ dạy và gợi ý của Thầy Hân... Đối với tôi chỉ có danh từ "*guru*" của Ấn Độ mới có thể chỉ đúng người Thầy như Thầy Hân vì chẳng những Thầy trao cho kiến thức mà còn vạch một con đường, một hướng đi, và bằng tấm gương sáng của Thầy dạy cho tôi một cách nhìn đời, nhìn người và xử thế.

Năm 1952, tôi đã ghi đề tài "*Âm nhạc truyền thống Việt Nam*" để soạn luận án Tiến sĩ Văn chương tại Đại học Sorbonne, Paris. Lúc ấy tôi phải đọc những sách viết bằng chữ Hán, mà Hán học của tôi chưa đủ để làm công việc ấy.

Lúc ấy G.S Hân đang ở trọ nhà em của G.S là BS Hoàng Xuân Mãn. Khi biết tôi soạn luận án Tiến sĩ về âm nhạc truyền thống Việt Nam. G.S rất vui và sẵn lòng, mỗi tuần gặp tôi trong đôi ba tiếng đồng hồ để giúp tôi đỡ mất thì giờ tra từ điển, và hiểu rõ các đoạn lịch sử Việt Nam có liên quan đến âm nhạc.

"*Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư*", người dạy mình nửa chữ cũng là Thầy, huống chi Giáo sư Hân chẳng những giảng rành rọt về những chữ khó như chữ "*Văn*" trong âm nhạc mà Cụ Nguyễn Trãi đã dùng, như chữ "*Cấu*" tên một nhạc cụ trong ban Đại nhạc đời Trần ghi trong quyển "*An Nam Chí Lược*" của Lê Tắc, Thầy còn khuyên tôi nên đọc những quyển khác, như *Lê triều Hội điển*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, và nhất là *Bộ Đại*

Nam hội điển sự lệ. Khi đến quyển thứ 99, Thầy Hân đã đọc và giảng cho tôi trong gần hai tháng trời để tôi viết thành chương *Lễ nhạc* cung đình dưới triều Nguyễn.

Nhiều lúc *Thầy giảng cho tôi một chữ mà gọi cho tôi cả một đường hướng nghiên cứu*. Khi bàn đến danh từ dùng trong ca trù như "*hát thống cung Huỳnh, hát đồn Đại thạch*", mà có nơi cũng gọi là "*Đại thực*". Tra từ điển, Thầy Hân nói với tôi "*Đại thực*" cũng có nghĩa là Á Rập. "Anh thử xem nhạc Á Rập có ảnh hưởng chi đến nhạc Việt Nam chăng?" Thầy đã gợi ý cho tôi như thế... Nhờ Thầy Hân chỉ hướng đó mà đến nay tôi có thể giải thích và chứng minh tại sao nước Việt không có "sa mạc" mà lại có cách ngâm thơ theo "điệu sa mạc" và về mặt nhạc học có điểm tương đồng giữa "*hơi sa mạc*" và "*maqam Sika*" của Á Rập và "*dasgah Segah*" của Ba Tư.

Thầy bảo tôi đừng gọi *Thầy* là Ông, là Thầy nghe nó xa xách quá. Thầy và phu nhân bao lần bảo tôi gọi là Anh, Chị. "Cung kính bất như phụng mạng". Tôi gọi Thầy Hân và phu nhân là Anh Chị Hân từ hơn hai chục năm nay. Anh chị Hân là những người bạn vong niên đã giúp tôi rất nhiều về mặt tinh thần lẫn vật chất trong công việc nghiên cứu.

Qua những câu chuyện khi gặp Anh tại tư gia, hay những lúc được Anh Chị cho cùng đi nghỉ hè tại

Dã thụ Cam tuyên. Tôi vô vùng cảm phục con người *dám lãnh trách nhiệm khó khăn* trong lúc nước Việt Nam còn chập chững trên con đường tìm lại độc lập, đã gặp những chánh khách Việt Pháp để bàn việc nước, và trong những lời khuyên của Anh, lúc nào Anh cũng đặt *quyền lợi đất nước và dân tộc lên trên tất cả cá nhân hay bè phái*.

Anh đã giúp ích cho nước nhà từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ. Khi thấy không còn có thể cộng tác mật thiết với một chánh thể hay một chánh quyền, anh quay về dân tộc. Sau khi nội các Trần Trọng Kim từ chức, Anh đi khắp đường phố Hà Nội để cứu vớt những sách tàn giấy cũ bằng chữ Hán bị vứt đi vì dân chúng cho rằng sách chữ Hán đã "lỗi thời", vứt đi vì không biết giá trị của nó. Anh đã cứu rất nhiều tài liệu quý giá về văn học, chánh trị v.v...

Anh lại nêu gương rất rõ việc *học của người mà làm cho mình*. Tây học đến mức tuyệt cao Thạc sĩ Toán pháp. Tốt nghiệp trường Bách khoa Paris, anh lại chuyên về Hán Nôm và ngoài việc viết cuốn sách *Danh từ khoa học* giúp cho việc dạy khoa học bằng tiếng Việt, anh còn viết những quyển khác về văn học hay lịch sử các nhân vật Việt Nam.

Anh làm việc gì không vì danh, hay vì lợi, chỉ vì tình đối với đất nước và dân tộc Việt Nam. Sưu tầm, nghiên cứu, viết sách, viết báo để phổ biến những điều đã thu thập được.

Khi nghĩ rằng con đường anh đi đúng theo chánh nghĩa, thì không màng đến tiếng thị phi. *Lúc nào cũng như người trượng phu*. "hành thiên hạ chi đại đạo, lập thiên hạ chi chánh vị. Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất".

Không đảng phái, không nịnh bợ, không lòn cúi,
Tôi đã noi gương Anh trong công việc làm cũng
như trong cách xử thế.

Trên đời có sanh có tử theo luật vô thường.

Nhưng không sao ngăn được lòng quý thương
tiếc mến Anh. Một người tuổi tuy cao mà vẫn còn
minh mẫn, trí nhớ bao việc xưa còn đầy đủ, còn có
thể giúp rất nhiều cho những người nghiên cứu về
lịch sử Việt Nam, nhất là về khoa Hán Nôm...

Xin kính chúc hương hồn anh tiêu điều nơi cõi
thọ, và thân thiết phân ưu cùng tang quyến.

Anh đã tròn sứ mạng làm người, làm dân nước
Việt, đã đóng góp rất nhiều trong lĩnh vực chánh trị,
khoa học và văn hóa. Anh sẽ sống mãi trong tình
kính thương quý mến của dân tộc Việt Nam.

Xin được phép ghi lại đây bài thơ tôi phụng họa
bài thơ anh viết để cảm ơn các bạn mừng lễ bát
tuần của Anh.

Bài thơ của Anh Hoàng Xuân Hãn

Đáp lời mừng Thọ

*Tuổi tác nay vừa chẵn tám mươi
Đời ta ngắm lại lắm khóc cười
Thương tâm bốn trận binh đao thảm
Mơ mộng nhiều phen vận hội tươi
Bọt nước hư danh mình chẳng bận
Gốc nhà cố giữ chí không lùi
Tri âm chẳng lựa so già trẻ
Xin đãi lòng son cảm tạ người.*

Phụng họa bài thơ của Anh Hân trước kia để kính mừng thượng thọ của Anh hôm nay để tưởng nhớ một người bạn vong niên, tuy đã già từ dương thế, mà vẫn sống mãi trong lòng chúng ta.

*Mừng chúc Anh vừa thọ tám mươi,
Tuổi tuy chồng chất vẫn vui cười.
Ruộng vẫn gieo lắm mầm xinh đẹp,
Vườn sù trồng nhiều cây tốt tươi.
Lúc khỏe sưu tầm luôn rất bận,
Khi đau nghiên cứu vẫn không lùi.
Suốt đời tận tụy vì dân tộc,
Sống được như Anh dễ mấy người*

Kính họa **TRẦN VĂN KHÊ**

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CÁC PHÁI VIÊN VÀ CỐ VẤN CỦA PHÁI ĐOÀN THAM GIA HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT NĂM 1946

Nguyễn Q. Thắng soạn

1. Nguyễn Tường Tam : (1905 - 1963) : Trưởng đoàn, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam DCCH, nhà văn, bút hiệu Nhất Linh ; nguyên quán tỉnh Quảng Nam, sinh tại Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thuở nhỏ ông học tại Hà Nội, lớn lên sống và làm việc tại đây. Du học Pháp, tốt nghiệp cử nhân khoa học năm 1930, về nước không làm công chức, dạy tại trường Trung học tư thực Thăng Long.

Sáng lập viên báo *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, thành lập *Tự lực văn đoàn*, *Hội Ánh Sáng* nhằm chống nhà ổ chuột, xây dựng nhà *Ánh sáng* tại bãi Phúc Xá cạnh sông Hồng làm kiểu mẫu giúp dân nghèo có nhà ở hợp vệ sinh.

Ông là người thành lập đảng *Hưng Việt*, sau đổi thành *Đại Việt Dân chính*, bị Pháp bắt. Sau Cách mạng tháng Tám tham gia *Ci-hinh* phụ liên hiệp kháng chiến, giữ chức Bộ trưởng ngoại giao, được

chính phủ cử làm Trưởng Phái đoàn Việt Nam dự hội nghị trù bị Đà Lạt.

Sau hội nghị này ông cũng được đề cử làm Trưởng phái đoàn sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau, nhưng ông không phó hội được vì lí do sức khỏe (Phó trưởng đoàn Phạm Văn Đồng thay ông làm Trưởng đoàn).

Sau ngày toàn quốc kháng chiến ông lánh sang Trung Hoa. Năm 1950 về nước ẩn cư ở Đà Lạt, năm 1957 xuống ở Sài Gòn, năm 1963 ông bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt đưa ra tòa. Ngày 8-7-1963 ông uống thuốc độc quyên sinh.

Ông là tác giả nhiều tiểu thuyết có giá trị hồi tiền chiến : *Nho phong, Người quay tơ, Đoạn tuyệt, Lạnh lùng...*

2. Võ Nguyên Giáp : (1912 -) Phó đoàn, Chủ tịch Quân ủy hội kiêm Trưởng ban Quân sự phái đoàn, Đại tướng, Bộ trưởng Nội vụ (1946), Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và dân quân Việt Nam, ủy viên Bộ chính trị Đảng Cộng sản Đông Dương (Việt Nam). Sinh quán làng An Xá, huyện Lộc Thủy, tỉnh Quảng Bình, tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, một thời gian làm cộng tác viên báo *Tiếng Dân* ở Huế, sau ra làm báo và hoạt động ở Hà Nội.

Những năm 40 sang hoạt động ở Trung Hoa, ông là người đầu tiên chỉ huy Đội võ trang tuyên

truyền Việt Nam (tiền thân Quân đội nhân dân Việt Nam).

Sau Cách mạng tháng Tám ông là Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Nghệ An, từng giữ chức Bộ trưởng Nội vụ, Chủ tịch Quân ủy hội trong chính phủ lâm thời năm 1945, rồi Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia, Bộ trưởng Quốc phòng trong suốt hai cuộc kháng chiến và là linh hồn của quân đội kháng chiến Việt Nam, tên ông được nhiều sách vở quân sự thế giới nhắc tới. Ông vẫn còn sinh sống và hoạt động tại Hội Nội.

Tác phẩm của ông : *Vấn đề dân cày, Từ nhân dân mà ra, Những năm tháng không thể nào quên, Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ, Những chặng đường lịch sử...*

3. Vũ Văn Hiến : (... - 1966) *Tổng thư kí phái đoàn, Luật sư Tiến sĩ, quê huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Xuất thân trong một gia đình bản nho, mồ côi cha ngay từ nhỏ, được bà con nuôi cho ăn học đến đỗ tú tài. Từ đó tự mưu sinh học tập, đỗ cử nhân Luật Hà Nội rồi được học bổng du học Pháp, đậu Tiến sĩ luật khoa năm 1939. Tốt nghiệp gặp lúc đại chiến thứ II bùng nổ, ông lên đường về nước ngay. Về đến Hà Nội ông cùng các bạn vận động thành lập báo Thanh Nghị, từng làm trợ tá giám đốc Nha Tài chánh Đông Dương một thời gian. Sau đó ông từ chức, tập sự Luật sư rồi mở văn phòng riêng ở Hà Nội.*

Sau đảo chánh 9-3-1945, tham gia *Hội đồng cải cách Tư pháp, Tài chánh* (do vua Bảo Đại mời), tại Huế, rồi được vời tham gia nội các Trần Trọng Kim, giữ chức Bộ trưởng bộ Tài chánh. Sau ngày tổng khởi nghĩa tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt, toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) ông bị Pháp bắt tại Hà Nội một thời gian. Sau khi được trả tự do, ông vào Sài Gòn mở văn phòng luật sư, không tham gia tổ chức chánh trị nào, ông mất khoảng năm 1966 tại Sài Gòn.

Đương thời ông là thành viên trong Ban Biên tập và cũng là tác giả chính của báo *Thanh Nghị* (Hà Nội). Ngoài ra, ông là một luật sư nổi tiếng về các vụ án chính trị, tài chánh và cũng là tác giả một số sách phổ thông về kinh tế, tài chánh (do nhà Vĩnh Bảo xuất bản ở Hà Nội và Sài Gòn trước đây).

4. Hoàng Xuân Hân : (1908-1996) *Trưởng ban Chính trị, Giáo sư*, quê làng Bình Lỗ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Thuở nhỏ học ở Vinh, Hà Nội, du học Pháp, từng đỗ các văn bằng *Thạc sĩ Toán học, Kỹ sư cầu cống, Kỹ sư nguyên tử lực, tốt nghiệp trường Polytechnique, Paris*. Ông là *nhà sử học, Hán Nôm, nhà Giáo dục...* tác giả nhiều công trình nghiên cứu khoa học, văn học, sử học, lịch học... có tâm cơ của lịch sử văn hóa Việt Nam, sáng lập viên báo *Khoa học*, giáo sư trưởng Bưởi, Đại học Hà Nội.

Năm 1945 làm *Chủ tịch hội đồng Cải cách giáo dục* (do vua Bảo Đại mời), cùng lúc giữ chức Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Mĩ thuật trong nội các Trần Trọng Kim. Trong thời gian ngắn với cương vị Bộ trưởng Giáo dục, ông đã cho soạn thảo và ban hành một "*chương trình Trung học Việt Nam*" đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam. Cùng thời điểm này, bộ Giáo dục cũng đã tổ chức được một kì thi *Tú tài Việt Nam* đầu tiên.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông rút lui khỏi chính trường, về Hà Nội làm công tác văn hóa, giáo dục. Năm 1946 tham gia phái đoàn Đà Lạt, rồi ngày 19-12-46, mặt trận Hà Nội vỡ, ông bị Pháp bắt giam một thời gian (với lí do bảo vệ an ninh cá nhân). Năm 1950 ông sang định cư tại Pháp cho đến ngày qua đời (tháng 3-1996).

Ông là tác giả các sách : *Danh từ khoa học, Lịch và lịch Việt Nam, La Sơn Phu tử, Lí Thường Kiệt, Chinh phụ ngâm bị khảo, Một thiên tình sử Hồ Xuân Hương, Đại Nam Quốc sử diễn ca...* và nhiều bài khảo cứu văn học, sử học... rất có giá trị.

5. Nguyễn Mạnh Tường : (1909-) *Trưởng ban văn hóa, Tiến sĩ văn chương, Tiến sĩ Luật*, sinh tại Hà Nội, nguyên Giáo sư trường Trung học Bảo hộ, Hà Nội.

Thuở nhỏ học trường Paul-Bert, Albert Sarraut, năm 1927 du học Pháp, năm 1932 đỗ Tiến sĩ Văn chương, Tiến sĩ Luật khoa tại Đại học Montpellier

và Paris. Năm 1936 về nước dạy tại trường Trung học Bảo hộ, trường Cao đẳng Công chánh Hà Nội.

Năm 1945, tham gia Hội đồng Cải cách giáo dục tại Huế (do Bảo Đại mời).

Sau Cách mạng tháng Tám tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt, tại hội nghị ông có tuyên bố một câu bất hủ : *Nam Bộ est la chair de notre chair et le sang de notre sang* (*Nam bộ là thịt của thịt chúng tôi, máu của máu chúng tôi*). Rồi toàn quốc kháng chiến ông tản cư vào khu 3, rồi khu 4. Hòa bình lập lại (1954) ông trở về Hà Nội, có chân trong Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội. Năm 1957 ông đọc một tham luận về ý nghĩa luật pháp trong xã hội đã gây nên một tiếng vang lớn đối với sinh hoạt văn hóa hồi đó.

Hiện nay ông còn sống tại Hà Nội.

6. Dương Bạch Mai : (1905-1964) *Phái viên*, quê tỉnh Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu).

Thuở nhỏ ông học ở Sài Gòn, du học Pháp, tham gia *đảng Việt Nam độc lập* rồi *đảng Cộng sản Pháp*. Khoảng năm 1929 ông sang Mạc Tư Khoa vào học trường *Đại học Đông Phương Staline*, sau đó trở về Pháp sinh hoạt chính trị.

Năm 1932 ông về sống và hoạt động ở Sài Gòn, cộng tác với các báo *La Cloche fêlée*, *La Lutte*, *Mai*, *Dân quyền*... Năm 1936-1937 ông bị Pháp bắt ra tòa, rồi bị cưỡng bức cư trú ở Cần Thơ, Tân Uyên (Biên Hòa cũ).

Năm 1945, ông phụ trách công tác an ninh trong *Lâm ủy Nam bộ, Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bà Rịa*. Sau khi tham gia hội nghị Đà Lạt, hội nghị Fontainebleau về, ông ra công tác ở trung ương. Năm 1957, ông là ủy viên chính thức Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ông mất năm 1964 tại Hà Nội, hưởng dương 59 tuổi.

7. Phạm Ngọc Thạch : (1909-1968) *Phái viên, Bác sĩ Y khoa*, thường gọi là *Tư Đá*, sinh năm 1909 tại Quảng Nam, con trai Giáo học Phạm Ngọc Thọ, cháu nội án sát Phạm Ngọc Quát.

Sáng lập viên rồi làm thủ lãnh *Thanh niên Tiền Phong* ở Sài Gòn, du học Pháp, đỗ tiến sĩ Y khoa. Sau về nước không làm công chức, mở phòng mạch tư, tham gia hoạt động chính trị từ thời tiền chiến.

Năm 1945 giữ chức Ủy trưởng ngoại giao trong *Lâm ủy hành chánh Nam Bộ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Sài Gòn Gia Định...* Trong kháng chiến chống Pháp có lúc ông làm Bộ trưởng Bộ Y tế, Vệ sinh (1945, 1959). Những năm 60 ông vào Nam, tham gia đánh Mĩ ở chiến trường Nam Bộ, ông hi sinh ngày 7-11-1968 tại miền Đông.

Ông là tác giả nhiều công trình nghiên cứu y học (phần lớn viết bằng tiếng Pháp).

8. Bùi Công Trừng : (1905 - 1986), *Phái viên,*

Nhà hoạt động chánh trị, quê tỉnh Thừa Thiên, thoát li hoạt động cách mạng từ hồi còn rất trẻ, bị Pháp bắt nhiều lần, ông từng học ở trường *Đại học Đông phương Staline* ở Mạc Tư Khoa. Sau khi về nước hoạt động ở Sài Gòn, từng làm *Bí thư xứ ủy Nam Kỳ* Đảng Cộng sản Đông Dương trước năm 1945.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến ông ra công tác ở chiến khu Việt Bắc, hòa bình lập lại, ông là Ủy viên dự khuyết ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Thứ trưởng Bộ kinh tế, Phó chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước.

Ông mất năm 1986 tại Hà Nội.

9. Cù Huy Cận : (1919 -) *Phái viên, Kĩ sư Nông lâm, Thi sĩ.* Sinh ngày 31-5-1919 tại làng Ân Phú, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Trước thế chiến ông có trong Đảng Dân chủ, ngày 30-8-45 ông tham gia phái đoàn Việt Minh vào Huế nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại (cùng Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu) Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Hà Đông. Từng giữ chức Bộ trưởng không giữ Bộ nào (1945), Thứ trưởng bộ Canh nông (1946), Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Bộ trưởng đặc trách Văn hóa thông tin, Chủ tịch ủy ban Trung ương liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Ông là tác giả nhiều thi phẩm lãng mạn, cách mạng in từ năm 1940 cho đến gần đây.

10. Trần Đăng Khoa : không rõ năm sinh, *Phái viên, Kỹ sư Công chánh.*

Quê gốc tỉnh Thừa Thiên, tốt nghiệp kỹ sư, có một thời gian làm việc tại Đà Lạt, năm 1946 đắc cử Đại biểu Quốc hội đơn vị Thừa Thiên.

Sau tổng tuyển cử Quốc hội 6-1-46, ông được mời giữ chức Bộ trưởng bộ Công chánh trong chính phủ "Liên hiệp Quốc gia", tiếp đó tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt.

Ngày 13-11-1946 "Chính phủ liên hiệp Quốc gia" cải tổ, ông vẫn giữ chức Bộ trưởng Giao thông - Công chánh (1946), Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc (1955). Năm 1959 giữ chức Bộ trưởng Bộ Thủy lợi. Lúc đang tại chức, nhân một đê trên sông Hồng vỡ, ông tự cho mình có trách nhiệm, xin từ chức. Sau đó ông nghỉ hưu tại Hà Nội.

11. Trịnh Văn Bính : Không rõ năm sinh, *Phái viên, tốt nghiệp, trường Cao học Thương mại Paris, Giám đốc nhà Doan (Doans - Quan thuế) Hà Nội.*

Xuất thân trong một gia đình quan lại trí thức ở Hà Nội, cựu học sinh trường Albert Sarraut, sau du học Pháp, tốt nghiệp Trường Cao học Thương mại Paris (Hautes études Commerciales de Paris) về nước làm việc tại Nha Quan thuế Bắc kì, rồi Giám đốc cơ quan này một thời gian.

Sau Tổng khởi nghĩa tháng tám năm 1945, ông vẫn tiếp tục làm việc chuyên môn thuộc ngành này.

Ngày 17-4-1946 tham gia phái đoàn Hội nghị Đà Lạt, làm *Trưởng ban kinh tế và tài chánh*.

Tháng 11 năm 1946 chính phủ "Liên hiệp Quốc gia" thay đổi thành phần nhân sự, ông giữ chức *Thứ trưởng bộ Tài chánh* (Bộ trưởng là ông Lê Văn Hiến). Tháng 5 năm 1946 ông là thành viên của phái đoàn Việt Nam tham dự hội nghị Fontainebleau tại Pháp (Trưởng ban Kinh tế Tài chánh và Liên bang Trung Ấn) hội nghị tan rã vì thái độ cương ngạnh của Pháp.

Sau khi về nước ông vẫn tiếp tục giữ chức vụ trên.

12. Nguyễn Văn Luyện : (? - 1946) *Phái viên, Bác sĩ* ; sinh quán tại Hà Nội. Tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa nhưng không làm công chức mà mở phòng mạch tư, gia nhập phong trào Việt Nam từ những ngày đầu. Có chân trong ban sáng lập và thành lập *Đảng Dân chủ Việt Nam* cùng với Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hòe... hoạt động tại Hà Nội.

Năm 1945 tham gia ủng hộ khởi nghĩa ở Hà Nội, đắc cử Đại biểu Quốc hội khóa 1 năm 1946 thuộc đơn vị thành phố Hà Nội.

Tháng 4 năm 1946 ông được đề cử tham gian phái đoàn hội nghị Đà Lạt, hội nghị thất bại đưa đến cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Ngay trong đêm 19-12-1946 súng nổ tại Hà Nội, ông cùng con trai lớn tiếp tay săn sóc các thương binh binh tại chiến trường.

Ông và con trai hi sinh ngay giữa lòng Hà Nội.

CÁC VỊ GIÁM ĐỊNH CHUYÊN MÔN (CỐ VẤN)

1. Phạm Khắc Hòe : (1902-1994) *Cố vấn phái đoàn, Ngự tiền văn phòng Tổng lí, quê phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, tốt nghiệp trường Cao đẳng Pháp luật và Hành chánh (Hà Nội), từng làm Quản đạo Đà Lạt, Ngự tiền văn phòng Tổng lí cho vua Bảo Đại tại Huế trước năm 1945.*

Sau Cách mạng tháng Tám giữ chức Giám đốc Nha pháp chính, Đồng lí văn phòng Bộ Nội vụ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Phủ thủ tướng... tham gia hai phái đoàn dự hội nghị Đà Lạt và Fontainebleau (Pháp). Tháng 12-1946 bị Pháp bắt ở Hà Nội, năm 1947 ra vùng tự do tham gia kháng chiến, đến năm 1964 nghỉ hưu. Ông mới mất ở Hà Nội trong năm 1994.

2. Nguyễn Văn Huyền : (1908-1975) *Cố vấn, Giáo sư, Cựu Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1946-1975) ; nguyên quán làng Đại Xá, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, sinh trưởng tại Hà Nội.*

Du học Pháp, đến năm 1930 đỗ Tiến sĩ văn

chương tại Đại học Sorbonne, về nước làm việc tại trường Viễn Đông Bác cổ Hà Nội, chuyên về lịch sử và dân tộc học.

Sau Cách mạng tháng Tám ông làm Giám đốc Vụ Đại học kiêm Giám đốc Trường Viễn Đông Bác cổ, rồi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, từng là Đại biểu Quốc hội khóa II, III, IV, V, Phó hội trưởng Hội Sử học. Khi tham gia phái đoàn Đà Lạt, ông tuyên bố giữa các phái viên Pháp Việt câu thời danh : *"không phải Nam Bộ là của Việt Nam mà Việt Nam là của Nam Bộ"*.

Ông mất năm 1975 tại Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ).

Nguyễn Văn Huyền là tác giả một số công trình nghiên cứu dân tộc học rất sáng giá (phần lớn bằng tiếng Pháp).

3. Tạ Quang Bửu : (1910 - 1986) Cố vấn phái đoàn, Giáo sư, cựu Bộ trưởng, sinh ngày 23-7-1910 tại làng Nam Hoành, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thuở nhỏ học ở Huế, được học bổng du học ở Pháp, Anh. Tốt nghiệp về nước dạy ở Huế !

Năm 1946 đắc cử Đại biểu Quốc hội đơn vị Hà Tĩnh, tháng 4 cùng năm tham gia phái đoàn Đà Lạt, phái đoàn dự hội nghị Fontainebleau, từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, rồi Thứ trưởng cùng Bộ. Năm 1954 tham gia hội nghị Genève, thay mặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí hiệp định đình chiến với Pháp ngày 20-7-1954. Sau năm 1956 giữ chức

hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, rồi Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cho đến ngày nghỉ hưu.

Ông mất ngày 21-8-1986 tại Hà Nội, thọ 76 tuổi.

4. Hồ Hữu Tường : (1910 - 1980) *Cố vấn phái đoàn, Thạc sĩ toán học, nhà văn, quê làng Thường Thạnh, huyện Cái Răng, tỉnh Cần Thơ.*

Tuổi trẻ học ở Cần Thơ, Sài Gòn, du học Pháp, đỗ Thạc sĩ Toán học. Về nước ông dạy tư. Năm 1945 tham gia soạn dự thảo hiến pháp cho vua Bảo Đại, năm 1946 tham gia Hội Văn hóa cứu quốc, Hội đồng cải cách Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục ở Hà Nội, tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt.

Kháng chiến bùng nổ, ông sang Pháp hoạt động chính trị, chủ trương *Trung lập chế*, năm 1955 về Sài Gòn làm báo. Có lúc làm cố vấn cho các nhóm giáo phái li khai (Cao đài, Hòa hảo, Bình xuyên) chống chế độ Ngô Đình Diệm. Khi lực lượng này tan rã, ông bị kết án tử hình, rồi được giảm án, đày Côn Lôn vô thời hạn.

Năm 1963 ông được trả tự do, có lúc làm Phó Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn.

Năm 1975 ông đi học tập cải tạo, và mất ngày 26-6 năm 1980 tại Gia Định, hưởng thọ 70 tuổi.

Ông là tác giả nhiều tiểu thuyết có tính cách trầm tư, hài biếm về con người và xã hội.

5. Nguyễn Tường Thụy : (1903-1974) *Cố vấn phái đoàn, Kỹ sư. Nguyên quán làng Cẩm Phô,*

huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, sinh tại làng Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, sống và làm việc tại Hà Nội. Anh ruột nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Sau năm 1955, ông làm Giám đốc Nha bưu điện Nam phần ở Sài Gòn, rồi Giám đốc Nha Viễn thông Sài Gòn, năm 1974 mất tại chức.

6. Đinh Văn Hón : (1907 - ?) *Cố vấn phái đoàn, kĩ sư Canh nông, quê làng An Phú, tỉnh Cần Thơ.*

Lúc nhỏ học ở Sài Gòn, du học Pháp, tốt nghiệp kĩ sư ngành nông nghiệp, về nước làm việc ở Sở Canh nông Nam kì.

Năm 1946 tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt.

7. Kha Vạng Cân : (1908 - 1982) *Kĩ sư, Cố vấn phái đoàn, sinh năm 1908 tại Chợ Lớn.*

Du học Pháp, đỗ kĩ sư cơ khí làm việc tại Sài Gòn chuyên về máy. Trong khởi nghĩa tháng Tám, tham gia cướp chính quyền, có mặt trong những ngày đầu kháng chiến Nam bộ (23-9-45).

Năm 1946 tham gia phái đoàn Hội nghị Đà Lạt, hội nghị thất bại. Từ đó ông ra vùng tự do tham gia kháng chiến suốt 9 năm rồi tập kết ra Bắc. Khi còn ở Hà Nội ông từng giữ chức Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Sau ngày thống nhất đất nước (1976) ông về sống tại Sài Gòn, mất năm 1982, hưởng thọ 74 tuổi.

8. Hồ Đắc Liên : (1904 - ?) *Kĩ sư, Cố vấn phái đoàn*, em ruột Giáo sư Thạc sĩ Y khoa Hồ Đắc Di, quê làng An Truyền, tỉnh Thừa Thiên.

Cựu học sinh trường Albert Sarraut Hà Nội, trường Louis Grand, Paris. Tốt nghiệp trường Cao đẳng điện học Paris.

Năm 1932 về nước làm việc ở Huế, Thanh Hóa.

Năm 1946 tham gia phái đoàn hội nghị Đà Lạt.

9. Nguyễn Duy Thanh : (không rõ năm sinh, năm mất), *Kĩ sư, Cố vấn, Chuyên viên truyền tin*.

Sinh quán tại Hà Nội, du học Pháp. Tốt nghiệp về làm việc tại Nha Viễn thông Bắc kì. Sáng lập viên báo *Khoa học* ở Hà Nội, sau 1945 tham gia công tác kháng chiến, Đại biểu Quốc hội khóa I, có chân trong hội nghị Đà Lạt.

10. Kiều Công Cung : (không rõ năm sinh) *Thiếu tá, Tùy viên quân sự*, sinh quán Nam Bộ.

Sau ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-45) tham gia thành lập đội *Cộng hòa Vệ sinh*, từng chỉ huy cấp Trung đoàn tại chiến trường miền Đông.

Năm 1946 có chân trong phái đoàn hội nghị Đà Lạt, trong Tiểu ban Quân sự.

11. Nguyễn Văn Tình : *Kĩ sư*.

12. Nguyễn Văn Phác : *Đại úy, tùy viên quân sự*.

ĐOÀN ĐẠI BIỂU PHÁP

Trưởng đoàn :

D'Argenlieu : (1889 - ?) Đô đốc hải quân, Cao ủy Pháp tại Đông Dương, tốt nghiệp học viện Hải quân Pháp.

Trong thế chiến thứ I chỉ huy một tàu tuần tiểu hoạt động vùng bắc biển nước Pháp. Năm 1920 giải ngũ vào tu viện tu, từng lên đến chức Tổng giám mục Paris. Chiến tranh thế giới lần thứ II ông bị động viên phục vụ tại căn cứ hải quân Serburg, rồi chỉ huy hạm đội hoạt động ở phía Nam Địa Trung Hải. Sau khi nước Pháp được giải phóng ông được phong hàm Đô đốc và được De Gaulle trao nhiệm vụ Tổng chỉ huy các lực lượng hải quân *Pháp tự do*.

Sau tháng 8-1945, De Gaulle cử làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đầu năm 1947 bị triệu hồi về Pháp. Sau đó ông quay trở lại nhà giòng và "tiếp tục cuộc đời tu hành". Ông ta là một người nặng đầu óc thực dân, bảo thủ nhất trong giới cầm quyền Pháp hồi đó.

(Sau Max André thay ông làm trưởng đoàn).⁽¹⁾

Max André : Nghị sĩ, cố vấn hạt Seine, nguyên Giám đốc ngân hàng Pháp Hoa, Hà Nội.

Bourgoin : Trưởng ban kinh tế, tài chánh, phái viên.

Pierre Messmer : Đồng lí văn phòng Bộ Pháp quốc hải ngoại, Trưởng ban chính trị.

Bousquet : Quan cai trị, nhân viên Bộ Pháp quốc hải ngoại, phái viên.

D'Arcy : Chánh văn phòng bộ Quân lực, phái viên.

Pierre Gourou : Giáo sư, chuyên gia về văn hóa Việt, Trưởng ban văn hóa.

Torel : Cố vấn pháp luật - Nhân viên cao ủy phủ Đông Dương, phái viên.

Clarec : Cố vấn ngoại giao, phái viên.

Gonon : Cố vấn tài chánh.

Ner : Thạc sĩ triết học, cố vấn giáo dục.

Guilanton : Thạc sĩ kinh tế, cố vấn kinh tế.

Salan : Thiếu tướng, Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương, *phái viên*.

Léon Pignon : Cố vấn chính trị của Đô đốc D'Argenlieu (*cố vấn phái đoàn*)

(*Phái đoàn Pháp cũng có nhiều giám định viên chuyên môn giúp việc*).

Nguyễn Q. Thắng soạn

(1) Theo danh nghĩa, đoàn trưởng Pháp là ô. d'Argenlieu. Sự thực, ông này không dự họp, và phó đoàn trưởng Max André thay. Cho nên bên Việt Nam ô. Nguyễn Tường Tam cũng không dự một buổi họp thảo luận nào, và cũng do phó trưởng đoàn ô. Võ Nguyên Giáp thay.

Mục lục

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn... và tác phẩm	Trang
<i>Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt</i>	7
Lời nói đầu.....	23
Một vài kí vãng	25
Vấn đề chính trị	195
Vấn đề văn hóa.....	215
<i>Phụ lục</i>	227
Những vấn đề kinh tế và tài chánh	227
Ít dòng nhật kí... ..	239
Thương tiếc GS Hoàng Xuân Hãn	249

Mục lục

MỘT VÀI KÍ VÃNG VỀ HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT

(Hoàng Xuân Hãn)

Chịu trách nhiệm xuất bản : **Quang Huy**
Biên tập : **Ngọc Bách**
Trình bày, bìa : **Nguyễn Thăng**
Sửa bản in : **Nguyễn Thăng**

Hình bìa : *Toàn cảnh thành phố Đà Lạt*

In 1.000 cuốn tại Xí nghiệp Thủ Đức đường Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM theo kế hoạch đăng kí đề tài xuất bản số 335/XB-44-VHTT của Cục Xuất bản Bộ Văn Hóa - TT ngày 25-6-1996.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1996.

Nhà Xuất bản Văn Hóa - TT 43 Lò Đúc - Hà Nội

TÌM ĐỌC

-
- *Trang Tử - Nam Hoa Kinh* Nguyễn Hiến Lê
- *Lão Tử - Đạo Đức Kinh* Nguyễn Hiến Lê
- *Hàn Phi Tử* Nguyễn Hiến Lê
- *Tuân Tử* Nguyễn Hiến Lê
- *Mặc học* Nguyễn Hiến Lê
- *Kinh Dịch* Nguyễn Hiến Lê
- *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa*
Nguyễn Hiến Lê dịch
-
- *Lịch sử Thế giới*
Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang
- *Quảng gánh lo đi...* Nguyễn Hiến Lê dịch
- *Đắc nhân tâm* Nguyễn Hiến Lê dịch
- *Chinh phục hạnh phúc* Nguyễn Hiến Lê dịch
- *Khoa cử và giáo dục Việt Nam* Nguyễn Q. Thắng
- *Tiểu luận III* Nguyễn Q. Thắng
- *Hoàng Việt Luật Lệ*
Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Văn Tài dịch
- *Hồi kí Vũ Đình Hoè* Vũ Đình Hoè
- *Xây dựng hạnh phúc* Nguyễn Hiến Lê dịch

